

II
TẬP

Tiểu Thuyết
Lãng Mạn V.N.



Tranh của Họa sĩ Lê Tài Điền

Tổ Tâm : Hoàng Ngọc Phách • Lan Hữu : Nhượng Tống •
Dưới Rặng Thông : Ng Dân Giám • Suối Đàn : Lan Khai
Nửa Chừng Xuân : Khái Hưng • Cô Tư Thung : Lê V Trương
Tàng : Ng Côn : Hạc • Một Tàn : T. 15. N.

ĐẶC BIỆT : TIỂU THUYẾT LĂNG MẠN V.N
PHÁT HÀNH NGÀY 5-5-1974

Thời Tập	3	Phong trào lăng mạn
Lê Huy Oanh	4	Tiểu thuyết Lăng Mạn VN thời tiền chiến
Vũ Bằng	19	Nhớ về một thời văn nghệ lăng mạn ở nước ta
Nguyễn Quốc Trụ	21	Đọc lại Tắt Lửa Lòng của Nguyễn Công Hoan
Nguyễn Tiêm Yên	27	Sự kiện lăng mạn và tâm thức lăng mạn
Lê Huy Oanh	30	Lan Hữu của Nhượng Tống
Huỳnh Phan Anh	47	Một truyện tình nửa thế kỷ trước
Lưu thị Hạnh	51	Anh nên ở lại
Vũ Trọng Can	58	Năng Hanh Vàng
Lan Khai	62	Suối đèn
Hoàng Ngọc Phách	71	Hoa ơi, Hoa nhớ lấy ngày hôm nay
Nguyễn Nhật Duật	75	Năng Đào : Từ gió đến bão
Hoàng Trúc Ly	81	Tiểu thuyết thi vị hóa
Ức Tiên	85	Nhân đọc lại Dưới Rặng Thông
Nguyễn Đức Nhân - Trần Dạ	90	Nơi tôi đang sống
Lữ - Nguyễn thị Ngọc Minh - Nguyễn Đình Lí - Hoàng Vũ Xương Tâm		
Nguyễn Lương Vỵ	97	Mộng chiều xuân
Hoài Diễm Từ - Nguyễn thị Ngọc Minh	98	Viễn Tây - Tan như trăng lạnh
Đặng Tấn Tới	99	Qua nhà
Thư Trung	100	Giải đáp thắc mắc Văn học

Thực hiện: Lê Tài Điền
Liên lạc Biên tập: Nguyễn Mai
Chủ Trương
VIÊN LINH

* Công nhận này được xuất bản dưới sự bảo trợ của Hội Học Sĩ Trẻ VN
* Thư từ bán thảo luận Viên Linh * Tiền bạc, ngân phiếu : Nguyễn Nam
tại địa chỉ Phúc Hưng Ấn Quán, 31/5/83 Nguyễn Trãi, Saigon 5
* In 5.000 tập tại nhà in riêng của Thời Tập
* Công trình xuất bản số 201/74 BĐVCH/KSALP/GP ngày 3-5-1974.
Phát hành ngày 5-5-1974

Phong trào Văn Chương Lãng Mạn Việt Nam những năm Ba Bốn Mươi, nếu đem so sánh với thời hiện đại, hẳn cũng tương tự với phong trào có người gọi là hiện sinh trong những năm Năm, Sáu Mươi. Đúng hơn Văn Chương Lãng Mạn Việt Nam khởi từ cuốn Tổ Tâm của Hoàng Ngọc Phách ào ạt hơn, rầm rộ hơn bất cứ phong trào nào sau đó. Bởi vì chính do Văn chương mà một thế hệ thanh niên, thế hệ 1930-1940, tung ra một tuyên ngôn hăng ấp ủ: Xin cho chúng tôi yêu tự do. Vết tích còn để lại là mấy chữ « tự do luyện ái » hồi đó không những là một thông điệp của tuổi trẻ đương thời, mà còn là một khẩu hiệu phản kháng lại những khuôn thước xã hội nhô phong, vốn từ ngàn năm trước được duy trì cho tới lúc bấy giờ. Cho nên qua Thi Ca và Tiểu Thuyết, một xã hội Âu hóa tới ngày chín mùi, là xã hội thời Tổ Tâm đã tìm thấy ở Văn chương một đời sống lý tưởng, và một thiên đường không đạt được trong thực tế. Văn chương bỗng là lối thoát cuối cùng, Thơ và Truyện bỗng nằm dưới gối, là mộng mơ, là gùi gấm của hàng triệu trái tim thao thức. Tới nay dù cho có thế nào, những biến đổi có ra sao, không một ai nói khác được rằng thời cực thịnh của Quốc Ngữ là thời Văn Chương Lãng Mạn đầu thế kỷ này. Thời Tập không nói khác thế, và hơn thế, chúng tôi còn dùng cả tập này để nhìn lại phong trào đó.

Thực tế, chủ đề thật lớn lao, cho nên trong khuôn khổ giới tới bạn đọc hôm nay, chỉ có một phần được thực hiện, là phần văn xuôi, phần Tiểu Thuyết. Những phần khác của phong trào lãng mạn (Thơ, Nhạc...) sẽ là một dịp khác nữa để quý bạn và Thời Tập trở lại sau này, trong một nỗ lực toàn thể hy vọng sẽ làm hài lòng bạn đọc.



LÊ HUY DANH

TIÊU THUYẾT LÃNG MẠN VIỆT NAM THỜI TIỀN CHIẾN

Nhìn vào văn học sử thế giới, ta thấy đa số các nước, nhất là các nước Âu Châu, đều có phong trào văn chương lãng mạn. Còn ở nước ta, văn trào lãng mạn tuy ngắn ngủi, nhưng tính chất lãng mạn còn nằm hàng bậc trong thi ca và tiểu thuyết của ta trong thế kỷ này, đặc biệt là trong các tiểu thuyết thời tiền chiến.

Trước khi xét tới những bằng chứng của hiện tượng Lãng Mạn trong tiểu thuyết Việt Nam thời Tiền Chiến, chúng ta hãy qui định khái quát thế nào là tiểu thuyết lãng mạn.

A.— THẾ NÀO LÀ TIỂU THUYẾT LÃNG MẠN ?

1 — CHIẾT TỰ HAI TIẾNG « LÃNG MẠN ». — Ý nghĩa của tính từ « lãng mạn » thật ra rất rộng rãi và khá mơ hồ. Chiết tự, chúng ta thấy chữ « lãng » nghĩa là « sóng », và « mạn » nghĩa là « tràn lan ». Như vậy, một nhân vật nào đó đề mặc cho sóng tình cảm của mình — bất cứ tình cảm tốt hay xấu — tự do lan tràn ra chứ không thể hoặc không chịu lưu ý tới việc kìm hãm bớt nó lại, thì đó là một nhân vật lãng mạn.

2 — NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA LOẠI TIỂU THUYẾT LÃNG MẠN. — Tuy nhiên sự chiết tự và một định nghĩa liên hệ như trên chỉ có một giá trị rất tổng quát chưa đủ để người ta có thể phân biệt được rõ ràng thế nào là tiểu thuyết lãng mạn. Vì thế chúng ta còn cần phải qui định những đặc tính của loại tiểu thuyết này. Sự qui định như thế cần được căn cứ vào những hoạt động bên trong cũng như bên ngoài các nhân vật then chốt trong truyện. Nói cách khác, bàn tới những đặc tính của tiểu thuyết lãng mạn tức là bàn tới những đặc tính trong tâm hồn

và trong hành động của những nhân vật then chốt trong truyện. Ở những « nhân vật tiểu thuyết lãng mạn » đó thường có hoặc ít hoặc nhiều hoặc đậm hoặc nhạt những đặc tính như sau :

— Biều lộ và thực hiện mọi ý thích của mình, bất cần biết những ý thích đó có lợi hay có hại cho xã hội cũng như cho chính bản thân mình. Thích giang hồ là người ta quyết đi giang hồ cho bằng được, chẳng đếm xỉa tới những hậu quả của sự giang hồ đó, chẳng hạn hậu quả nghèo túng, cái hậu quả khiến cho gia đình mình và chính mình sẽ bị phiền phức rất nhiều vì thiếu tiền bạc cho những nhu cầu hàng ngày. Cũng như khi thích yêu ai hoặc tự nhận thấy cần phải yêu ai là người ta lặn xả vào quyết bám lấy cái đối tượng mình yêu, mặc dầu tình yêu đó có thể gây ra nhiều rắc rối phiền phức, rất có thể là những sự oan khiên, mà cái chết là một trong những hình thức thể hiện tối hậu.

— Mơ mộng, xa rời thực tế. — Các nhân vật lãng mạn thường ưa sống trong cái thế giới mộng tưởng do chính họ tạo ra, cái thế giới có đầy mọi thứ tình cảm nhưng thường vắng bóng lý trí. Trong cái thế giới đó, họ say sưa thú vị với tất cả những mơ ước thường khi rất hảo huyền, khó có thể thực hiện được một cách trọn vẹn, hoặc nếu có thực hiện được thì cũng khó mà gìn giữ được lâu dài.

— Yêu chuộng sự tự do trong nhiều hình thức của nó. — Các nhân vật lãng mạn thường muốn được tự do tuyệt đối : tự do sống, tự do suy nghĩ, tự do tìm cách thỏa mãn những đam mê của mình. Như vậy sự tự do của họ thường rất hay có những mâu thuẫn trong chính nó, nghĩa là sự tự do đưa người ta vào trạng thái mất tự do, trạng thái lệ thuộc vào chính những đam mê của mình. Chẳng hạn họ muốn được tự do yêu; được sa vào một sự chi phối của một đam mê mãnh liệt là tình yêu. Như vậy sự tự do của họ bao gồm luôn cả hành động « tự do đặt mình vào một sự mất tự do nào đó », tự do trừ diệt sự đau khổ này bằng một nỗi đau khổ khác có thể là mệnh mỏng. *đau khổ khác*

— Thiên về cuộc sống nội tâm nhiều hơn cuộc sống vật chất. Các nhân vật lãng mạn thường không thích một cuộc sống nặng những tính toán những mưu toan sát với thực tế để giành những quyền lợi vật chất. Họ chỉ thích được gần với thiên nhiên khoáng đạt thanh tĩnh để ngồi trong đó mà suy tưởng về những khoái cảm hoặc những nỗi khổ đau riêng tư của họ. Họ thường thả hồn mình theo những áng mây bay, những cánh chim trời, tư tưởng và tình cảm của họ thích phơi phới toả ra bao quát những vùng cây cối bao la, những cảnh sông núi hùng vĩ... Nếu không có đủ phương tiện, đủ điều kiện để tìm đến những cảnh thiên nhiên như thế, họ vận dụng óc tưởng tượng để tạo chúng ra cho mình. Họ sống giữa đám người đông đảo mà tưởng như mình đang cách biệt với tất cả mọi người, cách biệt với những thực tế của xã hội chung quanh. Tuy nhiên vì sống cách biệt như vậy nên họ thường cảm thấy cô đơn. Trong nỗi cô đơn ấy họ hay suy nghĩ tới sự buồn thảm đời khi đến tuyệt vọng của con người giữa thời gian và không gian vô cùng tận. Nỗi buồn đau của họ mênh mông, day dứt tạo ra trong lòng họ một mối ưu tư không rời. Đó chính là nỗi buồn thường trực mà người xưa thường quen gọi là « vạn cổ sầu ». Nỗi buồn đó thường khiến họ thốt ra những lời ai oán sâu não, thương cho đám sinh linh sống vất vưởng, lầm than trên cõi đời ô trọc cũng như thương cho chính số kiếp, thân phận bầm hiu tẻ nhạt của mình.

— Tình sung mãn. — Những nhân vật lãng mạn phần nhiều đều là những kẻ rất sung mãn về tình cảm. Vì thế những tình cảm của họ luôn luôn ở trạng thái cần được tràn ra, và chính cái trạng thái đó đã là nguyên nhân khiến họ phải hành động để những tình cảm đó có lối thoát ra. Những hành động đó của họ có thể tốt hoặc xấu, thanh cao hay ô trọc, vị tha hay ích kỷ, can đảm hay nhu nhược nhưng chúng luôn luôn là những hành động tất yếu.

— Sự cần thiết của những cảm xúc mạnh và của tình yên. — Bởi quá sung mãn tình cảm như thế, nên con người lãng mạn cần có những cảm xúc thật mạnh

phù hợp với trạng thái tâm linh của họ. Những cảm xúc mạnh đó vừa là những động lực thúc đẩy cho tình cảm của họ được chuyển động đúng mức, vừa là dịp thiết yếu để họ sử dụng những tình cảm luôn luôn đầy ắp của họ. Những cảm xúc mạnh vốn được cung cấp từ nhiều yếu tố phát động khác nhau có thể là tốt có thể là xấu, chẳng hạn như nghệ thuật, sự mạo hiểm, óc tưởng tượng, rượu mạnh, ái tình. Yếu tố phát động quan trọng nhất có lẽ là Ái Tình. Đối với họ, một người yêu thường khi còn cần thiết hơn cả cơm ăn, áo mặc. Đối với họ, người yêu đầu đó được coi như một phương thuốc để làm êm dịu nỗi sầu đau, khắc khoải của họ do sự cô đơn tạo ra. Người tình đó cũng còn thường được coi như một « thần tượng » biểu dương cho những gì thanh cao, êm dịu trong cuộc sống đầy rẫy những cảnh mà họ coi như nhơ bẩn, thấp hèn và tàn nhẫn này. Việc chấp nhận một người yêu thường được thực hiện theo nguyên tắc của sự tình cờ và ngẫu nhiên. Nghĩa là ít khi có sự lựa chọn. Tình cờ gặp được người mà họ ưa thích, họ yêu mến ngay, sẵn sàng lẫn xả vào tình yêu mà không cần biết việc chấp nhận đối tượng yêu đó có hợp với hoàn cảnh thực tế hay không, có hợp với những điều kiện ngoại tại do xã hội, tập quán, phong tục và luân lý đặt ra hay không. Có thể bảo rằng ái tình trai gái là một nhu cầu thiết yếu, một nỗi đam mê đứng hàng đầu của những nhân vật lãng mạn.

Vì quan niệm người yêu của mình biểu dương cho cái gì thanh cao nhất còn sót lại trong cuộc sống ô trọc, nên những nhân vật lãng mạn thường cố gắng tỏ ra xứng đáng với sự thanh cao đó. Vì thế, ái tình của họ thường nặng về tình thần hơn là về xác thịt, nhiều mộng mơ hơn là thực tế, và do đấy nó rất dễ trở thành tình yêu lý tưởng. Có điều, bởi vì thực chất của cuộc sinh tồn vốn có nhiều sự kiện không phù hợp với thứ tình yêu thanh quý, đầy đam mê, đầy mộng mơ như vậy nên tình yêu của những khách lãng mạn thường không nảy nở được đúng với sự mong muốn của những kẻ tham dự, nên nó

kẻ tham dự trước kia vốn cô đơn sau đó càng cô đơn hơn, trước kia vốn sâu khổ sau đó càng sâu khổ hơn. Ái tình lãng mạn thường chạy trong cái vòng luẩn quẩn không có lối thoát như thế. Những sự tan vỡ đó còn thường hay phát sinh từ lý do sau đây: bởi họ quan niệm Ái Tình là một thực thể cao đẹp tuyệt đối, trong khi những kẻ tham dự tình yêu lại vốn dĩ là những thực thể không đủ tính chất cao đẹp tuyệt đối để mà thực hiện sự tuyệt đối đó. Bất những phương tiện không tuyệt đối thể hiện cho kỳ được sự tuyệt đối, sự thất bại tất nhiên phải diễn ra.

Có thể bảo rằng hầu hết những tiểu thuyết lãng mạn trên thế giới nói chung và của thời kỳ tiền chiến tại Việt Nam nói riêng đều trình bày một tình yêu nào đó rất bông bột, rất say đắm, rất cuồng nhiệt, nhưng rốt cuộc đã bị lâm vào tình trạng dang dở hoặc tan vỡ một cách bi đát nào nùng khiến cho một hay cả hai kẻ tham dự hoặc phải chọn lấy cái chết để tự giải thoát khỏi một nỗi đau đớn không thể chịu đựng nổi hoặc phải sống trong một nỗi sầu thảm tiếc nhớ triền miên dai dẳng.

B — NHẬN DIỆN NHỮNG TIỂU THUYẾT LÃNG MẠN VIỆT NAM TIỀN CHIẾN

Chúng tôi đã căn cứ theo định nghĩa và những đặc tính kê trên của tiếng « lãng mạn », nhất là những đặc tính về « những cảm xúc mạnh mà Ái Tình, thứ Ái Tình thường được quan niệm như một thực thể tuyệt đối, là yếu tố phát động quan trọng nhất » để nhận diện và ước lượng vóc dáng các tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam thời Tiền Chiến. Chúng tôi đã phát giác được khá nhiều tiểu thuyết thuộc loại đó, nhưng dưới đây chúng tôi chỉ nói tới những tác phẩm vừa được coi như tiêu biểu hơn cả trong phạm vi loại đó, vừa có một giá trị đáng kể trên phương diện văn chương.

1 — TỔ TÂM CỦA SONG AN HOÀNG NGỌC PHÁCH. — Nói tới loại tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam trong tiền bán thế kỷ XX có lẽ trước hết ta phải kể đến

cuốn *Tổ Tâm* (xuất bản năm 1925) của tác giả Song An Hoàng Ngọc Phách. Nội dung *Tổ Tâm* là một truyện tình cảm. Nàng (*Tổ Tâm*) con gái nhà có của và cũng rất giàu tình cảm. Chàng và nàng quen nhau, thân nhau rồi rồi cuộc vì một chuyện ngăn trở phía bên chàng, hai bên không lấy được nhau. Nàng đi lấy chồng nhưng vẫn cứ yêu chàng, thương nhớ chàng, thương nhớ ghê lắm đến độ phải chết vì mối tình tuyệt vọng. Truyện *Tổ Tâm* lúc đó đã có một vai trò thật quan trọng, bởi vì nội dung truyện có nhiều điểm động chạm tới những nguyên tắc luân lý của xã hội đương thời, và cũng do vậy mà nó đã, cùng với một vài tiểu thuyết lãng mạn khác của ngoại quốc được phiên dịch ra Việt ngữ lúc đó, chẳng hạn *Tuyết Hồng Lệ Sử* của Từ Trầm Á, *Thuyền Tình Bè Ái* của Cáp Cáp Đức hay *Trà Hoa Nữ* của A. Dumas, gây ra một ảnh hưởng mạnh mẽ trong tâm hồn các thanh niên nam nữ đương thời. Truyện tình *Tổ Tâm* — Đạm Thủy đã oanh liệt thắng những sự chống đối của các nhà đạo đức, các tay thủ cựu đương thời đề tạo ra cả một tâm trạng lãng mạn thời đó. Nhiều thanh niên thiếu nữ khóc thương cho *Tổ Tâm*, rồi cũng bắt chước đi tìm những tình yêu mãnh liệt như tình yêu của *Tổ Tâm*. Nhiều nhà văn, nhà thơ sau này ắt hẳn cũng đã không ít thì nhiều, chịu ảnh hưởng truyện *Tổ Tâm*. Chỉ với một cuốn *Tổ Tâm* mà thôi, danh của Hoàng Ngọc Phách nổi như sóng cồn; và cũng chỉ với cuốn *Tổ Tâm*, họ Hoàng đã giành được một địa vị quan trọng trong văn học sử Việt Nam, được coi như ông tổ của tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam trong thế kỷ này.

2 — NHỮNG TIỂU THUYẾT Lãng MẠN CỦA NHẤT LINH VÀ CỦA KHÁI HUNG. — Dầu vậy, cái ảnh hưởng mạnh và trực tiếp của *Tổ Tâm* thật ra chỉ có tác động vào tâm trạng và nếp sống của thanh niên thời đó, chứ

Nam mới có thêm được những tiểu thuyết lãng mạn mang nhiều giá trị. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn mặc dầu không phải là một văn phái lãng mạn thể nhưng trong các tác phẩm của họ cũng có một số tác phẩm được coi như thuộc loại tiểu thuyết lãng mạn, đáng kể nhất là những cuốn *Đôi Bạn*, *Bướm Trắng* của Nhất Linh; *Đời Mưa Gió* của Nhất Linh và Khái Hưng, *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chàng Xuân* của Khái Hưng. Những tiểu thuyết này đã vượt xa hẳn *Tổ Tâm* về phương diện văn chương đồng thời cũng trình bày những nhân vật cũng như những tình yêu đã thuộc về một thế hệ khác, nên đã được lớp thanh niên mới đương thời nhiệt liệt hoan nghênh. Dưới mắt những người trẻ tuổi của thế hệ mới này, nhân vật *Đạm Thủy* trong *Tổ Tâm* đã trở thành lỗi thời vì đã già nua trong cử chỉ, trong tác phong cũng như trong dáng dấp. Vì thế *Đạm Thủy* đã được những nam nhân vật như *Dũng* (trong *Đôi Bạn*) hoặc *Trương* (trong *Bướm Trắng*) thay thế. Trong *Đôi Bạn*, tính chất lãng mạn được phân tán mỏng, tỏa ra nhiều nơi: một chút trong tình yêu (mối tình đẹp nhưng ngậm ngùi của *Dũng* và *Lỗn*), một chút trong cảnh sắc thiên nhiên, một chút trong những tư tưởng và hành động cách mạng của chàng *Dũng*. Sang đến *Bướm Trắng*, những tình cảm lãng mạn được lồng vào một hoàn cảnh thật mới mẻ. Vai chính là một chàng trẻ tuổi (*Trương*) bị *Tử Thần* cướp mất người yêu đồng thời lại bị con ma *Bệnh Tật* bắt phải chịu một chứng bệnh nan y. Chàng ta lang thang đi tìm lại hình bóng người yêu đã mất và tìm lại được hình bóng đó qua một người con gái khác (*Vân*). Nhưng chứng bệnh lao của chàng không dễ cho chàng được tự do hưởng hạnh phúc đã tìm lại được. Những mặc cảm cả tự ti lẫn tự tôn đã khiến cho chàng ta như chơi trò hú tim với *Ái Tinh*, đồng thời cũng chơi trò hú tim luôn cả với *Thần Chết*. Còn trong *Đời Mưa Gió*, tính thần lãng mạn được thể hiện qua những nhân vật táo bạo hơn: một thầy giáo mô phạm, đạo mạo (giáo *Chương*) yêu một cô gái thuộc loại bụi đời (*Tuyết*). Chúng ta nhận thấy rằng trong *Tổ Tâm* cũng như trong *Đôi Bạn* hoặc *Bướm*

Trắng các nữ nhân vật chính đều là những gái thuộc loại tử tế. Còn cô Tuyết trong Dời Mưa Gió thuộc loại sống lỏng bông, bừa bãi gần giống như một gái giang hồ vậy. Nhân vật này đã tiên báo sự xuất hiện của những nhân vật cùng loại trong các cuốn Cô Tr. Thuong (của Lê Văn Trương), Nàng Công Chúa Huế (của Lưu Trọng Lư) và Một Minh Trong Đêm Tối (của Vũ Bằng) mà chúng tôi sẽ đề cập tới sau.

Trong số những tiểu thuyết lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn, hai cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên và Nửa Chừng Xuân (đều của Khái Hưng) đã được độc giả của suốt mấy chục năm nay ham chuộng một cách nồng nhiệt.

Truyện Hồn Bướm Mơ Tiên thật ra đặc về «cái lương», bởi vì cái tình yêu trong đó hơi có vẻ kỳ dị khác thường ít thấy có trong các cuộc tình thông thường của loài người. Anh chàng Ngọc mến chủ tiểu Lan, và khi khám phá ra rằng chủ tiểu Lan là gái giả trai thì Ngọc đâm ra yêu Lan một cách say đắm đến gần như điên cuồng. Lan cũng yêu Ngọc, nhưng nàng lại cũng say mê cảnh tu hành. Hai mãnh lực tương đương của tình yêu và tôn giáo đã xâu xé trái tim Lan, nhưng cuối cùng tôn giáo mạnh hơn, nên nàng định trốn đi nơi khác tu để trốn lánh ái tình. Nhưng Ngọc khuyên Lan không nên đi đâu cả, và chàng ta nguyện bỏ cái ý định chiếm cả linh hồn lẫn thể xác Lan làm của riêng, mà chỉ «chân thành thờ cái linh hồn dịu dàng của Lan ở trong tâm trí». Chàng ta cũng hứa với Lan rằng «suốt đời chàng sẽ không lấy ai chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của ái tình lý tưởng.» Hồn Bướm Mơ Tiên rõ ràng là một truyện tình lãng mạn hơi có vẻ lảm cẩm thể nhưng nó đã có mãnh lực gợi cảm rất mạnh trong lòng những độc giả trẻ tuổi.

Truyện Nửa Chừng Xuân cũng là một thứ ái tình lãng mạn thuộc loại lý tưởng như truyện Hồn Bướm Mơ Tiên, nhưng nó có vẻ có nhiều tính chất nhân bản và hợp lý hơn. Lộc yêu Mai và cũng được yêu lại một cách chân thành thiết tha và cực kỳ say đắm. Thế nhưng

Lộc chỉ là một gã tầm địa tầm thường. Vì tầm thường nên gã đã cũng vì vài lý do rất tầm thường để mà bỏ Mai trong lúc nàng đã có bầu với gã. Gã bỏ Mai để chạy theo công danh phú quý. Gã không đáng là người để Mai trao trọn vẹn lòng mình, thế nhưng đã trót yêu gã rồi, Mai không thể quên gã được, nàng vẫn còn yêu gã, yêu mãi mãi cho đến hết đời nàng, mặc dầu nàng nhất định xa chàng. Ngay cả khi Lộc hối hận đến tạ tội với Mai, nàng cũng vẫn cứ nhất định xa chàng để giữ một mối tình thanh khiết và lý tưởng. Chắc hẳn Mai nghĩ rằng người ta có thể vẫn xa nhau mà vẫn yêu nhau, và trong trường hợp của nàng với Lộc, chỉ có sự xa cách mới giữ được trọn sự đẹp đẽ của cuộc tình. Từ năm 1934 cho tới tận ngày nay, Nửa Chừng Xuân đã được tái bản đi tái bản lại cả chục lần và điều đó chứng tỏ cuốn tiểu thuyết này đã được độc giả hâm mộ nhiệt liệt suốt mấy chục năm nay.

3.— NHỮNG TÁC PHẨM LĂNG MẠN KHÁC.—

Trong những tác phẩm của những nhà văn độc lập, người ta cũng thấy có không ít những tiểu thuyết lãng mạn đáng đề ý.

Trước hết là cuốn *Cô Tư Thung* (xuất bản năm 1937) của Lê Văn Trương. Đây là truyện một gã sĩ tình (Đoàn Hữ) yêu mê say một cô gái truy lạc (*Tư Thung*). Có lẽ thuộc loại gái chơi nên rất thường làm khổ gã bằng đủ cách, thế nhưng chàng ta vẫn luôn luôn yêu nàng một cách đắm đuối tha thiết, yêu đến độ sẵn lòng hy sinh tất cả mọi thứ chỉ mong sao cho nàng được sung sướng. Khi đọc *Cô Tư Thung*, tôi đã không thể không nghĩ tới cuốn *Of Human Bondage* của Maugham, mặc dầu chắc hẳn Lê Văn Trương, khi viết *Cô Tư Thung*, đã không hề chịu ảnh hưởng *Of Human Bondage*. Văn pháp và cách điều tiết cốt truyện trong *Cô Tư Thung*, cũng như trong hầu hết tiểu thuyết của Lê Văn Trương, có nhiều chỗ rất dở, có thể bảo là ngớ ngẩn nữa, thế nhưng *Cô Tư Thung* cũng vẫn có một tính chất hấp dẫn riêng, nhờ ở cốt truyện khá đặc biệt và cái giọng sốt

sắc mãnh liệt của họ Lê. Nhân vật Đoàn Hữu trong *Cô Tư Thung* là thứ nhân vật lãng mạn « đại gái » rất điển hình trong cái thế giới mộng mơ, viễn vọng và rời thực tế của những gã lãng mạn.

Cái thứ nhân vật lãng mạn đại gái kiểu Đoàn Hữu còn đã xuất hiện trong vài cuốn tiểu thuyết khác chẳng hạn cuốn *Nàng Công Chúa Huế* (1938) của Lưu Trọng Lư hoặc *Một Minh Trong Đêm Tối* (1937) của Vũ Bằng. Gã đàn ông vai chính trong *Nàng Công Chúa Huế* yêu một cô gái thuộc dòng quý phái nhưng tình tình hơi hợt lại thêm cái nét xai tiền rất dữ. Gã say mê nàng, hết lòng thờ phụng cung đón nàng, tưởng tượng mối tình của gã với nàng như một cuộc tình vương giả, đề rồi một ngày kia gã vỡ mộng khi thấy nàng chỉ là một người đàn bà rất hư đốn, vì nàng bắt bồ với một người ngoại quốc, khiến cho gã phải chịu một nỗi hận lòng không thể nguôi được. Nam nhân vật chính trong *Một Minh Trong Đêm Tối* là một gã thanh niên tư chức hiền lành. Gã yêu một cô gái nghèo, lẳng lơ và cũng rất thích tiền. Hai người ở với nhau, thế nhưng cô vợ làm khổ gã đủ điều, nhất là cô ta đã ngoại tình với một người đàn ông khác khiến cho gã đau buồn đâm ra nghiện hút để cố khuây lãng mối sầu. Những cuộc cãi lộn như cơm bữa, và sự thù hận của Hải (tên gã) đối với Trâm (tên nàng) thường khiến cho gia đình này biến thành một thứ địa ngục. Thế nhưng dầu bị phản bội, dầu đớn đau khổ sở nhưng Hải vẫn không thể nào không yêu Trâm. « Trước sự gọi tình của người đàn bà, chàng không còn biết gì hết, chỉ còn nhắc một cách đần độn : — Em ơi, người yêu đời đời của anh ơi... » rồi gã ta ôm gù lấy nàng, hôn vào khắp người nàng. Mặc dầu thuộc loại si tình hèn yếu, nhưng cũng như hai nam nhân vật trong *Cô Tư Thung* và *Nàng Công Chúa Huế*, anh chàng Hải vẫn luôn luôn có cái dáng vẻ rất xứng đáng của loại lãng mạn « nhà nòi », xứng đáng ở chỗ dám ăn chịu với sâu khổ, sẵn sàng quên mình để phụng sự người mình đã trót tôn

Những cảnh sa đọa, truy lạc, và thú tình một chiều như thế sẽ mờ nhạt dần khi đọc giả lại bước vào cái thế giới tình ái thơ mộng, lý tưởng hoặc cao cả, thiết tha trong những tiểu thuyết tình cảm lãng mạn như *Tắt Lửa Lòng* và *Lá Ngọc Cảnh Vàng* của Nguyễn Công Hoan, *Dưới Rặng Thông* của Nguyễn Dân Giám, *Một Linh Hồn* của Thụy An, *Nắng Đào* của Nguyễn Xuân Huy, *Lan Hữu* của *Nhượng Tống*, *Một Cuộc Tình Mười Lăm Năm Về Trước* của Lưu Thị Hạnh, *Suối Đàn* của Lan Khai...

Tắt Lửa Lòng của Nguyễn Công Hoan, ngày nay được người ta quen gọi là *Truyện Tình Lan và Diệp*, cũng là một thứ tiểu thuyết lãng mạn lý tưởng có vài điểm hơi giống với *Hồn Bướm Mơ Tiên* hay *Nửa Chừng Xuân*. Một cuộc tình tan vỡ vì chàng mắc mưu một ông quan lớn phải bội ước với nàng để lấy người khác. Kết cục, chàng bỏ vợ còn nàng cắt tóc đi tu; rồi nàng vì đau khổ mà lâm bệnh rồi chết trong tay chàng. Chỉ còn một mình chàng ở lại trong cõi đời, nhưng sống buồn khổ như vậy thì sống cũng kể như đã chết vậy. Tôi dám đoán chắc rằng *truyện tình Lan và Diệp* đã từng làm rất nhiều độc giả Việt Nam phải nhỏ lệ, cũng như những *Wuthering Height* của Emily Brontë hay *La Dame aux Camélias* của Dumas fils vậy. *Tắt Lửa Lòng* là một truyện tình lãng mạn nhưng đây là một thứ lãng mạn thanh quý, trong sạch tuyệt vời.

Cuốn *Lá Ngọc Cảnh Vàng* cũng là một tiểu thuyết tình cảm lãng mạn rất hay của Nguyễn Công Hoan. Cô Nga là ái nữ của một viên tri phủ. Cô ta yêu Chi, một thanh niên tuy có học thức nhưng lại là con trai của một bà góa bán xôi chè ở cổng phủ đường. Vì chàng thuộc thành phần con nhà bần bạch, hạ tiện như vậy, nên mặc dầu Nga đã có thai với Chi, nhưng ông Phủ nhất quyết không chịu để cho con gái mình được lấy Chi. Ông còn bắt con gái phải uống thuốc phá thai khiến cho nàng phải mất mạng. Trong *Lá Ngọc Cảnh Vàng* cũng như trong *Tắt Lửa Lòng*, Nguyễn Công Hoan đã lồng một truyện tình lãng mạn nhưng thật thanh cao vào một đề

tại xã hội. Và những cái xấu xa của giới quan lại thời Pháp thuộc mà tác giả nêu ra để dả kích đã là những cái nền đen ngòm làm nổi bật cái màu trắng tuyết với của những mối tình tuyết với.

Nữ nhân vật tên Vân trong cuốn tiểu thuyết *Một Linh Hồn của nữ tác giả Thụy An cũng là một thiếu nữ* đáng quý và đáng thương như cô Lan trong *Tất Lửa* Lòng hoặc cô Nga trong *Lá Ngọc Cành Vàng*. Cô Vân cũng thuộc loại người tình cảm sung mãn, sung mãn đến độ đã có thể chết vì yêu, mặc dầu những khi thất vọng vì tình cô ta đã quy dưới bóng thánh giá để cầu xin sự an ủi của Chúa Cứu Thế. Có thể là Chúa đã an ủi cô rất nhiều, đã ban cho cô thêm sức mạnh, nhưng rồi tất cả những sự an ủi thiêng liêng đó cũng không giữ cho cô được khỏi chết vì sầu đau. Bởi đâu mà Vân đã đau khổ như thế? Nàng là con một ả giang hồ hạng sang (một thứ gà mái thượng hạng). Nàng rất có hiểu, nên khi mẹ nàng gặp cảnh nợ nần nàng đã phải bán thân bằng tuyết để lấy tiền trang trải nợ nần cho mẹ. Thế nhưng trước đó nàng đã yêu một thanh niên tri thức (Đi) cũng trong sạch như nàng. Vì thế mà tâm sự của nàng đã gần giống như tâm sự của một cô Thúy Kiều. Một cô Thúy Kiều trong bước long đong không bao giờ có thể quên được người tình cũ. Buồn vì tuyệt vọng, buồn vì xấu hổ nhục nhã buồn vì bị người yêu hiểu lầm cho mình là gái trắc nết, nàng đau nặng rồi chẳng bao lâu từ giã cõi đời.

Vì quá đa sầu đa cảm, vì những nghịch cảnh cuộc đời cô Lan chết, cô Nga chết, cô Vân chết rồi đến cô đầm Yvonne trong truyện *Dưới Rặng Thông* của Nguyễn Dân Giám cũng chết luôn. Cô đầm này cũng chết vì yêu. Cô yêu một gã thanh niên Việt Nam sang du học tại Pháp. Cuộc tình thật thơ mộng tại một nơi có thông reo, có những cánh đồng tuyết phủ trắng xóa, có những vườn cây trái xum xuê, những ngọn suối chảy róc rách, những thôn xóm êm đềm. Trong cảnh thơ mộng đó, ả tình như mọc cánh mà bay lên tới chín từng mây biếc, hoặc

trụ. Ai tình quả là đẹp biết bao, tuyệt vời biết bao ! Nhưng than ôi, những nghịch cảnh phá vỡ mất tình yêu đó. Cô đầm kia buồn thương, thất vọng đau bệnh rồi chết...

Cả ba kẻ đa tình (một cậu và hai cô) trong truyện Lan Hữu của Nhượng Tống cũng đã từng kể ít người nhiều đau đớn khổ sở vì tình nhưng may thay, không ai bị chết cả. Ngọc là một thiếu niên tài hoa rất mơ mộng, rất đa tình, thích thiên nhiên, thích hoa và tiểu thuyết. Ngay từ lúc mới bắt đầu mười một tuổi, Ngọc đã yêu cô Hữu, đối với chàng là chỗ cháu cô cháu cậu. Chàng yêu Hữu ghê lắm, thế nhưng vì bầu tình cảm của chàng luôn luôn đầy ắp càng lát lại càng đầy, nên dần yêu Hữu thiết tha nhưng Ngọc cũng vẫn còn dư tình cảm để yêu thêm một cô thứ hai : cô Lan. Rút cục, vì hoàn cảnh, chàng đã không lấy được cô nào cả và cả hai cô bạn kia cũng kể ít người nhiều phải chịu đựng nỗi buồn khổ như chàng vậy. Nhưng hai cô cũng chỉ buồn khổ đến một lúc nào đó rồi thôi : họ đi lấy chồng và hình như họ có thể sống vui vẻ với chồng con họ. Chỉ có Ngọc là vẫn còn buồn, một nỗi buồn tuy về sau này đã dịu đi nhưng luôn luôn vẫn cứ là một nỗi chưa xót man mác vĩnh viễn...

Cũng như Ngọc và Hữu, cặp tình nhân Đào và Phê trong truyện Nắng Đào của Nguyễn Xuân Huy vốn có họ xa với nhau, nên có dịp được gần gũi nhau dưới một mái nhà. Họ là hai người trẻ. Giữa cánh đồng lúa thiên nhiên ở thôn quê, cuộc tình của họ diễn ra thật vui vẻ thơ mộng. Cuộc tình đó có những buổi nắng thật đẹp nhưng một đôi khi cũng có những cơn dông tố, thử dông tố đó tưởng chừng thật dữ dội nhưng thực ra đó chỉ là « bão tố trong tách trà » như người Anh-Lê thường nói, bởi vì sau cơn bão tố đó, trời lại sáng sủa đẹp dễ hơn bao giờ hết. Đây là một cuộc tình vừa say đắm vừa hồn nhiên, vui tươi, khác hẳn với những cuộc tình đau thương trong Tố Tâm hoặc trong Tất Lửa Lòng.

Nhưng sang đến Một Truyện Tình Mười Lăm Năm Về Trước, cuộc tình trong đó lại có một kết cuộc buồn, do các đấng phụ huynh gây ra. Nguyễn và Thủy yêu

nhau, định tâm sẽ lấy nhau và sống bên nhau mãi mãi. Nhưng gia đình (ôi, gia đình!) Nguyên lại ép duyên nàng: bắt nàng phải lấy một người khác. Đau đớn, buồn khổ, chàng bỏ đi xa để cố quên nàng. Chính nàng cũng buồn khổ ghê lắm, đến độ nàng bỏ chồng để đi tìm chàng. **Khi gặp chàng**, chàng đã có vợ...

Nhưng mỗi tình kỳ lạ nhất trong tất cả những cuộc tình mà chúng ta đang duyệt qua có lẽ là mối tình của chàng trai kinh với một cô sơn nữ trong cuốn «Suối Đàn» của Lan Khai. Cô sơn nữ kia quý mến chàng trai kinh nhưng nhất định không chịu kết hôn với anh ta. Vì sao thế? Sự giải đáp câu hỏi này đã trình bày một mối tình khác thật cảm động mà cũng thật đau đớn biều lộ tất cả những tình cảm đặc biệt nhất của những đồng bào miền Thượng Du. Đây có lẽ là truyện tình kỳ kỳ nhất và cũng hay nhất trong số những truyện tình cảm lãng mạn của Lan Khai.

Chúng ta vừa nhận diện 17 tác phẩm tiêu biểu cho loại tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam thời Tiền Chiến. Chúng tôi vừa dùng tiếng «tiêu biểu» bởi vì chúng tôi nhìn nhận rằng trong kho tàng tiểu thuyết Việt Nam tiền bán thế kỷ XX vẫn còn có nhiều cuốn khác cũng thuộc loại này. Sở dĩ chúng tôi không đề cập thêm cuốn nào khác là vì chúng tôi nghĩ rằng 17 tác phẩm trên đã đủ để chứng tỏ tầm quan trọng của hiện tượng lãng mạn phát hiện bằng bạc trong suốt mấy chục năm văn chương Tiền Chiến. 17 tác phẩm này cũng đã đủ để chứng tỏ rằng những tiểu thuyết lãng mạn có một giá trị văn chương cao và đã được viết ra với tất cả sự chân thành của tác giả nhất định không phải thứ văn phẩm có hại cho người đọc như một số những nhà đạo đức, mô phạm thường hay quan niệm một cách chủ quan và mơ hồ. Dầu nội dung của nó ra sao, nếu quả thực nó có giá trị văn chương và chứa đựng sự thành thật, nó cũng vẫn là một tấm gương tuyệt diệu chiếu ra những tình cảm sung mãn của

trong cuộc sống. Một khi ta hành động theo nhu cầu của tình cảm thì dù hành động đó có như thế nào, xấu hay tốt, nhu nhược hay can đảm, nó cũng vẫn luôn luôn là thứ hành động biểu lộ rõ ràng nhân tính đích thực của con người. Như vậy, tiểu thuyết lãng mạn cho người ta thấy rõ những tư tưởng những xúc động chân thành nhất của con người, một vẻ chân thành nhằm phát huy sự can đảm và khả năng của con người trong cuộc sống, phát huy tinh thần tự do, bày tỏ ý chí phá vỡ tất cả những trở ngại cản đường tiến hóa của tư tưởng cũng như của những hành động thiết yếu của con người.

Do đấy những tiểu thuyết lãng mạn có giá trị vẫn thường truyền cho người đọc những tình cảm sôi nổi mãnh liệt nhất, những tình cảm minh chứng rõ ràng cái địa vị độc tôn của con người trong vũ trụ, những tình cảm giúp con người biết xúc động bằng mãnh lực tốt cùng của sự xúc động, khiến cho tâm hồn con người trở nên phong phú, bao la, kỳ diệu hơn.

Dân tộc Việt vốn là một dân tộc rất giàu tình cảm và luôn luôn khao khát, tôn thờ sự tự do, nên những tiểu thuyết tình cảm lãng mạn thường được độc giả Việt Nam đón nhận và hoan nghênh một cách nồng nhiệt. Tôi tin rằng những nhân vật tiểu thuyết như Loan, như Dũng, như Hiền, như Vội, như Tố Tâm hay Đạm Thủy, như Hải, như Trâm, như Vân, Nga, Di, Chương, Tuyết, Lộc, Mai, v...v... trong một phần lớn những tác phẩm đã được đề cập tới ở trên sẽ còn sống mãi với thời gian và sẽ được độc giả của bất cứ thời đại nào đón nhận với những cảm tình thâm đượm nhất. =

VŨ BĂNG

NHỚ VỀ MỘT THỜI VĂN NGHỆ LÃNG MẠN Ở NƯỚC TA

Còn đây, vì thiếu bút giấy, có một số báo hàng ngày phải rút trang, do đó các tiểu thuyết — dài đa số là lãng mạn tình cảm — phải nghỉ, khiến cho nhiều bạn đọc cảm thấy thiếu thốn khá nhiều. Dù muốn dù không, ta cũng phải nhận rằng ở vào nước nào, dưới bất cứ chính thể nào, văn chương lãng mạn cũng chiếm được cảm tình của đông đảo người đọc, nhưng không phải vì thế mà tồn tại mãi. Văn nghệ cũng như kiếp người: thay đổi luôn luôn, và mỗi giai đoạn qua đi rồi thì không trở lại.

Ở các nước, phong trào văn chương lãng mạn đã cáo chung. Nếu văn lãng mạn ở nước ta nay mai đây bị thay thế bằng một loại văn học khác, ta cũng không nên lấy làm lạ.

Ở Bắc Việt, trước 1945 cũng đã có một thời kỳ văn lãng mạn bộc phát và làm cho nhiều người say sưa. Ấy là thời kỳ Tuyết Hồng Lệ Sử, Dư Chi Thê, Dư Chi Phu, Bê Oan rồi kể đó là những nhà văn sáng tác như Nhượng Tống, Thi Nham Đình, Khai Hóa rồi tiếp theo đó nữa là: Song An Hoàng Ngọc Phách với truyện Tổ Tâm, tiếp theo là các nhà văn trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy như Ngọc Giao, Thanh Châu, Thân Tâm, Nguyễn Dân Giám, Vũ Lăng, Nguyễn Trầm Dự, Trần Huyền Trân... Muốn biết rõ phong trào tình cảm lãng mạn này với tất cả diễn tiến cũng sự suy tàn của nó, ta không thể không tìm hiểu các bộ phận trong văn học Việt Nam từ thời Pháp thuộc đến nay.

VĂN HỌC LÃNG MẠN SINH RA TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO CỦA VĂN HỌC SỬ ?

Nếu có ai hỏi tôi về sự phát triển văn học từ thời kỳ Pháp chiếm nước ta, tôi nghĩ rằng tôi có thể trả lời như thế này :

Theo tôi, từ khi người Pháp đến đô hộ nước ta, hoàn cảnh lịch sử đã đẻ ra ba bộ phận trong văn học :

- 1.— Văn học yêu nước cách mạng.
- 2.— Văn học nô dịch phục vụ kẻ chinh phục hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp.
- 3.— Văn học hợp pháp không cách mạng.

Trong nửa thế kỷ viết văn làm báo, tôi đã sống trong bộ phận 2 và 3, nhưng nói cho thực đúng, lúc văn học nô dịch lên

Phải đợi đến lúc thế chiến thứ nhất bùng nổ, tôi mới thực biết và thực sống với cái văn học hợp pháp, không cách mạng. Ấy là thời kỳ *«Rồng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tộc»* đã hết thời, thực dân Pháp biết rằng không thể giam hãm mãi người Việt Nam trong hầm tối của tư tưởng đã lên mặt tự do dân chủ *«cởi mở văn học»*, và tìm một lũ người theo chúng *«lớn tiếng xây dựng một nền văn học dân tộc»*.

Bộ phận văn học hợp pháp không cách mạng ra đời trong trường hợp đó. Âm mưu nguy hiểm của thực dân lúc phát động phong trào này là làm cho những nhà văn nghệ hồng từ trong xương tủy, tím óc hồng ra. Trong khi dãi ngộ cả về vật chất lẫn tinh thần các nhà văn hóa nô dịch, thực dân Pháp xiết chặt sự sống của các nhà văn học hợp pháp, không cách mạng bằng cách để cho đói rách, khó khăn, vất vả.

Tân Đà, Nhượng Tống, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Thi Nham Định Gia Thuyết tương đối có một sức phản kháng gì đáng kể với thực dân đầu, vậy mà cũng đói lên đói xuống, nay được mời ra sờ mặt thăm hỏi về ý nghĩa câu thơ này, dọa dẫm về một bài văn khác. Phải nói thật rằng lúc ấy phong trào cách mạng bị xẹp, trong nước không có một đảng chống Pháp *«ra mẽ»* nên các nhà văn hóa, văn nghệ *«xẹp»* luôn. Người có đủ ăn *«chùm chần»* không viết hoặc có viết chẳng nữa thì cũng viết rồi để đấy, đọc cho một vài bạn tâm giao những lúc trà dư tửu hậu. Về phần những người sống về nghề bút thiết thì đành phải tìm những chất liệu gì *«không đụng chạm đến ai»* để viết.

Văn học hợp pháp, không cách mạng mặc nhiên bị sự chi phối của đường lối chính trị thực dân Pháp tuyệt đối cấm không cho đụng chạm đến ách thống trị của thực dân. Còn đối với phong kiến, quan liêu thì tùy hoàn cảnh, tùy thời, tùy cá nhân, Pháp có khi cho phép đụng chạm, nhưng đến một mức độ nào mà thôi. Bởi vì đã kích phong kiến quan liêu cũng có ích cho chúng, nhất là đã kích các tập tục, lễ giáo phong kiến, cho phong kiến là một trở ngại vô cùng cho sự tiến bộ, cho văn minh mới thì chúng lại càng hoan nghênh lắm.

TỪ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG CÁ NHÂN ĐẾN PHONG TRÀO VĂN CHƯƠNG LÃNG MẠN

Nhưng chỉ huy văn hóa theo lối đó chỉ có tính cách tiêu cực.

Tích cực, thực dân Pháp đưa ra một ý kiến nguy hiểm, độc hại hơn là cho một bọn tay sai, — phần đông du học Pháp về thuộc thành phần tư sản và tiểu tư sản — đứng ra *«lãng xè»* một *«chiến dịch»* giải phóng tình cảm, tôn thờ cá nhân, chủ trương hưởng thụ, lấy tình yêu trai gái làm lẽ sống, lấy sự vinh thân phì gia làm cứu cánh.

Lúc đó phong trào cách mạng bị khủng bố dã man, hầu hết người ta đều chán nản, kể cả những nhà văn hóa, văn nghệ, cho nên một số lớn sanh chán đời. Gặp lúc chiến dịch giải phóng phong trào «tự do cá nhân» mà thực dân phát động đó chỉ là một cái «sú pap» chánh trị, «hủi khéo» người ta vào một cái ngõ cụt đề chết dần mà thực chất của phong trào «tự do cá nhân» chỉ là đề án chơi trội lạc, yếu đuối dần, nhờ văn võ, mất hết cả ý chí tranh đấu để kết cục rồi sẽ làm tay sai cho chúng. Cũng nên biết thêm rằng thời kỳ này còn là thời kỳ uống rượu mặc sức, hút thuốc phiện «thả giàn», các nơi hành lạc mọc lên vô số kể, con trai thì đánh phẩn bồi mồi mà con gái thì sống chết với chủ trương «phì cao đẳng bất thành phu phụ».

Ấy là thời kỳ Lưu Trọng Lư làm Hà nội báo viết những bài thơ «em là con gái ngồi trong song cửa», Xuân Diệu ngâm «anh nhớ bóng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh, anh nhớ em nhớ quá, em ơi», Thế Lữ nổi tiếng vì bài thơ «Lời Kỷ Nữ» Thanh Châu viết những chuyện Nghê Sĩ Lang Thang, Tà Áo Lụa, Hai Sắc Hoa Tì Gôn, Leiba viết những bài thơ «cho lao, tả những người con gái trông ngóng người yêu mà không gặp» Vũ Lang viết những truyện hoa mộng nói lên những mối tình trắc trở ly kỳ cổ kính, Nguyễn Vỹ làm thơ «Mưa đêm» buồn héo hắt ruột gan, Trương Tửu viết truyện Khi Cái Yếm Rơi Xuống, Như Phong (Như Phong khác, chớ không phải Như Phong hiện giờ ở miền Nam) viết truyện đêm mưa ở trên các lăng tẩm xứ Huế, các mẹ nửa đêm dậy thấp nhang tưởng nhớ các tiên đế mà lòng thì sôi sục vấn đề sinh lý... Đó là thời kỳ Thâm Tâm viết những chuyện vu vơ, Trần Huyền Trân làm thơ tả mùi thơm của sen nở ban đêm trên hồ Tây, Thao Thao tả cái buồn cuối thu có «sếu ỉa cứt trắng» trên nệm cỏ hồ Hoàn Kiếm và đó cũng là thời kỳ Nguyễn Dân Giám (bút hiệu Chiêu Đằm) vừa ở Pháp du học về không biết làm gì ngồi viết Sóng Gió Thái Bình Dương không nổi tiếng soay sang viết ba thiên chuyện lãng mạn hợp lại dưới cái tên Dưới Rặng Thông tả một mối tình giữa anh và một cô đầm tên là Yvonne. Cuối mỗi đoạn, lại có một bài trường thiên thể thậm có những câu kiêu Nguyễn Bình:

*Thế là lỡ một văn thơ,
Thế là tan một giấc mơ ái tình.*

theo kiểu bản dịch bài Le Lac của Lamartine

*Ai run rủi cho ta tới đó
Đã lờn này nhớ chỗ năm xưa.*

*Một ngày buồn nhất buổi tà huân,
Một đêm buồn nhất buổi đêm xuân cuối mùa.*

Không nói rõn, Nguyễn Dân Giám với tôi là bạn chí thân, tôi không nói bịa : cứ mỗi Tết viết xong mỗi đoạn Dưới Bể Thông đưa cho tôi, anh ta lại khóc như đứa trẻ và mặc dầu không biết uống rượu, anh cũng uống đến say bỏ lê bỏ càng vì lúc đó «phàm ai không say rượu, trác táng trai gái và hút sách» thì không được kể là văn nhân thi sĩ.

KHÔNG PHẢI CHỈ CÓ CON GÁI MỚI ĐAU NGỰC, NHÀ VĂN CŨNG MUỐN MẮC BỆNH LAO

Quả tình tôi không muốn nói xấu một ai nhưng sự thật thế nào nếu giấu diếm không nói ra, nó chướng phè phè trong bụng không chịu được.

Có thể nói không phải chỉ có một mình Nguyễn Dân Giám lãng mạn và khóc vắn vớ, như thế Thanh Châu, tương đối là người có kiến thức nhất trong bọn cũng hay sữa một vế mặt buồn rầu như thế khi viết xong Hoa Ti Gôn. Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Lê Bái (*) thì sầu rã rã như sắp chết khi Hai Sắc Hoa Ti Gôn ra đời. Vũ Lang ốm như Vũ Hoàng Chương hay giờ lấy làm «hợp lý» khi đi khám thấy mình mắc bệnh lao, Bùi Xuân Như lấy làm may là mình cũng mắc bệnh lao như Vũ Lang chứ không mắc bệnh khác, Thâm Tâm thì gầy như que củi. Điện hình nhất là Ngọc Giao viết một truyện gì mà không mor màng, vắn vớ, làm cho con gái đọc phải khóc như điện thì không miễn nguyện. Anh tương đối mạnh, nhưng đi đâu cũng than là mắc bệnh tim và thỉnh thoảng lại đấm bình bịch vào ngực mà ho kẻoặc kẻoặc (bởi vì có húng háng ho và đau tim mới là nhà văn hợp thời!) Riêng kẻ viết bài này cũng thế : tất cả ao ước hồi đó là viết được một cuốn tiểu thuyết như Tuyết Hồng Lệ Sử hay làm được một bản nhạc như Sombre Dimanche làm cho con gái tự tử rầm rầm hoặc dựng được một vở kịch cực kỳ thâm như Alfred de Vigny, kịch Chatterton khiến cho dân bà con gái đi xem về phải mua đọc được uống để mà chết nhàn ra cả đồng.

Không nhắc lại vụ cô Tuyết Hồng vì phong trào lãng mạn này, sau hôm cười ra đầm đìa xuống Hồ Tây tự tử, có biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ vì thuyết «giải phóng cá nhân» nằm trong các tác phẩm văn nghệ lãng mạn đã bỏ nhà đi theo tiếng gọi của tình yêu, ngoài ra còn biết bao nhiêu án phụ tình, lấy tình yêu (hay tình dục) làm lẽ sống, không cần biết thực tế xã hội là gì, không cần biết quá trình và diễn tiến phát triển xã

(*) Hay J. Leiba cũng vậy.

hội là gì.

Nói cho thật triết trung, hội đó có một vài nhà văn trong bộ phận « văn học hợp pháp không cách mạng » không chịu theo phong trào : đó là Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Mỹ, Nguyễn Đình Lạp, Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, Mạnh Phú Tư, Liều Dương, Bùi Hiền v.v... nhưng con số văn nhân này tương đối không có nghĩa gì so với các nhà văn hòa lãng mạn lúc bấy giờ.

CÓ TỘI, NHƯNG CÔNG KHÔNG ÍT

Trở lên trên, tôi đã tóm tắt thiên kiến về ba bộ phận trong văn học Việt Nam từ khi tôi bước vào văn giới nói chung và bộ phận văn học lãng mạn nói riêng.

Nói chung, văn học lãng mạn là một thứ văn học tác hại không ít cho nền văn hóa Việt Nam nhưng ta phải nhớ rằng sự tác hại đó là một cái hại cần thiết, cái hại cần phải vượt qua, chứ không ai có thể « đốt giai đoạn » được để nhảy vọt từ văn học yêu nước sang văn học nô dịch rồi sang luôn văn học cách mạng.

Mặt khác, nói một cách triết trung, văn học hợp pháp không cách mạng, văn học lãng mạn ít ra cũng đã giải quyết được một số yêu cầu khách quan của văn học trong khi văn học yêu nước phải lùi bước giai đoạn, mà văn học cách mạng thì không có hoàn cảnh tham gia giải quyết.

Chính vào thời kỳ này, ngôn ngữ ta giàu thêm lên, câu văn trở nên khúc triết, sáng sủa, các hình thức văn nghệ phong phú hơn hẳn trước. Mà cũng chính lúc này, văn của ta mới giàu đề, giàu ý hơn hẳn trước, nhưng đáng kể hơn hết là các nhà văn trong khi đặt nặng vấn đề « tự do cá nhân » đã bắt đầu học hỏi và đào sâu vấn đề tâm lý cá nhân cũng như các chuyển biến trong tâm trạng cá nhân. Tất cả những thành tựu ấy đều là những sự việc đáng kể, nếu ta gạt bỏ chánh trị sang một phía mà chỉ biết đến tự thân văn nghệ. Cho nên chớ bai vươ nghệ lãng mạn nếu chúng ta thật triết trung, chúng ta không thể phủ nhận những phần đóng góp của văn nghệ lãng mạn trong văn học sử Việt Nam cận đại và dù khe khắt tới mức nào cũng không thể phủ nhận công của văn học lãng mạn nếu chỉ biết nghiêm mình xét về phần tội lỗi. †

NGUYỄN QUỐC TRỤ

ĐỌC LẠI TẮT LỬA LÒNG CỦA NGUYỄN CÔNG HOAN

Nhờ nghệ thuật ca kịch, cải lương, cuốn tiểu thuyết *Tắt Lửa Lòng* của Nguyễn Công Hoan đã sống lâu, và sống dai hơn tất cả mọi cuốn tiểu thuyết khác của cùng tác giả hoặc những sáng tác phẩm xuất hiện cũng trong thời kỳ đó. Nhưng cuốn sách đã trải qua một cuộc biến thái, một hóa thân (une métamorphose) thì đúng hơn. Nó không đến « tay » nhưng đến « tai » độc giả. Nhất là những độc giả/thính giả bình dân. Người ta không đọc *Tắt Lửa Lòng* nhưng đi coi đoàn cải lương này, đoàn ca kịch nọ diễn tuồng *Chuyện Tình Lan Và Diệp*, hoặc tuồng *Hoa Rơi Cửa Phật*. Mặc dù thời đại hình ảnh tín hiệu video tức là thời đại tivi truyền hình chưa xuất hiện tại VN, nhưng vẫn có một ngoại lệ : Cuốn tiểu thuyết *Tắt Lửa Lòng* là một cơ hội để cho Lời nói, Hình ảnh lấn át, vượt lên khỏi Chữ viết. Tuy chỉ là một ngoại lệ, một đặc thù, nhưng ít ra, chúng ta cũng có thể nhận thấy khía cạnh réversible của văn hóa : Không phải bắt buộc sau Lời Nói là tới Chữ Viết, sau Chữ Viết tới Hình Ảnh.

Khi viết *Tắt Lửa Lòng*, Nguyễn Công Hoan có lẽ chỉ muốn cho cuốn sách của ông nằm trong dòng văn chương xã hội, giống như *Bước Đường Cùng* (cũng của tác giả) hoặc *Tắt Đèn* (của Ngô Tất Tố). Người ta vốn vẫn coi Nguyễn Công Hoan như một tác giả có khuynh hướng hiện thực xã hội. Phải chăng, tác giả đã vô tình « thêm mất rỗng », cho nên, khi hoàn thành xong tác phẩm, cuốn sách bay mất và lạc vào thế giới tình yêu, một thế giới hoang đường với những cặp tình nhân Tiểu Nhiên Mỹ Cơ, Mỹ Châu Trọng Thủy, Trường Chi Mỹ Nương v.v... và Lan và Diệp ? Trong Đoạn Trường Tân Thanh bao nhiêu đoạn trường của nàng Kiều bắt đầu từ « tên

đó là tên... hán tử » từ « có ba trăm lượng việc

*này mới xong», nhưng chính cuộc đời trôi nổi đầy oan
 khiên của một nàng Kiều « bán mình chuộc cha », « thanh
 y mấy độ, thanh lâu mấy lần », đã khiến cho người đọc
 rơi lệ thương cảm và quên đi không cần biết nguyên nhân
 nào đã đưa tới những thảm cảnh đó. Cũng vậy, cảnh
 tượng chôn hoa, chôn bướm, thái độ hy sinh, cuộc sống
 sâu nặng cho tới chết của Lan, cuộc tình đầy nước mắt của
 hai kẻ yêu nhau nhưng không lấy được nhau, người
 khoác áo nâu sồng, ăn mày cửa Phật, kẻ sống cô đơn trọn
 đời thì không lấy vợ... Những hoàn cảnh éo le, thê thảm
 đó đã vượt lên trên tất cả mọi nguyên nhân khác. Sau
 cùng cả hai nhân vật Lan và Diệp đều thoát ra ngoài
 khuôn khổ một cuốn tiểu thuyết và trở thành những nhân
 vật của huyền thoại. Cả hai đều trở thành Romeo-Juliette,
 Mỵ Châu — Trọng Thủy, hay ngược lại, những Mỵ
 Châu — Trọng Thủy, Kim Trọng — Thúy Kiều đã trở
 thành Lan và Diệp. Đây là một chiếc chìa khóa để cho
 các tiểu thuyết gia chuyên viết truyện tình dùng mở cửa
 căn nhà mồ của Lương Sơn Bá. Hãy làm sao cho nhân
 vật trong truyện tình chết đi (ở trong tiểu thuyết) để rồi
 sống lại (ở trong huyền thoại).*

Đây là chưa kể yếu tố muốn có yêu đương, đam mê
 là phải có ngăn trở xa cách. Denis de Rougemont, tác giả
 những cuốn tiểu luận *L'Amour Et L'occident*, *Les Mythes
 De L'Amour*, cho rằng tất cả những tiểu thuyết tình của
 Tây phương sau này đều là những biến thái của Tristan
 d'Iseult. Ông vua Marc, kẻ chia duyên rẽ thủy, sau này
 biến thành cái xã hội loài người đã luôn luôn xua đuổi
 những cặp tình nhân. Trong tiểu thuyết vì nhu cầu kể
 chuyện, một đôi khi cả xã hội chỉ được tượng trưng bằng
 một nhân vật — một thứ *dramatis persona* — hay một trật
 tự, một luân lý chung (tỷ dụ chuyện tình Lolita, cô bé
 Nymphet này chỉ mới 13 tuổi), hay một *régime*, một chế
 độ (chế độ cách mạng vô sản tàn nhẫn đã giết chết cặp tình
 nhân Lara — Jivago).

Trong *Tắt Lửa Lòng*, *dramatis persona* chính là ông
 quan Phủ, tượng trưng có cái xã hội quan liêu giàu sang,

cho nên đã từ bỏ ý định làm thầy giáo, lấy Lan làm vợ, sống một cuộc đời thanh bần, và chạy theo giấc mộng xuất chinh nên đã rơi vào chiếc bẫy của ông quan Phủ. Nói về tư cách, thái độ sống, nhân vật Diệp cũng chẳng hơn gì nhân vật Tư Kênh, tức là anh linh Cách trong tác phẩm này.

Phải chăng, chính vì biết vậy, cho nên Lan mới bỏ đi tu ? =

MUA THỜI TẬP TỪNG HẠN

Thời Tập mong được sự hỗ trợ của bạn đọc bằng cách mua tập sau đây từng đoạn kỳ, 6, 9 tập hoặc 12 tập.

- 6 tập : 900 đồng
- 9 tập : 1.400 đồng
- 12 tập : 1.800 đồng

(trong khi giá mỗi tập là 180đ, không kể tập Xuân gấp đôi).

● Mua Thời Tập từng đoạn kỳ :

- Bạn sẽ có Thời Tập đều đặn, nếu thất lạc số nào sẽ được gửi bù số đó.
- Bạn sẽ chỉ phải trả ấn phí 10 kỳ, trong khi nhận được 13 kỳ (số Xuân đầy gấp đôi).
- Xin điền vào phiếu mua bán (hay chép lại) mẫu in ở cuối tập, và gửi về 51/51 B Nguyễn Trãi — Saigon 5

NGUYỄN TIỀN YÊN

SỰ KIỆN LĂNG MẠN VÀ TÂM THỨC LĂNG MẠN

Tâm hồn lãng mạn thời cổ sơ của dân tộc Việt Nam được phờ qua những câu truyện truyền miệng nhân gian như nàng Mỵ Nương tương tư tiếng sáo Trương Chi. Nhưng cho đến khi hai tập truyện ký đầu tiên xuất hiện vào thế kỷ thứ 14 và 15 là Việt Điện U Linh Tập của Lý Tế Xuyên (1) và Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp (2) thì tinh chất lãng mạn ấy mới thực sự hiện rõ và lưu lại dấu vết sâu đậm cho đến ngày nay.

Các học giả đã xếp Việt Điện U Linh Tập và Lĩnh Nam Chích Quái vào loại các truyện linh dị. Ở đây, trong phạm vi bài này, chúng tôi sẽ chỉ xét đến khía cạnh lãng mạn của hai tập trên để so sánh với cách diễn tả tâm thức lãng mạn của một vài tác giả thế kỷ 20.

Trong Việt Điện U Linh Tập có truyện Sơn Tinh Thủy Tinh, trong Lĩnh Nam Chích Quái có các truyện Man Nương, Nhất Dạ Trạch, Hà Ô Lôi mô tả lại đời sống tinh cảm rất phóng túng, say sưa của con người thời ấy. «Phóng túng không bó buộc» đó là định nghĩa lãng mạn theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh. Nếu vậy, những truyện kể trên đáng gọi là lãng mạn. Nhưng, nó chỉ có sự kiện lãng mạn.

Đây là một đoạn trong Sơn Tinh Thủy Tinh (Việt Điện U Linh Tập):

«Đến chiều tối, Thủy Tinh cũng đem thủy vật đến, như là trân châu, đồi mồi, san hô, hồ phách, vớt lại cá kình, cá nghệ, các thứ cá ngon, mỗi thứ một trăm, đem đến bày ra để dâng vua. Nhưng Mỵ Nương, Vương đã đem về mất rồi.

Thủy Tinh đại nộ đem quân đuổi theo, toan muốn nghiền nát núi Lôi Sơn.» (3).

Chúng ta chỉ biết được những sự kiện: Thủy Tinh đa tình

(1) Lý Tế Xuyên: Tiểu sử không rõ. Hoàng Xuân Hãn cho là người đời Lý nhưng hầu hết các học giả đều coi là người cuối đời Trần, không biết ai đúng.

(2) Trần Thế Pháp: Tiểu sử không rõ. Có vài học giả cho tác giả của sách này là «vô danh». Nhưng Lê Quý Đôn chép theo tương truyền là của Trần Thế Pháp.

không chịu để mất Mỹ Nương dù nàng đã đang trên đường theo chồng về quê nội. Kể thất tình phản ứng dữ dội (toan muốn nghiền nát núi Lôi Sơn) nhưng còn tâm thức của chàng?

Dĩ nhiên, người đọc đã đoán biết chắc chắn Thủy Tinh phải là kẻ có trái tim nóng nản đến mức độ nào đó thì sự kiện trên mới xảy ra. Nhưng tại sao tác giả không có ít giòng giúp chàng biểu lộ tâm hồn nồng cháy của chàng để độc giả được vuốt ve cảm giác và dễ nhận thức hơn?

Cho nên đó chỉ là những sự kiện lãng mạn.

Hầu hết các tác giả cổ điển đều nằm trong cách diễn tả ấy. (trừ các tiểu thuyết bằng thơ nổi xuất hiện sau này, cả bài Hương Miệt Truyện mà Nguyễn Đồng Chi dịch trong Việt Nam Cổ Văn Học Sử).

Xin dẫn chứng thêm một đoạn khác trong Hà Ô Lôi (Linh Nam Chích Quái):

«*Quận Chúa càng thêm tin sủng cho làm khách nhĩ, ngày thời chiều chực bên cạnh, đêm thời cầm đèn đứng hầu, có khi bảo nó ca xướng; thanh âm thấu cả trong ngoài. Quận Chúa vì thế cảm động mới thành chứng bệnh u uất: dần dà đến ba bốn tháng, bệnh lại nặng thêm.*

... Một hôm Ô Lôi đem vào hầu bệnh, đứng gần Quận Chúa; Quận Chúa không ngăn được tình dục, mới bảo Ô Lôi rằng:

— *Từ ngày này vào đây, vì giọng hát của mày mà ta thành bệnh.*

Rồi cùng Ô Lôi tư thông, bệnh dần dần bớt.

Truyện Hà Ô Lôi có thể được gọi là tiền biên cho loại truyện lãng mạn cổ điển lên tới tột độ.

Đọc đoạn trên, dù không biết các nhân vật Hà Ô Lôi, Quận Chúa là ai chúng ta cũng thấy rõ. Quận Chúa là kẻ quá lãng mạn, đa tình, phóng túng và bất chấp cả giáo điều nghi lễ chặt chẽ của thời xưa. Nhưng vẫn chỉ có sự kiện. Còn tâm thức lãng mạn của Quận Chúa ra sao, người đọc phải suy diễn.

Đến thế kỷ 20, tình thế đã đổi khác.

Các nhà văn thế kỷ 20 ít chú trọng vào sự kiện lãng mạn mà điểm quan trọng của họ là ở chỗ diễn tả thật tài tình, kỹ lưỡng tâm thức lãng mạn của nhân vật.

Dương Quảng Hàm (trong Việt Nam Văn Học Sử Yếu) chia tiểu thuyết cận đại ra bốn khuynh hướng: học thuật, lãng mạn, xã hội và tả thực. Vũ Ngọc Phan (Nhà Văn Hiện Đại) lại chia tới mười khuynh hướng khác nhau (4) đủ cho thấy sự phức tạp của tiểu thuyết thời này. Nhất là khoảng các năm từ 1932 đến

(4) Nói về các khuynh hướng tiểu thuyết, Vũ Ngọc Phan gọi là những «loại tiểu thuyết» và lúc đầu ông chia làm 8 loại (quyển 1 — Lời nói đầu) nhưng về sau khi áp dụng sự thực vào sách thì ông lại thêm 2 loại khác nữa (quyển

1937 có thể được coi là thời cực thịnh của phong trào tiểu thuyết lãng mạn.

Năm 1940 xuất bản tiểu thuyết *Lan Hữu* (5), *Nhượng Tống* có đoạn như sau :

«Và chẳng đời là một cuộc đời thay, muôn sự, muôn vật ở trên đời, nào có cái gì là vĩnh viễn ! Người đẹp đến đâu cũng có ngày răn má ! Tiệc vui thế nào chả có lúc chia tay ! Vậy thì : dừ kỳ ta cùng Hữu được lấy nhau, mà rồi ra có lúc phải cãi vặt nhau, phải hờn mát nhau, phải trông thấy nhau già, phải khóc thương nhau chết, sao bằng không lấy được nhau, không bao giờ nhìn thấy nhau nữa nhưng trong trí nhớ của nhau, hình ảnh của nhau lúc nào cũng trai trẻ, đức nết của nhau lúc nào cũng hoàn toàn ? Nghĩ vậy rồi, tôi cho ái tình như thế mới thật là trong sạch, mới thật là cao thượng...»

Điểm nổi bật nhất của đoạn văn trên : tâm thức lãng mạn của nhân vật. Mặc dù, phải có tâm thức lãng mạn rồi mới có sự kiện lãng mạn, nói một cách khác : sự kiện lãng mạn là kết quả của một tâm thức lãng mạn, nhưng điều đầu tiên và quan yếu của các tác giả thế kỷ 20 là muốn cho người đọc nhận ra ngay rằng các nhân vật của họ mang rất nặng một tâm thức gọi là lãng mạn.

Tóm lại, trong các bản văn xuôi lãng mạn Việt Nam thế kỷ 14, 15 *Sự Kiện Lãng Mạn* nổi bật và (hầu hết) các tác phẩm lãng mạn thế kỷ 20 *Tâm Thức Lãng Mạn* nổi bật : Văn chương càng ngày càng đào xới tâm hồn con người, càng ngày càng đưa ra ánh sáng những đời sống cá nhân phức tạp mà trước kia chỉ được phớt qua.

(5) Thanh Lăng phê bình :

«Còn như *Nhượng Tống*, trong *Lan Hữu* chẳng hạn thì đi ...

LÊ HUY DANH

LAN HỮU CỦA NHƯỢNG TỔNG HAY LÀ MÊ CUNG TÌNH CẢM TRONG TÂM HỒN MỘT KÊ ĐA TÌNH

Nhượng Tống (tên thật: Hoàng Phạm Trần) vốn nổi tiếng là một cây viết tài hoa và giàu học thức. Ngoài những bản dịch một số danh tác của Trung Hoa như Kinh Thư (do Đức Khổng Tử soạn nhuận), Nam Hoa Kinh của Trang Tử, thơ Đỗ Phủ, Sứ ký của Tư Mã Thiên (trích dịch) và nhất là vở tuồng Mãi Tày của Vương Thúc Phủ, Nhượng Tống còn là tác giả một số bài thơ có giá trị đang rất rãc trên các tạp chí đương thời và tập tiểu thuyết « Lan Hữu » (1).

Mặc dầu so với công trình dịch thuật, những sáng tác phẩm của ông không có nhiều, nhưng Nhượng Tống vẫn xứng đáng là một cây viết có giá trị cả trong hai lãnh vực dịch thuật và sáng tác. Riêng trong lãnh vực thứ nhì, tập truyện Lan Hữu đã chứng minh rõ ràng cái tài của ông.

Vai chính trong Lan Hữu là một thanh niên tên Ngọc. Cứ căn cứ vào cốt truyện và căn cứ vào giọng thành thật của lời văn thì người đọc có thể tin chắc rằng anh chàng tên Ngọc đó chẳng phải ai khác hơn là chính tác giả. Và với lòng tin như thế, chúng ta cũng có thể coi Lan Hữu như một truyện tự sự của tác giả.

Ngay từ lúc mới lớn lên, mười ba mười bốn gì đó, Ngọc đã được ông chàng khên là kẻ « thìn nết và thông minh » mặc dầu chàng ta tự nhận thấy mình chỉ là « một đứa học trước quên sau ».

Thìn nết thì chưa chắc, như chính Ngọc (tức tác giả?) đã thú nhận: « Tôi uống vụng rượu. Tôi ăn cấp tiền. Tôi chửi nhau, đánh nhau với hồ khắp các trẻ con trong làng. Tôi không hề ham đọc những sách mà ông tôi dạy. Trái lại, những sách ông tôi cấm, tôi lại đọc trộm, và đọc mãi, có khi thức suốt đêm, hay quên bữa không về ăn. » Còn nhiều truyện khác chứng tỏ đó chẳng phải một cậu bé thìn nết, đáng kể nhất là một cuộc phiêu lưu tình cảm đang gọi là cực kỳ gây cấu sới nổi mà chàng ta sẽ kể ra trong Lan và Hữu.

Thế còn thông minh? Chàng ta thông minh là cái chắc. Một,

(1) Nhan đề của bản in đầu tiên (do nhà Lê Cường xuất bản năm 1940) là LAN HỮU. Bản in lần thứ hai của nhà Á Châu sau này có thêm chữ « và », tức là LAN VÀ HỮU. Chúng tôi nhận thấy nhan đề LAN HỮU đúng hơn. Chữ « và » trong bản in lại có lẽ do nhà Á Châu thêm thất vào.

chứng cớ : vào năm chàng mới lên mười tuổi thì phải, có lần ông chàng và một người khách bắt gặp chàng đương bắc thang leo lên đầu nhà thăm một tổ chim di. Hai người lớn hặc chàng cái lỏi bắt chim, rồi còn bắt chàng phải làm một bài thơ tức sự đề tạ lỏi. *« Bài thơ của cậu bé mười tuổi đầu mỏng lay »* chàng sáng tác được một bài bốn câu như sau :

Một tổ chim di được bốn con
Chưa lông, chưa cánh hãy còn non.
Bao giờ cho nở ra ràng nhỉ ?
Gấp chắt mời ông nhấm, rượu ngon !

Ngọc lại còn đã tỏ ra là một thiếu niên đa sầu đa cảm. Sau khi đầu vấn, đầu thơ đại đề như vậy với hai người lớn mắt khá lâu thời giờ, cậu ta lại chạy ra chiếc lồng nhốt bốn con chim di nọ. Than ôi, vì vắng chàng, nắng đến không ai cất lồng vào chỗ râm, thành thử cả bốn con chim di trong lồng đều đã bị nắng làm chết khô tất cả. *« Thế mới khổ thân cho lỏi !* Tôi liền làm làm chết khô tất cả. *« Thế mới khổ thân cho lỏi !* Tôi liền làm chúng nó vào một mảnh lá chuối, lấy dao đào đất, đem chôn nó đi chôn. Chôn xong tôi ngồi bên mã chim mà khóc nức nở thảm thiết. Mấy ngày sau tôi bèn nhặt được bốn cái vỏ diềm, liền bọc mã cho chúng nó. »

Đa sầu, đa cảm, ham chơi, có tài làm thơ, chàng thiếu niên Ngọc lại còn có thêm cái tính thích đọc tiểu thuyết và thích hoa. Về tiểu thuyết, vì sợ ông thân sinh nên chàng ta thường phải đọc lén. «...tôi không dám đọc tiểu thuyết ở trong nhà. Tôi phải đọc vụng ở ngoài vườn hoa. Nhiều khi đọc mãi, dưới bóng trăng tôi cũng cố mà nhìn cho ra những chữ li ti trong những sách in bằng thạch bản. Cái đó, sau này có kết quả trong đời tôi : mắt tôi bây giờ gần như cận thị ». Những tiểu thuyết đó vốn có những ảnh hưởng rất mãnh liệt trong cái tâm hồn vốn dĩ đã rất lãng mạn và giàu thi vị của cậu bé. Cậu ta khăng khải sau khi đọc những truyện nghĩa hiệp, hằng hái cùng với những nhân vật anh hùng, cảm thấy tâm hồn thư thái nhẹ nhàng với những truyện ăn đất thần tiên, và tất nhiên phải say đắm mơ màng với những truyện tình ái của những giai nhân tài tử. Lại còn thêm cái tính thích hoa, thích cây cỏ trong cảnh thiên nhiên ư tịch hoặc trong sáng rực rỡ.

« Trong vườn hoa, cuốn tiểu thuyết đã gấp bỏ túi, tôi ngồi đứng bơ thờ mà nhìn cảnh vật. Dăm ba con bướm, cánh sắc sỡ xập xoè lượn quanh, hay lầy bầy đậu trên mấy đoá hoa hồng. Một con oanh véo von lên tiếng hót, ẩn mình trong bóng liễu thướt tha. Đàn chim khuyên vừa gọi nhau, vừa bay, nhẩy tìm sâu trên cành đào cành mận. Hay là, trong làn gió hiu hiu, một mùi hương của

một thứ hoa nào bay thoảng. Dưới bóng trắng vàng, mát, bóng cành, bóng lá một bụi trúc, một bụi trúc đào, in lại mặt tường, vẽ lên một bức tranh thủy mặc... Trong những lúc ấy, hồn thơ của tôi lại hiện ra và chiếm lấy cả người tôi. Nó man mác. Nó bồi hồi. Nó như muốn bay liệng theo đàn bướm, ca hát theo tiếng chim, lay động lá loi theo các bông Loa tau lá. Tôi khao khát. Tôi mơ màng. Tôi thấy vườn hoa ấy thật đáng là vườn tinh của một cặp giai nhân, tài tử. Tôi điên cuồng mà tự cho mình cũng là một tay tài tử. Nhưng... tìm đâu cho thấy giai nhân?... »

(trang 17-18) (1)

Khi xưa lúc cô Thúy Kiều vừa lớn lên, có một thầy tướng số vừa trông thấy cô ta đã phải thốt ra rằng: Anh hoa phát tiết ra ngoài — Ngàn năm bạc mệnh một đời tài hoa. Ngày nay, mặc dầu chẳng phải là nhà tướng số, nhưng cứ nhìn vào cái cung cách tinh tinh như vậy của chàng thiếu niên Ngọc, chúng ta cũng có thể đoán biết được rằng đời cậu này rồi đây sẽ có những chuyện rắc rối lắm với các mỹ nhân.

Mà, quả nhiên, rắc rối thật!

Khao khát cái gì chứ khao khát tình yêu thì dám gặp lắm à. Chàng ta gặp ngay đây rồi chứ còn dám diếc gì nữa.

Giai nhân của chàng đã tới, lúc chàng vừa được mười sáu tuổi. Giai nhân đó tên Hữu, kém chàng hai tuổi, đối với chàng là chỗ cháu cô cháu cậu ruột.

Dạo ấy, bố của Ngọc dời về Thái (Tỉnh Thái Bình chăng?) và gia đình Ngọc tới trọ nhà chủ Hường (hàm Hường Lô Tự Thiếu Khanh). Chủ Hường với bố của Ngọc vốn là đôi con cô con cậu.

Hữu là con gái của chủ Hường. « Từ khi về Thái, tôi với Hữu là bạn học chung đèn. Chủ tôi dặn Hữu: « Có chỗ nào không hiểu, con hỏi anh ». Ban đầu còn lạ, nhưng vài ba hôm chúng tôi đã thân nhau. Tuy vậy nếu tri nhớ tôi không nhầm, tình thân của tôi đối với Hữu ban đầu chỉ là tình thân của đôi anh em họ. Nhưng sau đêm mộng mười tháng hai năm ấy — cái đêm không bao giờ tôi quên được — thì tôi nhìn Hữu không còn là người trong họ nữa, mà là người trong lý tưởng tôi... ».

Ngọc vừa nói tới cái đêm ấy, cái đêm mà chàng không sao quên được. Chàng ta đã không sao quên được thì tất nhiên chúng ta cũng không thể không biết tới được. Chuyện xảy ra

(1) Tất cả những số trang trong bài này đều căn cứ vào bản in lần thứ hai của nhà Á Châu.

trong đêm đó ra sao, chúng ta hãy nghe Ngọc kể tiếp :

Gió hây hây thổi. Mấy làn mây mỏng theo nhau chạy lướt dưới vầng trăng, làm cho ánh trăng khi tỏ khi mờ. Tôi ngẩng lên nhìn vầng trăng ở giữa các lớp mây, thấy như một con thuyền đương thuận gió chạy nhanh ở giữa vùng bề sóng. Tôi vẫn ước ao được ngồi con thuyền ấy đi khắp bốn phương trời để tìm người trong ý. Tôi mơ màng đến những cô tiên đa tình trong các chuyện đời xưa. Chợt trong làn gió nhẹ, tôi thoáng thấy có mùi nước hoa. Tôi nhận ngay ra là mùi nước hoa sức tóc của Hữu sau mỗi khi gội đầu. Tôi kinh ngạc, không hiểu tại sao mùi thơm quen ấy bấy giờ làm cho lòng tôi nảy ra một cảm giác lạ. Lòng tôi thấy bồi hồi rạo rức. Tôi ngảnh lại thì Hữu đã bước đến bên cạnh. Dưới ánh trăng, khuôn mặt trái soan của Hữu in trên mớ tóc đen nhánh bỏ sõa xuống hai vai, tôn thêm vì bộ quần áo trắng mặc ngoài, tôi thấy đẹp hơn ban ngày nhiều lắm. Lòng tôi lại càng động. Trong khi ấy thì Hữu đã hỏi tôi :

— Anh ra đây lúc nào thế ?

Tôi ôn tồn đáp :

— Anh vừa ra, em ngồi xuống đây.

Hữu ngồi xuống bên tôi, cười cười, nói nói những chuyện không đầu, không đuôi. Tôi nghe mà không hiểu. Tôi đã để cả tinh thần mà nhìn Hữu. Trong lòng thì có cái cảm giác như tôi khi hôn một đứa trẻ sạch sẽ, xinh xắn : muốn ôm chầm lấy, cắn một miếng má mà nuốt đi cho thỏa lòng yêu !... Hữu bỗng cười to và nói to :

— Ô kia ! Ủ là thế nào, anh ? Em hỏi bóng anh đâu kia mà ?

Tôi như chợt tỉnh, cười chỉ cái bóng mà rằng :

— Kia chứ đâu !

— Không phải rồi ! Bóng em đấy chứ !

Thực ra thì Hữu ngồi cạnh tôi, dưới ánh trăng soi chiếu, bóng Hữu và bóng tôi đã nhập làm một. Tôi lại cười :

— Thế ra anh không có bóng ! Thôi ! Anh là ...

— Đừng nói thế em sợ.

Vừa kêu thế Hữu vừa nắm chặt lấy cánh tay tôi và ngồi dịch lại gần tôi. Trong người, tôi thấy một mối cảm kỳ dị, êm ái như thế nào, không sao nói ra được, chúng tôi ngồi im lặng dưới trăng.

Ngay lúc ấy, xa nghe có tiếng trẻ cười nói. Mấy đứa em tôi, và em Hữu đã từ trong buồng học chạy ra vườn. Có đông người, Hữu rủ chơi trò «chi vi». Tôi và các em ưng ý ngay. Hữu liền xòe một bàn tay ra, cho chúng đặt mỗi đứa một ngón tay trở vào. Rồi Hữu bắt đầu đọc:

«Chi-vi chành-chành. Cái đánh thối lửa...

Tôi cố tình để chậm ngón tay cho Hữu bập phải. Rồi ngồi xuống ghế cho Hữu lấy hai bàn tay mà bịt mắt tôi. Khi các em đã đi ăn xong, Hữu mới buông tôi ra mà đi ăn sau cùng. Trước khi buông Hữu không quên giao hẹn với tôi phải nhắm mắt cho đến lúc nào nghe tiếng Hữu «chú tùm». Và sau khi buông tôi, Hữu cũng không quên vừa cười vừa thò vớ lại câu: «Ai mà tí hí, lên chi cần mắt dầy!» Y lời hẹn, tôi nhắm mắt ngồi đứng dậy đi tìm từng đứa em một. Rồi trong lòng tôi thấy nhẹ vui sung sướng trong khi đến bên bụi nhài, nắm chặt cánh tay Hữu mà lời Hữu ra ở dưới khóm hoa...»

(trang 20-21-22)

Thưa độc giả, nếu bạn là một người còn trẻ tuổi, đang lúc còn mơ mộng, chưa phải lo âu vì sinh kế, thì tôi không cần dặn dò gì nữa. Nhưng nếu bạn đã bước vào cuộc sinh hoạt, hằng ngày phải đầu tắt mặt tối để chiến đấu với đời hoặc để lo tranh cơm tranh áo cho mình và cho nhiều người khác, nếu bạn là người tưởng rằng tình cảm của mình đã chai đá lì lợm, thì nếu bạn đã đọc tới đây, tôi rất muốn bạn hãy tạm gác mọi nỗi lo âu thực tế để tưởng tượng lại khi mình mới mười sáu mười bảy tuổi chỉ đó, như anh chàng Ngọc, vừa lêu lêu và đang ham biết thế nào là tình yêu, để cùng với chàng ta hưởng lại những giờ phút dễ mê của cái đêm hôm đó (nói là cái tối hôm đó có lẽ đúng hơn). Trai mười sáu, đa sầu đa cảm đa mộng đa tình. Gái mười bốn, vừa dậy thì. Nghĩa là suýt soát đúng với cái nguyên tắc «nữ thập tam, nam thập lục» (gái chín hơn một chút, càng hay chứ sao). Một

lại thành một, hai làn da dày áp khắ năng rung động chạm vào nhau. Tiếng nói. Tiếng cười. Hơi thở. Mùi thơm của hoa, mùi thơm của tóc, mùi thơm của da thịt gái dày thì. « Ai mà ti hi, chuột chí cần mắt đấy! » Tiếng nói đó êm như tiếng đàn. Gã con trai da tình kia, đang đầy óc tò mò đối với ái tình, đang sẵn sàng đầy đủ khả năng để mở những cuộc phiêu lưu xa lạ vào xứ sở của Ái tình, có xôn xao rung động, có ngây ngất mê mẩn, kể ra cũng là chuyện thông thường vậy « cái đêm không bao giờ tôi quên được » Kể cả những kẻ khác, cũng khó có ai quên nổi cái đêm như thế. Vậy, cái đêm hôm ấy đêm gì? « — Ô kia! Ờ là thế nào, anh? Em hỏi bóng anh đâu kia mà? — Kìa chứ đâu! — Không phải rồi! Bóng em đấy chứ!... » « Ai mà ti hi, chuột chí cần mắt đấy! » Đúng, Chỉ có thể thôi. Nhưng đối với Ngọc cái đêm hôm đó say sưa tuyệt vời biết mấy! Đêm Eurêka. Đêm phát giác. Đêm hương vị phù hợp. Nghĩa là một đêm ngon. Tại sao bảo là ngon? Xin đề Hân Mặc Tử trả lời: « Ngon như tình mới cần. »

« Cái đêm không bao giờ tôi quên được » Lương Ngọc đã có lý lẽ chắc chắn của hần khi hần tuyên bố khẳng định như vậy. Bởi vì từ đêm hôm đó hần mới bắt đầu hiểu nghĩa hai âm « sung sướng », và cũng bắt đầu từ đêm đó, hần bắt đầu hiểu thế nào là « khổ cực », cũng bắt đầu từ đêm đó hần bắt đầu chiêm nghiệm rằng trong Ái Tình « sung sướng » và « khổ cực » luôn luôn đi đôi với nhau, quấn quít lấy nhau, bám sát vào nhau, như thể chúng đồng nghĩa với nhau, hoặc như thể chúng chỉ là một vậy.

Như vậy những chuyện rắc rối bắt đầu diễn ra từ đây trong cuộc đời tình cảm của chàng ta. Hình như tôi vừa nói rằng: trong trường tình, niềm vui và nỗi khổ vốn đi chung với nhau. Niềm vui đầu tiên của Ngọc, ngây ngất mê mẩn đến thế, các bạn đã nghe rồi, biết rồi. Bây giờ, dĩ nhiên, đến những nỗi khổ cực.

Nỗi khổ thứ nhất, phát hiện ngay trong đêm đó, ngay sau niềm vui đó. Một sự thất lạc đầy nỗi dày vò của lương tâm: khi cuộc chơi (chỉ vì chành vành) đang diễn ra một cách vui vẻ thần tiên như thế thì người nhà ra vờn gọi mọi người vào. Khi trông thấy bố mẹ mình, Ngọc mới chợt thấy hồ thẹn về những ý nghĩ vớ vẩn rồi của chàng đối với Hữu. Bởi vì chàng với Hữu vốn là cháu cô cháu cậu ruột, Ngọc chỉ biết rằng ở nước mình con cô con cậu ruột không thể lấy nhau được. Thế còn cháu cô cháu cậu ruột như chàng với Hữu liệu có thể được phép lấy nhau chăng? Ngọc không biết rõ điều đó. Chàng không dám đem nó ra hỏi những người lớn. Có bộ hội đồng Gia Long có thể giải đáp thắc mắc cho chàng được thì bộ sách đó lại ở tận nhà quê, Ngọc không thể bay ngay về quê mà coi được. Vốn là kẻ sinh trưởng trong một gia đình lễ giáo khá khác nghiệt, và bị chi phối nặng bởi lễ giáo đó nên trong lúc chàng thắc mắc hỏi nhà

như thế, tâm hồn chàng bị dần vật ghê gớm.

« Lòng tôi bị ngờ vực vô xé. Thế rồi tôi cảm chừng như sự tôi yêu Hữu là phạm cấm. Cõi lòng tôi bỗng hóa một chiến trường mà quân địch đôi bên đương xô xát nhau kịch liệt : bên tình bên lễ. Bất thành linh tôi bỗng thấy như một ông thánh Tàu ghé tận tai tôi mà hét to cái « mệnh lệnh đích xác » : « Phát hồ tình, chỉ hồ lễ nghĩa ! » Mệnh lệnh ấy đập vào óc tôi như một nhát roi điện. Chịu nhát roi ấy, quân bên tình núng thế chịu thua. Tôi quyết lòng tuyệt giao với Tình, nếu nó dám đương đầu với ông chúa Lễ. Không phải tôi có yêu gì ông chúa chuyên chế ấy. Nhưng tôi sợ ông, vì ông có quyền lột hết danh dự tôi, có quyền đuổi tôi ra ngoài gia đình, ngoài xã hội. Bỏ hời trán tôi mướt ra... »

(trang 23-24)

Bỏ hời mướt ra như vậy là phải. Cách đây mấy chục năm, lễ nghĩa Khổng Mạnh còn được người ta coi trọng hơn bây giờ nhiều lắm, vì vậy cho nên đầu có lạng mạn đến mấy cũng không dám coi rẻ lễ nghĩa. Còn một lý do khác khiến cho bỏ hời mướt ra như thế : nếu vì lễ nghĩa mà phải thôi không được yêu Hữu thì hời *có lẽ làm sao nổi đây. Tình này mặc dầu chỉ là tình mới cần, nhưng*

Vi thế mà cái mối thác mắc hồ nghi về lễ giáo, đã mới khiến cho Ngọc ta lo âu cuồng quýt, khổ sở đến như thế.

May thay, tình trạng lo âu đó rồi cũng qua đi một cách êm đẹp. Tình cờ, mấy bữa sau đó, Ngọc được nghe hai đấng sinh thành nói chuyện với nhau về một đám cưới mà cô dâu chú rể vốn là đôi cháu cô cháu cậu cũng như chàng và Hữu vậy. Mặc dầu bố mẹ chàng có hơi chê bai, mai mữa đám cưới đó là lấy nhau gần quá nhưng qua lời hai đấng, Ngọc được biết đám cưới đó không trái lễ, như vậy là cái chuyện Ngọc yêu Hữu cũng đã chẳng phải chuyện trái lễ. Ngọc thở phào, nhẹ nhõm. Hết một nỗi khổ.

Thế nhưng, hết nỗi khổ sở này thì lại đã có ngay nỗi khổ sở khác. Đó là nỗi thắc mắc : ta yêu Hữu, nhưng liệu Hữu có yêu ta không ? Nếu như Hữu không yêu ta thì phải làm cho Hữu yêu ta ?

Bạn nào đã từng mê gái tất hiểu rõ cái tâm trạng bồn chồn khác khoải đó của Ngọc. Yêu người là một chuyện quan hệ, nhưng nó lại kèm thêm một chuyện quan hệ nữa : người mình yêu cũng phải yêu lại mình. Muốn biết người ta có yêu mình

đó quả là một chuyện khó khăn, một nhọc, nhất là đối với một anh chàng mới vừa được mười sáu tuổi đầu vừa hầy còn nhút nhát lại vừa giàu lòng kiêu căng tự ái. Ướm lời, ướm lời một cô gái hầy còn ngây thơ, mới có mười bốn tuổi đầu, phải ướm như thế nào đây, phải ướm như thế nào để cô ta nếu có từ chối thì cũng không đến nỗi phải bức tức cự tuyệt hoặc khinh bỉ mình. Sự ướm lời như vậy bao gồm luôn cả một sự tỏ tình. Tỏ tình, khó thật. Làm sao để gọi được tình yêu, một tình yêu trai gái thì thật thiết trong lòng một ả thơ ngây như thế? Làm sao để cô bé không còn e ngại rằng tình yêu này không hợp với lễ giáo chứ? Ngọc bóp trán, vô đầu suy tính suốt mấy ngày đêm. Cuối cùng, sau mấy phen « vất vả », chàng bày tỏ rõ ràng được với Hữu tình yêu của mình và cũng được biết chắc rằng Hữu cũng đã yêu chàng. Tình yêu khiến cho người ta vất vả biết mấy nhưng cũng khiến cho người ta sung sướng biết mấy:

« Chúng tôi cùng cất tiếng học. Nhưng khi ai nấy đã đề hết tinh thần vào việc học thì mắt tôi không thềm nhìn vào sách nữa: mắt tôi đắm đắm nhìn Hữu. Dưới ánh đèn sáng trong, tôi ngắm Hữu như ngắm một bức tranh tuyệt tác: tôi ngắm kỹ từng nét. Và mỗi khi ngắm qua một nét là lòng tôi lại thêm phần say đắm. Vì tôi nhận thấy không một nét nào là không thanh lịch đáng yêu. Sự ngắm Hữu cho tôi một cái cảm giác thanh thú vô cùng. Giá phỏng thần Thời Gian có nghịch tính mà kéo dài những giây phút khi ấy ra hàng năm, hàng mấy năm, có lẽ tôi cũng không biết gì là đói, khát hay mệt: nhìn Hữu, tôi đủ quên hết thảy! Tuy mở mắt mà tâm hồn tôi thấy mê man như trong giấc mộng. Một lúc lâu như thế, Hữu chợt đưa mắt lên nhìn tôi. Nhưng gặp mắt tôi, Hữu sẽ mỉm cười và vội vàng đưa mắt nhìn xuống. Tôi như người chợt tỉnh. Sự mừng rỡ bất kỳ làm cho trái tim tôi đập mạnh. Khóe nhìn ngây thơ ấy, nụ cười đắm thắm ấy, tôi nhận là những chứng cớ Hữu yêu tôi. Tôi không còn cất được tiếng mà đọc câu sách tôi đã đọc đi đọc lại từ lúc mới vào ngồi. Giá phỏng không vương có mấy đứa em, thì tôi quyết chạy sang mà ôm chầm lấy Hữu. Tôi ngồi không yên nữa. Chân tôi như muốn chạy nhảy ra ngoài đường phố. Và miệng tôi muốn rao to lên cho thiên hạ biết rằng: Tôi yêu Hữu và Hữu yêu tôi!»

Ái tình nó hấp dẫn như vậy đó ! Có gì đâu, chỉ một cái nhìn của đôi phương thôi cũng đủ khiến cho ta hồi hoàng, tê đờng đến như thế. Mỗi chỉ một khoé mắt thôi, nhưng đó là khoé mắt cực kỳ màu nhiệm, khoé mắt thần thành, khoé mắt kỳ ảo, khoé mắt toát ra điện lực ghê gớm khiến cho tim ta đập mạnh, máu ta chảy rào, chân tay ta bủn rủn, tâm hồn ta nào loạn... Mỗi chỉ một khoé mắt thôi, chưa nói gì tới những nguồn gây rung cảm khủng khiếp khác... chẳng hạn ít lâu sau :

Tôi vừa nói vừa mê man ôm chặt Hữu vào lòng. Trong lòng tôi, tôi thấy Hữu run lẩy bẩy như một con chim non. Lặng lặng, Hữu khẽ giơ tay gỡ mình ra. Nhưng trong khi ấy thì môi tôi đã sát trên môi Hữu, và ngực tôi đã nhận rõ được từng tiếng động của trái tim trong ngực Hữu. Mắt tôi không trông thấy gì nữa. Trí não tôi không nghĩ ngợi gì nữa. Tâm hồn tôi như đã hòa chung với tâm hồn Hữu mà lạc vào trong cõi hư vô tịch diệt. Sau này tôi nghĩ ra, cái hạnh phúc lên Nát-ban chắc cũng không thể hơn được cái hạnh phúc của tôi trong lúc ấy. Phạt dây người đời tìm Nát-ban ở ngoài trần thế. Có biết đâu, trong trần thế, tôi đã tìm thấy nó khi tôi là tình nhân...»

(trang 57-58)

Nam độc giả ! bạn hãy tạm gắp tập san này vào, hãy cùng tôi nhắm mắt lại. *Bạn có nghe thấy tiếng nói của tôi chăng ?* Bạn hãy nhớ lại đi, cái dạo ấy, cái dạo bạn còn trẻ, bạn đã từng ôm một cô gái nào như vậy chưa ? Có hả ? Bạn có đồng ý với tôi rằng chàng Nhượng Tống đã viết đoạn trên với tư cách của một người có kinh nghiệm thực sự, với « sự hiểu biết của người có liên can vào việc » đó chăng ?

Tuy nhiên nếu chỉ có hai người với nhau thôi thì chắc hẳn Ái Tình cũng chẳng đến nỗi rắc rối lắm. Thế nhưng, vụ này dần dần trở nên cực kỳ rắc rối từ khi bắt đầu có một kẻ thứ ba tham dự vào.

Kẻ thứ ba đó là cô Lan.

Lan là người như thế nào ?

Chúng ta thử làm công việc so sánh cô ta với Hữu xem sao. Về dáng dấp, không thấy tác giả nói rõ nhưng qua vài chi tiết, ta có thể đoán biết Hữu cũng chỉ vừa người thôi, không mập không ốm, không cao không thấp, da Hữu hơi ngăm ngăm, hồng hào, còn cô Lan thì -- được tác giả nói thật rõ ràng -- « người dong dỏng cao, da mai má, quả có vẻ eo lá của một bông lan. » Có thể là Hữu đẹp, và chắc chắn là tuyệt đẹp dưới mắt

của chàng Ngọc, thế nhưng Lan cũng đẹp (chừng cỡ : trong lớp học, cô Lan và cô bạn nữa tên Sâm được tất cả lớp mê, thần hoặc có anh nào không mê, chắc hẳn cũng không thể không thích. Trong hai cô đó Lan được người ta chú ý tới nhiều hơn cả.)

Về tình tình : Hữu kín đáo, Lan bông bột ; Hữu hay nói đùa bỡn, Lan ít khi như vậy ; Hữu có vẻ không lưu ý tới văn chương thi phú, còn Lan rất thích đọc thơ và làm thơ ; mức độ tình cảm của Hữu vừa phải thôi, còn tình cảm của Lan rất rào đầy ắp...

Như vậy, so với Hữu, tình tình của Lan có vẻ hợp với cái nết đa tình và sinh thơ văn của Ngọc hơn.

Nhưng tất nhiên, đối với Ngọc, Hữu thường giành được ưu tiên, bởi một lý do rất giản dị : Hữu là người lời trước.

«Hữu là kẻ tới trước», nói như vậy tức thị mặc nhiên khai rằng : Lan là kẻ tới sau trong một cuộc tình tay ba, một cặp (Ngọc) và hai đào (Hữu và Lan), nói theo kiểu sỗ sàng của những tay chơi : một con đực, hai con mái.

Lan tới sau, nhưng Lan đã tới trong trường hợp như thế nào ? Một trường hợp gồm có 4 yếu tố chính.

Yếu tố thứ nhất : Lan là bạn đồng lớp với Ngọc. Lại nữa, cha mẹ Ngọc, cha mẹ Hữu có quen với cha mẹ của Lan và cha mẹ của Sâm. Vì vậy mà bộ ba (đáng lẽ là bộ tư Ngọc, Hữu, Lan, Sâm, nhưng có Sâm chỉ là vai phụ, ta hãy gác cô ta sang bên) Ngọc, Hữu và Lan thường có cơ hội dễ gặp nhau.

Yếu tố thứ hai : Ngọc là kẻ rất đa tình, rất sinh thơ văn.

Yếu tố thứ ba : Lan cũng là kẻ rất đa tình và cũng rất sinh thơ văn.

Yếu tố thứ tư : Hữu không giàu tình cảm bằng Lan, không tha thiết với thơ văn, lại hay thích nói đùa.

Hữu nói đùa những gì ? Thật ra, với cái tình hay ồm ồm ở nửa đùa nửa thực, Hữu thường ghép Lan cho Ngọc. Một lần, mấy người ngồi đánh tam cúc với nhau, Ngọc ái ngại cho Lan, định chui đôi tốt đó của mình đi khi Lan hạ đôi tốt đen của nàng xuống kết nhất-bội-nhị, thế nhưng :

«Nhưng tôi (Ngọc) chưa kịp buông tay ra (để chui đôi tốt đó) thì Sâm đã lật bài tôi lên mà reo :

— Có thể chứ ! Tốt đó đây mà ! Phải «đề» đập mũi ra chưa ?

Hữu nhìn tôi nói giọng mỉa mai :

— Thế mà lại tư tình với nhau, định «chui» đi đề «làng» chịu kết nhất-bội-nhị !

Lan hai má đỏ bừng, mắt long lanh lườm Sâm và Hữu :

— Nói thế mà chúng mày cũng mở mồm ra nói được !
Tôi cũng ấp úng biện bạch :

— Đề đấy, chứ ai chui !

— Phải ! Thử không có Sâm nó lật lên coi ! Hữu cười đáp lại.

Tôi phát nóng cả người, nhưng không tìm được câu-Lan để tiền đền tôi rồi đứng dậy :

— Thôi không chơi nữa ! Mất tiền mà mình đại !

(trang 45-46)

Đã hết đầu, còn nhiều vụ «nửa đùa nửa thật» gay cấn khác, chẳng hạn hai vụ này :

«Nhưng lần sau Hữu lại thế (ghép Lan cho Ngọc) : Không biết sắp đi đâu, Lan trang điểm xong chạy lên buồng học. Có Hữu đấy, Lan ghé mặt lại gần tôi, tươi cười hỏi :

— Anh coi hộp phấn đã đều chưa ?

— Hỏi Hữu xem ! Tôi không biết đánh phấn». Tôi lạnh lùng đáp :

— Đều rồi đấy ! Da Lan ăn phấn lắm». Nói thế rồi Hữu thêm :

— Lan ạ ! Nói đừng giận nhé ! Mày đứng bên anh Ngọc, tao trông thật tốt đôi !

Lan chẳng những không giận, lại mỉm cười mà chạy vụt ra ngoài. Tôi lại trách Hữu, lại được nghe Hữu xin chừa như lần trước.

Một lần nữa... Lần này thì thực là tự Hữu muốn kiếm chuyện ! Một buổi chiều, tôi theo Hữu ra vườn, định tìm chỗ vắng cùng ngồi. Hữu bỗng quay lại nhìn tôi mà cười :

— Thế kia mới là duyên trời : «Ngọc Lan» trên, «Ngọc Lan» dưới, «Ngọc» trên «Lan» dưới ! À quên : «Ngọc Lan» trên dưới !

Câu nói đùa không nhả ấy làm cho tôi phát cáu :

— Án nói giọng ở đâu như thế !

Hữu cũng giận, nói xẵng :

— Thì anh trông lại xem nào !

Tôi quay lại thì Lan đã đứng sau tôi, mà cả hai đứa

cùng ở dưới bóng rợp một cây ngọc lan».

(trang 72-73)

Những vụ đùa bỡn như vậy của Hữu đã có ảnh hưởng rất ghê gớm, bởi chúng đã là một trong những nguyên động lực khiến cho Lan yêu Ngọc, và khi đã yêu, Lan yêu một cách rất say sưa, rất nồng nàn. Một lần Ngọc bị đau nặng mê man suốt mấy ngày liền. Cả Hữu lẫn Lan đều lo lắng và săn sóc cho chàng. Riêng Lan có vẻ lo lắng hơn và săn sóc kỹ hơn. Khi cơn bệnh của chàng đã giảm, Ngọc đã hồi tỉnh lại, thấy Lan mỉm cười một nụ cười mê man, rút túi lấy ra một con dao nhỏ mà nói rằng: «Đã ba đêm nay Lan ngồi đây, biết bao nhiêu lần nghe Ngọc kêu chết. Lan vẫn định nếu Ngọc chết thì Lan nằm xuống bên Ngọc và cho mũi dao uầy vào cổ Lan; Lan không sợ chết...» Một lần khác Lan nói với Ngọc: «Miễn Ngọc yêu Lan, Lan bất chấp cả gia đình lẫn xã hội.» Một lần khác nữa, vì nhân dịp Tết, Ngọc phải tạm xa Hữu và Lan, đề về thăm gia đình, trong lúc hai người tạm biệt nhau, Lan ngắt một nụ hoa hải đường, ngấm nghĩa nó một lát rồi đưa nó cho Ngọc mà nói rằng: «Này Ngọc trông: cái nụ này sao khéo giống quả tim con người ta! Cầm lấy! Cầm lấy đề về nhà mà xem. Hễ thấy cái nụ này lia cánh nó héo thế nào thì nhớ rằng tim Lan xa Ngọc cũng héo như thế đấy!»

Mới đầu, mỗi lần thấy Hữu ghép Lan cho chàng, Ngọc khổ sở tức bực lắm, mặc dầu đã có lần Hữu giải thích với chàng rằng: bởi vì Lan cũng yêu chàng, nên Hữu thỉnh thoảng lại phải «nói đùa» như thế cốt để Lan khỏi «nói xấu chúng ta với mọi người.» Sự giải thích đó vẫn không khiến cho Ngọc yên tâm, chàng không muốn Hữu «nói đùa» nữa, bên tai chàng lúc nào cũng còn vang vọng cái câu mà chàng đã từng có bận nói với Hữu: «Anh chỉ yêu có Hữu: Tim anh chỉ thờ có Hữu!»

Thế nhưng, như chúng ta đã xét đoán, Ngọc vốn là một thiếu niên tinh cảm sung mãn, đa tình ghê gớm, bởi thế cho nên trước sức «tấn công» của Lan, một kẻ tình tình rất hợp với chàng, chàng chịu nhượng bộ dần dần đề rồi cuối cùng chàng cũng yêu Lan, hay nói cho đúng hơn, chàng ta yêu cả Lan lẫn Hữu, đối với cả hai người chàng ta đều cùng có một tình yêu thật mãnh liệt, đề phải tự nhận rằng: cuộc sống, nhất là cuộc sống tình cảm, quả thật vô cùng rắc rối. Hãy nghe Ngọc giải bày tâm sự với chúng ta:

«Tôi đã yêu Lan? Có lẽ nào như thế hay không? Tôi tự nhắc lại hàng trăm lần câu tôi nói với Hữu: «Anh chỉ

không còn cái được cái sự thực hiện nhiên là tôi đã yêu Lan. Mãi bấy giờ tôi mới biết rằng : dù tôi đã viện đủ lý do nào cũng phải bị yếu ở trước cái sức mạnh vô địch là lòng yêu thành thực của Lan. Mãi bấy giờ tôi mới biết rằng : cái vai tình nhân của Lan mà tôi đóng tôi tưởng là dối Lan, nhưng thực thì là tôi tự dối tôi. Trong khi tôi tưởng là đóng vờ, chính tôi đã đóng thật ! Mãi bấy giờ tôi mới biết rằng : những lúc tôi ái ngại, đau xót cho Lan, tôi vẫn tưởng là bởi lòng công bằng, lòng đồng cảm, song lột cái vỏ ngoài công bằng, đồng cảm ấy ra thì tôi sẽ lại nhìn thấy bộ mặt đú đởn của Ái Tình.

Những điều suy nghĩ ấy làm cho tôi kinh ngạc. Tôi kinh ngạc vì tôi vẫn tin ái tình chuyên nhất mới thật là ái tình, mà nay tôi tự trông thấy trái tim tôi chia đôi cho Hữu và Lan. Nếu lòng tôi đối với Hữu và Lan khi ấy không là ái tình thì là cái gì ? Tôi không dám chắc đó là ái tình mà cũng không hiểu nó là cái gì nữa ! Tôi cố giữ cho lòng yêu của tôi chuyên nhất, nhưng sự đó đã muộn quá ! Tôi muốn đem những điều uẩn trong lòng tôi mà thú thực cùng Lan và Hữu, song tính nhút nhát, tính cầu thả nó lại bảo tôi làm thế không ích gì cho ai, và nhất là không ích gì cho tôi. Tôi ngậm ngùi mà than tiếc cho nhân cách của tôi, từ khi mắc phải sự trêu cợt của Trẻ Tình. Hữu yêu tôi. Lan yêu tôi. Hai người yêu tôi bằng dạ chân thành. Đáp lại dạ chân thành ấy, tôi đem một tâm địa lừa dối. Trước kia lừa dối Lan, không dám cho Lan biết là tôi yêu Hữu. Bây giờ lừa dối Hữu, không dám cho Hữu biết lòng tôi đã sẻ nửa cho Lan. Thành thử ra trước tôi đeo mặt nạ để nhìn Lan, bây giờ lại đeo thêm một lần mặt nạ để nhìn Hữu. Không biết rồi đây tôi ở đời, còn phải sắm thêm mấy trăm lần mặt nạ nữa để nhìn đời ? Tôi càng nghĩ, cái nhân cách thấp hèn của tôi càng trần trỗng ra ở trước mắt tôi. Lòng tự ái và tự cao của tôi chịu một vết thương chí mạng ! Tôi thấy tôi sống chỉ làm cho cõi đời thêm lên một phần nhơ bẩn, một phần đau đớn. Tôi thấy tôi không đáng sống nữa. Tôi muốn tự sát. Nhưng tôi bao giờ có gan tự

NHƯNG TỔNG

Tên thật là Hoàng Phạm Trân. Sinh năm 1897 tại làng **Đô hoàng, xã Phú Khê, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Bắc Việt.**

Tính thông Hán học và Tây học, ông là một nhà thơ, một dịch giả, một học giả nổi tiếng từ thời tiền chiến. Tuy thuộc trường phái cổ, nhưng ông có một tâm hồn phóng khoáng, trữ tình, một bút pháp thật nhẹ nhàng, bay bướm.

Năm 1929-30, ông là một bình bút nòng cốt của **Thực Nghiệp Dân Báo.** Ông viết nhiều loại văn và ký nhiều bút hiệu (trong số có bút hiệu **Hoàng Kiếm Thu**), cộng tác với nhiều báo như **Hồn Cách Mạng, Nam Thành...**

Cũng thời gian này, ông còn dùng văn hóa để hoạt động chính trị: ông thành lập **Nam Đồng Thư Xã**, cơ quan có mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, đề cao tinh thần chống đối nhà cầm quyền thực dân Pháp.

Về mặt chính trị, ông đã hợp tác với nhà ái quốc **Nguyễn Thái Học** cùng các đồng chí khác, thành lập **Việt Nam Quốc dân Đảng.** Sau khi cuộc khởi nghĩa **Yên Bái** thất bại, Ông còn chủ trương thành lập **Đảng Đại Việt Quốc gia Liên minh.** Cả hai đảng đều có lập trường tranh đấu giành lại chủ quyền cho dân tộc.

Bị thực dân Pháp cầm tù 8 năm, ông hoạt động văn hóa trở lại từ 1939.

Cuối năm 1948, khi ông ở ẩn, viết văn và làm thầy thuốc bắc tại Hà Nội, thì ông bị ám sát vì lý do chính trị.

sát ! Sự suy lý có cho kẻ hèn nhất được ít nhiều can đảm nào đâu !...»

«Tôi thấy tôi sống chỉ làm cho cõi đời thêm lên một lần như bản...» Thật ra, trong lúc tâm hồn bị xâu xé, Ngọc đã giận đời, giận thân, giận sự đua cọt của «Trẻ Tinh» mà thốt ra cái câu xót xa như thế. Theo ý chúng tôi, cái trường hợp trái tim anh ta bị phân làm hai như vậy, không những không có gì như bản cả, mà trái lại rất hợp lý và phải có. Trái tim chàng ta đã bị phân ra làm hai cho Hữu một nửa, Lan một nửa, thì đó có phải do lỗi của chàng ta không? có phải vì chàng ta là người tâm địa xấu xa không? **KHÔNG**, tuyệt đối **KHÔNG**, bởi vì sự chia sẻ này chỉ là hậu quả hoàn toàn của tình cảm, chứ không hề có lý

lý trí tham dự vào. Vả chăng, đối với những người có tình cảm sung mãn như Ngọc như Lan, lý trí bị tình cảm đè bẹp rúm nên không còn sức mạnh gì nữa. Bất cứ trong trường hợp nào, cái trạng thái «tình cảm sung mãn» như của Ngọc cũng không thể không đón nhận một tâm hồn đồng điệu và đồng tình như của Lan. Ngọc yêu Hữu nhưng vẫn yêu Lan, điều đó phải xảy ra không có cách gì tránh được, cũng như ét xăng gặp lửa, ét xăng phải cháy, nếu không cháy đó mới thật là điều quái gở. Ngọc yêu thêm Lan, điều đó không có gì như bản hết. Ngược lại, nếu Ngọc không yêu thêm Lan thì có lẽ đó mới là điều như bản, bởi vì nó đã bị sự can thiệp của lý trí. Ngọc yêu Lan, nhưng vẫn yêu Hữu như cũ, cao cả thay, hợp với nhân tình thay. Chỉ trừ trường hợp, Ngọc phản bội Hữu để yêu Lan thì đó mới là chuyện tầm thường. Hoặc chàng chỉ khẳng khái yêu Hữu thôi chứ không chịu đáp ứng với lời kêu gọi của tâm hồn Lan, thì đó cũng là chuyện tầm thường bởi vì điều đó sẽ chứng tỏ Ngọc chỉ có một tâm hồn thấp kém.

Một vấn đề quan trọng khác : thường thường khi yêu nhau tất phải tính chuyện lấy nhau, bởi nếu không lấy nhau ắt không thể chịu được. Nhưng đó là vấn đề thông thường khi chỉ có hai người, một nam một nữ, tham dự cuộc tình. Ở đây vấn đề đó trở nên rắc rối phức tạp hơn nhiều bởi vì chỉ có một chàng mà có tới hai nàng. Đó là nỗi khổ tâm ghê gớm của Ngọc. Vấn đề này có ba cách giải quyết : 1) Lấy một trong hai người. 2) Lấy luôn cả hai người. 3) Không lấy ai cả, nhưng vẫn tôn thờ cả hai người, biến cuộc tình này thành một thứ tình lý tưởng.

Giải pháp thứ hai chắc chắn là rất khó thể thành được vì chương quá, tùm loại bỏ.

Trong cơn thẳng thốt, Ngọc đã chọn giải pháp thứ nhất. Trước hết chàng xin bố chàng để được lấy Hữu làm vợ. Nhưng bố chàng không chịu. Chàng lại xin được lấy Lan, bố chàng cũng không chịu nổi. Là một người thâm nhiễm tư tưởng của Nho Giáo, bố chàng đã có những lý lẽ riêng của ông để từ chối cả hai lời xin của con trai. Và Ngọc đã phải tuân theo lời ông, nghĩa là không lấy ai cả. Sau khi cha Ngọc qua đời, mãi về sau này, Ngọc lại xin với mẹ để được lấy Hữu. Nhưng mẹ chàng cũng có lý do riêng của bà để từ khước lời xin của con. Và Ngọc đành phải tuân theo ý của hai đấng sinh thành, nghĩa là chàng không lấy ai cả.

Có phải là vì hiếu thảo, mà Ngọc đành chịu khuất phục sự từ khước đó của bố mẹ chàng hay chăng? Có lẽ đúng, nhưng chỉ đúng một phần thôi, một phần rất nhỏ. Nguyên nhân chính khiến chàng phải chịu khuất phục sự từ khước đó : trong thâm tâm chàng, những tình cảm của chàng (vẫn chỉ là những tình cảm thôi chứ không hề có sự tham dự của lý trí bởi vì lý trí đã bị

những tình cảm giết chết từ lâu rồi) công nhận rằng chỉ có giải pháp thứ ba là hợp lý, nghĩa là trong trường hợp này chàng chỉ có mỗi một lối thoát hay nhất là đòi mỗi tình này ra thành một *tuu Ai Tui* lý tưởng. Và giải pháp đó đã được thực hiện: mặc dầu giải pháp đó vẫn không khiến cho Ngọc khỏi ngậm ngùi đau đớn, nhưng đó chắc chắn là giải pháp thỏa đáng hơn cả, phù hợp với sự đòi hỏi của tình cảm trong lòng chàng hơn cả.

«**Từ khi** tôi có được cái quan niệm mới về *Ai Tui*, như thế, tôi thấy tôi chẳng những yêu được Hữu, mà còn yêu được cả Lan... Tôi liền đi đặt một cái khung ảnh hai mặt kính. Mặt trước tôi để ảnh Hữu, mặt sau tôi để ảnh Lan. Còn bao nhiêu thư từ của họ tôi lót vào giữa. Rồi tôi mua một đôi lọ hoa con, đặt ở trước ảnh. Tôi mua hoa về cắm vào lọ để thờ sống họ. Hết hoa gần tàn thì tôi lại thay hoa mới ngay. Đêm đêm khi sắp đi ngủ tôi lại cầm ảnh mà hôn một cách kính cẩn như người theo Đạo hôn ảnh đức chúa Gia-Tô vậy! Do sự thờ phụng thành tâm ấy, không mấy đêm là Lan và Hữu không về thăm tôi. Trong mộng, nhan sắc của họ càng thêm thơ ngây... Dòng đã bốn năm trời, tôi có thể nói rằng tôi đã sống ở trong mộng. Vì chỉ trong mộng, tôi mới thấy tôi là có sống...»

(trang 177-178)

«**Dòng** đã bốn năm trời...» Như vậy là sau bốn năm, chính cái lối yêu đương lý tưởng đó cũng đã phải phai tàn. Nó phai tàn như thế cũng không lạ. Bởi vì Thời Gian vốn là một sức mạnh ghê gớm vừa tàn phá hình hài vừa tàn phá những kỷ niệm của con người. Hình hài đã bị tàn phá, thường không cứu vớt được, thế nhưng kỷ niệm này bị tàn phá, tình cảm, thứ tình cảm vốn dĩ ngông nghênh hiếu động của con người, sẽ có thể tạo ra những kỷ niệm khác để thay thế, phải vậy không, Ngọc?

Lan Hữu là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của loại tiểu thuyết tình cảm lãng mạn. Đây là một tác phẩm rất có giá trị, có thể bảo là một tác phẩm lớn trong kho tàng văn chương xứ ta, nhờ ở những đặc điểm sau đây:

Trước hết cốt truyện rất hấp dẫn. Phần nhiều những truyện tình đều có sẵn sức quyến rũ, huống hồ đây lại là một truyện tình khá rắc rối: một chàng nhưng có tới hai nàng và chàng đó đã

thật tình yêu cả hai nàng đồng thời lại được cả hai nàng yêu lại. Hơn nữa, đây lại là một truyện tình của tuổi mới lớn, nghĩa là cái tuổi đang còn bỡ ngỡ, còn trong sạch, còn lúng túng, cái tuổi bấy còn đầy những say mê nồng nhiệt nhất dễ khiến cho cuộc tình trở nên phong phú, sôi nổi. Truyện đã phả bày vài điều thật phức tạp của tình yêu, đã dẫn độc giả vào cả một mê cung tình cảm của một gã trẻ tuổi đa tình.

Sau nữa là cái tài kể truyện của Nhưộng Tống. Tài đó cần lắm, bởi vì truyện có hay đến mấy mà người kể truyện thiếu tài, thì truyện vẫn không thể hấp dẫn được. Văn pháp của Nhưộng Tống trong *Lan HỮU* tuy giản dị trong sáng nhưng lại rất tinh tế có đủ khả năng bày tỏ tất cả những điều rắc rối u uẩn nhất của tâm trạng các nhân vật. Lỗi kể truyện giản tiếp nhưng tinh vi đó của ông đã vừa làm say mê độc giả vừa khiến cho độc giả ít khi phải bỡ ngỡ khi cùng ông đi vào xem xét cái mê cung tình cảm của con người.

Sau hết, trong *Lan HỮU*, Nhưộng Tống còn đã tỏ ra nắm rất vững không những toàn bộ câu truyện mà còn cả những chi tiết của câu truyện đó. Phải là một kẻ vừa thông minh vừa đa tình, vừa có những kinh nghiệm thiết thực trong việc yêu đương mới có thể viết được một thiên truyện tình cảm có nhiều vẻ chân xác và nhiều chi tiết rõ ràng đến thế.

Với những đặc điểm như vậy, *Lan HỮU* rất đáng được coi như một đại tác phẩm. Tác phẩm đó đã từng khiến cho biết bao nhiêu độc giả phải say mê rung động và tôi dám đoán quyết rằng nó sẽ còn sống lâu dài với thời gian để tiếp tục gây rung động cho những thế hệ độc giả mới. Về loại văn xuôi sáng tác, hình như Nhưộng Tống chỉ viết có cuốn *Lan HỮU* chứ không còn cuốn nào khác thế nhưng chỉ một cuốn đó có lẽ cũng đã đủ giành cho tác giả một địa vị khá cao trong hàng ngũ các tiểu thuyết gia Việt Nam. ‡

HUỲNH PHAN ANH

MỘT TRUYỆN TÌNH NỬA THẾ KỶ TRƯỚC

Cùng với Phan Khôi, Hoàng Ngọc Phách chia sẻ cái danh dự được làm kẻ tiên phong của nền văn chương mới. Có thể người ta chỉ có một thời đề yêu mến, say mê họ. Nhưng điều cần thiết là họ phải luôn luôn được chào đón bởi những người thuộc thế hệ sau họ, chào đón như một bậc thầy, trẻ mãi. Chỉ trong ý nghĩa đó thì trong tác động vượt qua, chối bỏ không ngừng, văn nghệ mới tránh khỏi tình trạng đứt đoạn mồ côi của nó.

Quyển *Tổ Tâm* của Song Au Hoàng Ngọc Phách ra đời vào năm 1925, tức khắc đã trở thành một « hiện tượng » văn nghệ của thời bấy giờ. Hãy nhớ cho rằng « biến cố » xảy ra cách đây đúng nửa thế kỷ ở vào giai đoạn phôi thai của nền văn chương quốc ngữ. Có thể nói *Tổ Tâm* là bước thử thách đầu tiên trong việc làm mới từ nội dung cho tới hình thức diễn đạt một câu chuyện. Nó làm say mê, làm khó chịu, tự tạo dư luận, gây sóng gió, nó thành công. Nó đã đóng trọn cái vai trò khó khăn của nó. Vai trò thí nghiệm, dò đường. Đọc lại *Tổ Tâm*. Có lẽ không gì dễ dàng và vô bổ hơn là tìm kiếm những cái non yếu của nó về mặt nội dung hay hình thức, về mặt tư tưởng hay ngôn từ, điều hơn một người đã làm với một giọng điệu khệnh khạng nào đó, rất thích hợp trong những trang sách ít nhiều có tính cách giáo khoa. Bởi mỗi cuốn sách đều có một đời sống một định mệnh, một vai trò. Bởi mỗi cuốn sách cần được đặt vào đúng vị trí, giai đoạn của nó. Người ta có thể, nhưng không bắt buộc phải mang lý thuyết của Sartre, Barthes hay Foucault để giải thích *Tổ Tâm* hoặc chối bỏ *Tổ Tâm* chỉ vì nửa thế kỷ trước tác giả của nó đã thiếu tiên liệu sự đào thải của mình. Ở đây, tôi không muốn làm cho người đọc phải chán ngấy với mớ ngôn từ thời thượng, tự chúng cũng đã không ngừng bị đào thải, để cố gắng dẫn giải một tác phẩm tự nó vốn luôn luôn đòi hỏi được nhìn ngắm trước tiên như một hiện hữu tự tại.

Vậy thì *Tổ Tâm*, cuốn sách mỏng mảnh kia trước tiên chỉ là một câu chuyện tình được viết/kể bởi một nhà văn cách đây nửa thế kỷ. Một truyện tình dễ làm say mê người đọc, điều này có thể

đúng, để ru ngủ người đọc, tại sao không? Bởi người ta không thể đòi hỏi ở một câu truyện tình điều gì khác hơn một câu truyện tình. Chính tác giả Tô Tâm đã nói trong lời mở đầu cho cuốn sách:

«Ký giả không có gì thóa vễ, mà cũng không quen đem đạo đức bình luận ái tình, ký giả xét là xét cái tình trạng của lòng người, chép là chép cái hành động của tâm lý, còn luận lý phẩm bình xin để phần dư luận.»

Ký giả chưa đến tuổi biết sáng tạo ra người trong chuyện, thì chỉ chép lại chuyện là hơn; nếu có bạn nào quá nghiêm mà trách ký giả sao tuổi còn non, người con trẻ đã vội đem tách bạch những nỗi éo le bí mật của ái tình mà bày cả ra đây thì ký giả xin thưa rằng: nếu những điều quan sát và lý luận kể trên kia mà đúng thì nhời trách ấy quá nghiêm, nếu mà sai, thì xin biết cho rằng ký giả vì những điều quan sát đó mà chép». (Tô Tâm, bản 1968, không đề nhà xuất bản, tr. XIV).

Nhà văn tự xưng ký giả, người chép chuyện, và Tô Tâm trở thành một câu truyện viết/kể/ chép. Phần 'luận lý phẩm bình' mà tác giả đã 'xin để phần dư luận', dư luận đã không ngăn ngại sử dụng tới, nếu không nói là lạm dụng, để kết án tác phẩm, nhân danh những giá trị này nọ hoàn toàn xa lạ với giá trị nội tại của một câu chuyện tình (cũng như của một tác phẩm văn chương).

Di nhiên, Tô Tâm không phải là một tác phẩm đầu tiên viết lại, kể lại, chép lại một câu truyện của đôi lứa, nó cũng không phải là một tác phẩm sau cùng trong loại cũng như truyện tình của đôi lứa Tô Tâm, Đạm Thủy cũng không lạ gì với nhân loại của bất luận thời nào, ở đâu. Và thử hỏi cuộc tình nào lại không có quá nhiều nước mắt? *Tình yếu nhất thiết phải khổ khổ*. Những thiên tình sử còn sống mãi trong trí nhớ nhân loại (Tiểu Nhiên My Cơ, Roméo et Juliette...) đã nói bằng thứ tiếng nói nào khác hơn thứ tiếng nói tuyệt vời của đam mê và nước mắt? Có lẽ những cuộc tình, những truyện tình, những truyện tình khổ khổ kia cần được tha thứ. Có lẽ những giọt nước mắt của những độc giả 'thường tình nhi nữ' nhỏ xuống những trang sách kia cũng cần được tha thứ. Đời đời sống này còn đáng sống hơn, có lẽ cần phải có những giọt nước mắt đó. Còn nhớ cách đây mấy năm, một cuốn truyện tầm thường của một tác giả Hoa Kỳ với

nhân đề Truyện Tình (Love Story) đã trở thành một « best-seller », trên khắp thế giới, đã chỉ nói lên sự thật muôn đời của tình yêu khốn khổ, vụng, tầm thường và khốn khổ. Bao nhiêu Tổ Tâm đã chết trong những thiên tình sử viết bằng nước mắt kia, những thiên tình sử thể hiện qua những trang sách hay ngay trong đời người. Mặc cho bao nhiêu luận, điệu kết án Tổ Tâm và kẻ sáng tạo ra nhân vật Tổ Tâm, nhân danh một sự lạnh mạnh tình thần nào đó, tôi nghĩ: thật đáng buồn cho một thời đại nào (một nền văn chương nào) trong đó không tìm thấy đâu ra một Tổ Tâm còn dám yêu, còn dám sống một cuộc tình, còn dám tan nát theo cuộc tình say mê đó.

« Em vẫn tự hiểu rằng, cuộc đời của em là đời vắn vơ, ái tình của em là ái tình vô hy vọng, nhưng em đã đem lòng yêu anh thì em cứ biết yêu anh, em lấy tình luyến ái của anh làm khuây khỏa, còn về sau nữa phó mặc khuôn thiêng ».

(Sdd. tr. 47).

« Em chỉ giữ lấy một cái ảnh của anh để đưa em một vài dặm đường về tiên cảnh.

Rồi đây, sau khi hương tàn khói tỏa, có lúc nào anh qua chỗ của em an giấc ngàn năm này, nhờ anh đề hộ vào gốc cây, tảng đá hay bức tường mấy chữ rằng: « Đây là mồ một người bạc mệnh chết vì hai chữ ái tình ».

(Sdd. tr. 101).

Hai đoạn trích dẫn trên đây, một ở đoạn đầu và một ở đoạn cuối, đã giới thiệu khá đầy đủ câu chuyện tình lãng mạn với tất cả những ngang trái, những khốc liệt của nó. Nó xuất hiện như một định mệnh mù quáng và khốn khổ, tan nát và nao nùng, mong manh và khốc liệt, như đời sống, như cái chết. Nó đời đời vắn vơ, chỉ khác nhau ở ngôn ngữ diễn đạt, ở dáng vẻ bề ngoài. Tổ Tâm của thời đại chúng ta có thể mê tài tử xi nê hơn nhà văn, thích chưng diện hơn làm thơ... nhưng chắc chắn lòng nàng vẫn thồn thừ nếu quả thật nàng còn biết rung động, say mê... *Ái tình của em là ái tình vô hy vọng nhưng em đã đem lòng yêu anh thì em cứ yêu anh...* Lời thú thật tầm thường này của Tổ Tâm đã vô tình cho người đọc thấy rõ tất cả cái dung mao khốc

liệt của tình yêu lãng mạn đời đời. Tất cả đều ở đó, không phải ở thứ *ái tình vô hy vọng* mà ở chữ *nhưng* mở đầu cho thăm kịch. Vâng, tôi không ngần ngại nói rằng thăm kịch của Tố Tâm cũng như thăm kịch của tình yêu lãng mạn chứa đựng trong Tố Tâm, (và từ đó, của cả giọng văn chương lãng mạn?) đều bắt đầu từ tiếng trạng từ đơn giản, nhỏ nhoi đó, nằm rải rác trên khắp các trang sách, trở thành chữ nòng cốt, giải thích tất cả trật tự và luận lý của Tố Tâm, truyện tình lãng mạn. Có lẽ tác phẩm Tố Tâm sẽ đổi khác hoặc sụp đổ hoàn toàn nếu thiếu tiếng trạng từ đó vẫn luôn tìm cách lập lại, trở về dưới ngòi bút của tác giả. Trong ý nghĩa đó, đọc lại Tố Tâm theo tôi, tức là tìm lại thứ luận lý muôn đời của giọng tiểu thuyết lãng mạn, bắt đầu từ một tiếng trạng từ. #

* Hoàng Ngọc Phách từ trần tại Hanoi hồi 18 giờ 15 ngày 24.11.73, thọ 77 tuổi.

Thời Tập 1, 2

Rất nhiều bạn đọc gửi thư về hỏi mua Thời Tập các số 1 và 2. Nay xin trả lời chung như sau:

- a/ Bạn cho biết địa chỉ nhà sách nơi bạn hay tới, chúng tôi sẽ nhờ nhà Tổng Phát Hành gửi báo đến nhà sách đó (Chỉ 3 hôm sau bạn ra nhà sách đó hỏi, sẽ có báo cho bạn).
- b/ Nếu không, bạn gửi cho chúng tôi 150đ bằng tem (số 1) và 250đ (số 2 — Xuân) chúng tôi sẽ gửi báo cho bạn. Từ số 3, giá mỗi số là 180đ.

Riêng các bạn muốn mua trực tiếp (các số cũ) có thể tới:

- Saigon: nhà sách Nam Cường, 183-185 Nguyễn Thái Học.
- Tuy Hòa: nhà sách Hồng Tân (Đồng Dao cũ) 284 Trần Hưng Đạo — Tuy Hòa.

Đóng Bộ 1-5

Sau khi phát hành số 5, là số trước, Thời Tập đang đóng bộ, (5 số một bộ, trên dưới 500 trang), bìa giấy cứng—giá dự định 600đ một bộ. Bạn nào muốn mua, chúng tôi sẽ gửi báo đảm tới bạn sau khi nhận được chỉ phiếu và cước phí bưu điện thêm khoảng 200đ nữa.

LƯU THỊ HẠNH

ANH NÊN Ở LẠI (*)

Một Truyện Tình 15 Về Trước của Lưu Thị Hạnh — mà có dư luận cho là một bút hiệu của Hồ Dzếnh — thuật lại chuyện tình một mực của một chàng học trò nghèo áo vá vai, không bạn hữu. Hai người quen nhau sau 93 ngày gặp nhau trên lòng một chuyến xe điện 7 giờ trên đường Bạch Mai—Bưởi, chuyển tàu họ cùng đi học. Sống cùng cảnh nghèo, họ yêu nhau nhanh chóng (sau... 93 ngày đi một chuyến tàu).

Đây là đoạn họ tỏ tình lần đầu tiên với nhau :

« Tàu đã qua ba bốn phố rồi. Mai đến lúc sắp phải xuống, Thủy mới đánh bạo quay lại nhìn Nguyên. Thủy run run cơ chừng liu lười lại khi chàng nói bằng giọng :

— Tàu hôm nay vắng quá.

Không thấy Nguyên trả lời, Thủy chột dạ nhìn rằng, thì cũng thấy nàng có vẻ bối rối lo lắng. Hơi bạo dạn, Thủy tiếp theo câu thứ hai :

— Chắc hôm nay không phải là phiên chợ.

Nguyên đã hơi đổi cách đứng, nhìn Thủy rất nhanh :

Một chiếc nữa có đồng mới đồng.

Thủy thấy toàn thân rung động một cách êm ái. Câu nói của Nguyên tuy bỏ lửng nhưng cũng đủ chứng thực rằng, đã hơn một lần, ở lòng nàng cũng như ở lòng Thủy, đã nảy nở một thứ cảm tình luyến ái thầm kín ».

Khi đã yêu nhau rồi. Nguyên có đến nhà Thủy. Chỉ là đến để thăm hỏi, nói chuyện này kia, bàn về tình yêu trong sạch, về các nhân vật của tiểu thuyết Bourget v.v... mà không hề có sự va chạm giữa hai thể xác. Mùa Hè, cả hai thi đỗ, cả hai rời Hanoi về quê nghỉ hè. Hai làng ở gần nhau, nàng ở làng Văn Học, chàng ở làng Táo. Hàng ngày nàng dẫn em 4 lần đi về giữa nhà nàng và nhà chàng, để cho chàng dạy em học, và cũng là để nhìn nhau, chuyện trò cùng nhau: Qua 2 tháng hè. Nguyên bị cha mẹ đánh điện gọi lên Hanoi vì « thầy mết ». Lên đến nơi, nàng trở thành cô dâu tức thì. Ông bà Phủ bắt ép nàng thành hôn với Quân, người thanh niên—cậu Tú—nàng không hề yêu. Khi hay tin, « Thủy không ngờ rằng về hiền lành, nhu mì của Nguyên chỉ là một cái vỏ che đậy một tấm lòng độc ác ». Một tháng sau vì chán đời, chàng lên Vĩnh Yên làm một thứ cai phu trong một nhà máy gạo. Thẽ rồi sau một giấc mơ đi xem kịch ở nhà Hát Lớn Hanoi gặp Nguyên âu yếm bên chõng trong xe hòm bóng loáng, chàng bèn lấy vợ quê, tên là Gái, quyết chôn cuộc đời trong cảnh bình dị một mực. Khoảng hai năm sau khi vợ chàng sắp sinh, bắt nạt Nguyên tìm tới. Hóa ra nàng đã bỏ chõng ngay tháng cưới, rồi vì cha mẹ tử nạn lưu thông, nàng phải săn sóc các em. Bây giờ thì...

(*) Nhan đề do Thời Tập đặt.

Dưới đây mời quý bạn đọc đoạn chót — chương 17 cũng là chương chót trong Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước.

Ông Bộ dựng cán cuốc vào hàng rào, đẩy tấm cửa phen, sang nhà Thủy.

— Chà, cô hôm nay chiều thầy gớm. Thịt, tôm, rau đủ thứ.

Thủy vui miệng chêm vào :

— Lại sắp có rượu nữa. Nhà tôi tiếng thế, nhưng được cái chiều chồng.

Gái nguyệt yêu Thủy một cái, đoạn xếp gánh vào trong nhà. Ông Bộ và Thủy ngồi lại hút thuốc lão, uống nước.

— Nếu không có ông thì chắc chẳng bao giờ tôi được sống an nhàn như thế này.

— Thầy cứ nói thế, nếu không có tôi thì thầy lại sống khác, thư kỳ, thông phán chẳng hạn.

Thủy mỉm cười :

— Tôi đã bảo không gì hơn được sống như thế này. Nghèo mà sướng.

Bóng nắng lúc ấy đã xế. Mấy cây cau đã hơi chềch bóng ra ngoài gốc. Gió thổi hơi mạnh, lật trái những cành lá thù đu, lá soan lên. Bỗng có tiếng chó sủa mạnh, và tiếng người lao xao ngoài ngõ, làm Thủy giật mình, lo lắng.

— Có phải đây là nhà ông Thủy không cậu ?

Tiếng đáp lại :

— Phải, cô hỏi làm gì ạ.

— Tôi là bạn ông ta, cậu vào bảo hộ nhà.

Thủy đứng ngay lên, chàng khoác vội chiếc áo dài, bước ra sân, vừa lúc thằng Dung, con ông Bộ, hấp tấp chạy vào bảo chàng :

— Có cô nào hỏi thăm thầy, cô ta sắp vào đây bây giờ.

Thủy chưa kịp hỏi thêm gì thì người con gái mặc quần áo trắng đã yên lặng tiến vào sân.

— Nguyễn !

Nguyễn gật đầu, chào Thủy giữa sự ngạc nhiên của ông Bộ và Gái. Thủy chỉ Nguyễn nói to đề giới thiệu

^{Bạn là cô bạn ngày xưa đến thăm tôi.}
sập ban này. Nguyễn nhìn chúng quanh, rồi cuối cùng nàng chau mày hỏi Thủy :

— Anh quên em rồi chắc ?

Thủy có vẻ lúng túng trông thấy :

nếu không có gì cản trở.

Thủy biết Nguyễn cố ý dẫn giọng ở câu : « Nếu không có gì cản trở ». Chàng nhìn bạn, ngạc nhiên vì cách đến thăm hỏi đột ngột của nàng :

— Chắc cô nhân tiện qua đây, lại vào thăm tôi ?

Nguyễn cười chua chát :

— Nếu bây giờ em cũng gọi anh bằng ông, thì có tiện không ? Sao anh vẫn không dùng được cách xưng hô ngày trước, khi ta còn...

Thủy gạt ngay đi :

— Ngày xưa khác, bây giờ khác. Bây giờ cô đã lấy chồng, và biết đâu lại không có cháu nữa.

Nguyễn ngừng hẳn lại giữa lúc nàng đang định nói một câu gì. Nàng vẫn chăm chăm nhìn Thủy, cặp mắt như dò xét những sự thay đổi trên nét mặt người bạn xưa. Thủy rót nước mời Nguyễn, và khi sự thương nhớ của lòng chàng được gọi lại bằng thứ hương nước chè tươi bao giờ cũng đậm, chàng lạnh lùng :

— Cô sơ nước. Nhà nghèo quá, chả có thứ chè gì hơn là mấy cánh lá trồng ngay ngoài vườn.

Thủy muốn câu nói của mình làm Nguyễn nhớ đến một buổi trưa năm nào và nhân thế nhắc lại tấm tình đơn bạc của nàng. Nhưng Nguyễn chỉ mỉm cười lạnh lùng :

— Nếu không có chè tàu thì thôi vậy. Người Hà Nội không quen uống thứ chè này.

Thủy thấy một nỗi tức giận dề lên ngực. Chàng nhìn Nguyễn chăm chăm rồi buột miệng :

— À ra thế !

Nghe giọng Thủy đầy hờn trách, mắt mọi Nguyễn

chỉ yên lặng, cười thầm. Sau cùng nàng điềm tĩnh bảo bạn :

— Trông anh Thủy ngày nay khác xưa quá! Anh Thủy bây giờ đứng đắn, nghiêm nghị lắm rồi.

Thủy gay gắt :

— Chả đứng đắn cũng không được. Đời có ai lại giống mãi như trước bao giờ?

Nguyễn bẻ mười đầu ngón tay vào nhau, nhìn Thủy buồn bã :

— Bây giờ anh Thủy được mấy cháu rồi?

Thủy trả lời dùng dằng :

— Cũng sắp thôi ạ. Bao giờ sinh cháu sẽ mời cô về chơi.

Nguyễn không lạnh lùng nữa. Mặt nàng đổi khác ngay đi. Nàng nhìn Thủy mà không nói. Đoán chắc là Nguyễn muốn che đậy sự giả dối của mình. Thủy thoáng nhớ đến giấc mơ hôm nào, hỏi Nguyễn :

— Chắc... cô cũng đã có cháu rồi? Đã ngọt hai năm rồi còn gì nữa!

Nhưng Thủy bỗng giật mình vì đôi mắt Nguyễn lúc ấy ngẫu đỏ. Như một người tự nhiên được biết tội lỗi mình, Thủy thấy lạnh người, khi chàng bắt đầu đề ý đến bộ quần áo tang chế của Nguyễn.

— Cô đề trở?

— Vâng. Thầy mẹ tôi mất vì nạn ô tô đến ngọt nửa năm nay.

Cuộc đời xưa ở nhà quê vụt hiện ra trong trí Thủy. Chàng hỏi dồn :

— Thế còn các em?

Nguyễn trả lời, nhưng không nhìn Thủy, hai giọt nước mắt lù lù trên má :

— Em vẫn nuôi và vẫn cho đi học. Em Phong mới đỗ xong bằng Cơ Thủy, con Thảo, Thu thi đã vào trường học lớp ba.

Thủy hỏi dồn Nguyễn :

— Còn ông nhà?

Nguyễn không nén nổi tiếng khóc mạnh. Nàng cúi mặt xuống, nức nở :

— Em chưa lấy chồng, và rồi đây em cũng sẽ không lấy chồng nữa.

Thế còn... Quân, em lấy Quân kia mà?

Nguyễn nhẹ nhàng dừng cách Thủy ra, miệng cắn lấy đầu chiếc khăn tay trắng:

— Nếu anh biết! Nếu anh biết rằng sau khi lấy Quân, em bị ốm, xin về nhà cho mãi đến nay.

Thủy tối mắt lại. Chàng không còn thấy gì nữa, ngoài cái bóng trắng đứng trước mặt chàng, cái bóng trắng ngày xưa chàng từng nhớ thương và bây giờ đây đương làm chàng đau khổ.

— Em không sống với Quân vì lẽ rất giản tiện là chúng em không hợp nhau. Quân tử tế và nhân từ cũng đề em trở về dưỡng bệnh. Cách mấy tháng sau đấy, thầy mẹ em mất đi, em phải trông nom mấy em nhỏ, nhờ ở sự giúp đỡ thành thực, không tư lợi của Quân, người mà em chỉ còn xem như là bạn tốt...

Nguyễn ngừng lại vì tiếng thở dài của Thủy. Cả hai người cùng nhìn nhau, hai cặp mắt cùng long lanh ướt. Giữa lúc ấy, có tiếng người nói ở ngoài vườn, bình như trả lời câu hỏi:

— Nhà tôi đang bận có khách ở nhà trên.

Nguyễn hỏi Thủy:

— Anh lấy vợ đã lâu chưa?

Thủy không ngoảnh mặt lên, chàng cũng không dám đáp.

— Có vợ rồi. Sắp có cháu. Em cũng chỉ còn biết mừng anh thôi. May mà hôm nay em đi lại được việc! Nghe tiếng cười lạnh lạnh của Nguyễn, Thủy quay lên:

— Nguyễn không được...

Nguyễn cười gằn:

— Anh cấm cả em nói! Ô hay! Sao anh nghiệt thế!

Đôi mắt Thủy lúc ấy đã hơi đỏ.

mỗi lúc một run thêm :

— Em biết anh giận em lắm, sau khi tưởng em đi lấy chồng. Em còn biết anh sang bên nhà em ở Văn Hạc để dò biết đích xác tin em đi lấy chồng nữa. Anh thất vọng, anh đi, và sau bao nhiêu ngày trông đợi, tìm kiếm, em đã đến đây để mừng anh... lấy vợ !

Thủy đứng ngay dậy tiếp lại gần Nguyễn như một người điên. Chàng nắm chặt lấy tay nàng :

— Nguyễn ! Em tha lỗi cho anh !

Nghe có tiếng reo nặng dưới chân, Nguyễn hốt hoảng khi nhận thấy Thủy đã quỳ xuống trước mặt mình, đầu tóc bù rối.

— Anh van em, tha lỗi cho anh ! Anh đã ngờ oan em, anh đã nhắm mắt trước một tấm tình hiem có... anh đã phản bội lại lòng hy sinh cao quý của em.

Nguyễn cúi xuống đỡ Thủy dậy, an ủi :

— Anh chẳng có lỗi gì hết. Những người thiếu niên giàu lòng tự ái, mà thiếu hẳn sự xét đoán thông minh đều như thế cả. Anh đứng lên, vì lúc này anh không thể ăn năn thương tiếc được !

Thủy vẫn nắm chặt lấy tay Nguyễn, giọng nói thỉnh thoảng lại bị nghẹn đứt vì nước mắt :

— Nếu em muốn, anh xin theo em ngay bây giờ... ngay bây giờ !

Nguyễn run run :

— Ngay bây giờ... Không được ! Anh không được điên như thế nữa ! Anh đã có gia đình, anh có cả một nhiệm vụ thiêng liêng trong đầu óc. Anh phải sống...

— Không, anh theo em... vì nếu em đi, anh sẽ...

Nguyễn cười qua tiếng khóc :

— Nếu em đi thì anh phải ở lại ! Anh đừng làm cho mọi người đàn bà và đứa con sắp ra đời vô tội bị đau khổ vì anh, vì chúng ta. Anh phải sống để làm trọn cái thiên chức của một người chồng, một người cha, một... người tình. Anh nên ở lại !

Thủy không còn hay biết gì nữa. Mắt chàng hoa lên. Trước mặt chàng, sự sụp đổ của tất cả những cái vừa lập thành, dựng lên. Trước mặt chàng là Nguyễn,

Hãy đọc :

MỘT NƠI NÀO ĐỂ NHỚ

truyện của TRẦN HOÀI THƯ

bìa offset nhiều màu, giá 250đ

«... Nhờ một lối hành văn mềm mại uyển chuyển, những hình ảnh phong phú, những từ ngữ chính xác, những lời lẽ thiết tha, văn chương của Thư trong Một Nơi Nào Để Nhớ đã có một sức hấp dẫn khó chống cưỡng, có một khả năng truyền cảm mạnh mẽ.

... Vì vậy, Một Nơi Nào Để Nhớ là một tác phẩm mà chúng ta, nhất là những người trẻ tuổi nên đọc và cần phải đọc. Tôi dám nghi rằng độc giả sẽ tìm thấy trong đó ít hoặc nhiều những suy tư thường trực, những nỗi ám ảnh không rời cũng như vóc dáng hoàn cảnh sống của chính mình».

(Trích Bài Điem Sách của Lê Huy Oanh)

— Vì sách phổ biến hạn hẹp, muốn có sách, xin liên lạc về địa chỉ tác giả: 43 Phan Thanh Giản Cần Thơ.

(kèm tem)

VŨ TRỌNG CAN

NĂNG HANH VÀNG

Năng Hanh Vàng của Vũ Trọng Can là một truyện tình táo bạo so với thời tác giả, nhất là so với khi ông viết nó : tháng 5-1939, trước Đề Nhị Thế Chiến. Sách do Lê Tràng Kiều đề tựa, xuất bản bởi nhà Librairie Centrale trong cùng năm đó.

Chuyện xảy ra vào cuối một mùa đông ở Hanoi, giữa Vĩnh, cha chàng và Công tôn nữ Nhân Lan. Năng mới 17 tuổi, là ái nữ của một vị đại thần, bạn thân của cha chàng. Vị đại thần là một tay cờ bạc khờ, từng phải vay ông Nghị hàng vạn bạc để tiêu phí vào những cuộc đồ đen. Hai năm sau ngày quen biết, vị đại thần vẫn không trả được cha Vĩnh món nợ lớn kia. Một hôm ngài trộm lời ông Nghị : ngài biết ông Nghị có con trai lớn chưa vợ, thời ngài gả Nhân Lan cho Vĩnh — như một cách gán nợ cờ bạc.

Ông Nghị ý tứ nói Vĩnh đã chắm một đám rồi. Chắc lưỡi, vị đại thần nói : « Nếu vậy, đề cháu Lan nó về hầu ông bạn vậy ». Thế là chẳng bao lâu Nhân Lan trở nên bà Nghị thứ, đề bắt đầu một kiếp sống địa ngục, dưới sự hờn ghen khắc nghiệt của bà mẹ Vĩnh, cô Vĩnh và ngay cả chị Vĩnh nữa. Năng bị mắng chửi tàn tệ tới ngày.

Trước cảnh đau đớn ấy, Vĩnh đem lòng thương người gái Huế, lòng nổi dậy niềm công phẫn với gia đình. Chàng tưởng chàng sẽ đem lại một hy vọng cho năng, song Vĩnh đã nhu nhược để tháng ngày kéo dài cảnh địa ngục cho Nhân Lan. U sầu quá độ, năng bị sảo thai và chết trong bệnh viện khi chưa đầy 20 tuổi. Đoạn dưới đây là nguyên chương đầu của Năng Hanh Vàng.

Có mấy cái bóng gì loang loáng phản ánh năng hanh ở ngoài vườn, chiếu qua cửa sổ. Vĩnh biết là có người, song chàng không dám ngẩng lên. Chàng cúi đầu nhìn trang sách như thường, tuy lòng chẳng lúc ấy không bình tĩnh. Chàng ngồi lặng đi như một người say, chịu mặc mấy cảm giác mới lạ làm rạo rực trong lòng. Chàng không đọc được thêm một giòng chữ. Vì chàng đoán người thiếu phụ ngoài vườn đang đứng phơi quần áo, thích thoảng lại nhìn chàng bằng đôi mắt Huế dịu dàng.

Tâm trí Vĩnh bỗng... sáng bừng lên như có ánh nắng đông chiếu vào. Da thịt chàng thấy tê tái một cách êm ái

VŨ TRỌNG CAN

Là một nhà văn tiền chiến thuộc xu hướng lãng mạn. Cho tới nay, chúng tôi chưa tìm ra năm sinh cũng quê quán của ông.

Khoảng 1935-1940, ông có văn đăng trên nhiều tuần báo và tạp chí. Ông viết thường xuyên cho tờ *Hanoi Báo*.

Theo Nguyễn Thạch Kiên (Bản nguyệt san *Văn* số 22, ngày 15 tháng 11 năm 1964) thì Vũ Trọng Can mất tích hồi đầu cuộc toàn quốc kháng chiến (1946-47).

Nhưng theo một tài liệu do Hanoi mới phổ biến năm 1972 thì Vũ Trọng Can bị chết vì bệnh thương hàn ở Bưởi, năm 1943.

(Vây chúng tôi xin đề lờn nghi, và ước mong bạn đọc nào có tài liệu gì thêm về Vũ Trọng Can, vui lòng cho chúng tôi được biết).

TÁC PHẨM :

- Nắng Hanh Vàng, tập truyện, Librairie Centrale, Hanoi 1939.
- Ngoại Tinh, truyện, Lê Cường, Hi, 1939.
- Nước Mắt Người Đàn Bà, truyện, Hương Sơn, Hi, 1940.
- Sự Động Cồn Của Đàn Bà, truyện, Nhà in Ngày Nay, Hi, 1940.
- Triết Lý Ai Tinh, truyện, Minh Phương, Hi, 1940.
- Người Em Sầu Mộng, truyện, Cộng Lực, Hi, 1941.
- Tang Tóc, truyện, Tân Việt, Hi, 1942.
- Dã Tràng Xe Cát, truyện nhi đồng, Việt Dân, Hi, 1943.
- Người Chiến Quốc Liệt Truyện, Đời Mới, Hi, 1943.

(Trích trong « Tiểu truyện các tác gia Hiện đại » của Trần Phong Giao, sắp in).

lạ lùng, như được rợn trên bởi một bàn tay lạ, bàn tay nhỏ muốt của một thiếu phụ còn trẻ và xinh đẹp.

Hôm nay, cuối mùa đông nhưng nắng hanh nhiều, trời không lạnh. Làn gió khô lạnh lạnh thổi từ ngoài vào. Vĩnh cảm thấy lòng phới phới với thiên nhiên trong bầu không khí nhẹ nhõm. Chàng thấy chàng tha thiết và thân mật với thời gian, không băn bịu một ý nghĩ buồn buồn

Màu xanh của lá cây phản ánh nắng tươi, chiếu vào gương mặt Vĩnh, khuôn mặt đầy thiện cảm của một thiếu niên khôi ngô và trắng kiện, khiến người đứng ngoài nhìn vào khung cửa sổ như được ngắm một tấn hình lớn sáng màu.

Thiếu phụ kín đáo hơi cúi nhìn qua vách cái áo phơi trên giầy thép rồi dịu dàng đi vào. Vĩnh vẫn trầm miên ngồi trên bàn học. Chàng không nghĩ gì. Nhưng chàng đã lâu lắm cầm bút chì tô mồi xuống bàn mấy tiếng « Công tôn nữ Nhân Lan ».

Đấy là tên của thiếu phụ.

Công tôn nữ Nhân Lan là vợ thứ của cha chàng, con một vị đại thần, người Huế.

Cách đây hai năm, ông Nghị — cha chàng — có dịp vào Huế và được làm quen với vị đại thần. Sau, đôi bạn già ấy thân nhau. Và nhiều lần, vị đại thần đã vay của ông Nghị tới hàng vạn bạc để tiêu phí vào những cuộc đổ đon. Ông Nghị giàu lắm, tốt với bạn lắm, nên không bao giờ đòi và lại vui vẻ cho bạn vay thêm.

Hai năm sau, vì chưa trả bạn được đồng nào, vị đại thần lấy làm ngượng. Nên một hôm ngài đã ngỏ lời với ông Nghị muốn trả ơn bạn : là Ngài biết ông nghị có một con trai, vậy Ngài muốn kết làm thông gia. Nghĩa là Vĩnh sẽ được kết duyên với Công tôn nữ Nhân Lan, con gái quý nhất của vị đại thần, mới mười bảy tuổi.

Nhưng ông trả lời rằng Vĩnh đã có một người vợ chưa cưới con gái một người bạn thân của ông Nghị hứa gả đã lâu.

Vị đại thần không nghĩ ngợi, liền chắt lưỡi :

— Nếu vậy để cháu Lan nó về hẳn ông bạn vậy.

Ông Nghị vẫn dợm lời nói ấy, nhưng ông còn cười từ chối. Song việc đó cũng thành sự thật. Vì không bao lâu, Công tôn nữ Nhân Lan đã trở nên bà Nghị thứ. Và vị đại thần cũng luôn luôn được góp mặt, quăng tiền

ngài nghĩ đến điều ông Nghị còn người vợ cả già và hay ghen.

Không nghe tiếng lạo xạo ở đường cuối ngoài vườn nữa. Vĩnh biết rằng Lan đã vào nhà. Bấy giờ chàng mới dám ngàng mắt lên, nhìn: trong nắng tươi, một chiếc áo dài lụa màu hoàng yến phơ trên giây bay phấp phới trước gió, như cánh bướm vàng non đương tập bay.

Màu hoàng yến trông trinh bạch quá, tuyệt vời trinh bạch, khiến Vĩnh phát tưởng ra một thiếu nữ ngây thơ, mình thon thon đương đứng trước gió, sưởi nắng đông. Chàng lim dim mắt, mình gai lên với những cảm giác thẩm thía. Chàng tưởng tượng đến cặp môi tươi mọng và cặp mắt hiền trong veo của Lan. Những ý nghĩ tha thiết làm xôn xao lòng trong trắng của chàng. Vĩnh thầm nghĩ: «Được một người yêu ngoan như Lan và ngây thơ như Lan thì cảm động biết bao». Chàng rung mình nhớ đến những cô gái mới ngông nghênh của Hà-nội.

Từ ngày lớn tuổi, chàng chưa được ôm ấp một thiếu nữ, nên chàng tưởng tượng những điều ân ái ấy một cách say sưa.

Chợt có tiếng giầy lép kẹp phía sau lưng, chàng giật mình. Và như sức tỉnh một giấc mơ đẹp, chàng bàng hoàng trong sự thực tai ác: vì đây là ông Nghị.

Vĩnh ngồi lặng đi và tròn trợn trong lòng, không dám ngoảnh lại, tưởng chừng ông Nghị đã đoán hết ý nghĩ của chàng vậy.

Ông Nghị im lặng ngồi lên sập, thong thả rót tách nước trà nóng uống rồi «khà» một tiếng khẽ và lại ngồi im. Sự tịch mịch nặng nề trong căn nhà rộng lớn ấy khiến Vĩnh luôn luôn chợt dạ. Những cái rung mình sợ sệt chuyển trong thớ thịt. Vĩnh có cảm giác đôi mắt nghiêm khắc của ông vẫn đắm đắm nhìn vào gáy chàng đề dò xét. Chàng thấy lạnh người đi.

Trước nay chàng sợ cha lắm. Ít khi chàng dám nhìn thẳng vào đôi mắt long lanh sắc gọn của ông Nghị. Vì

ông Nghị là một ông già quốc thước, mặt đầy quả cảm.

Vĩnh sợ hãi ngồi lặng đi như một đứa con nít có lỗi. Chàng lấy bút xóa đi, xóa lại mãi mấy chữ « Công tôn-nữ-Nhân-Lan » mà chàng tô xuống mặt bàn ban nấy. Chàng sợ ông Nghị nhìn thấy thì nguy hiểm cho chàng, vì ông sẽ đoán ra hết tâm sự của chàng.

Rồi Vĩnh ngấm ngấm nghĩ oán hận cha. Chàng rung mình và khó chịu khi tưởng tượng khuôn mặt ngây thơ hồng mịn của Lan ở bên một khuôn mặt có những râu ria cứng nhắc mới mọc của ông Nghị. Lòng chàng bỗng cộn lên những ý nghĩ ghen tức. Chàng cau mày cắn chặt lấy môi. Chàng kêu lên tiếng to « cho hả ».

Chàng lẩm bẩm :

— Vô lý lạ !

Hình như có nước mắt uất ức ở đâu đấy. Chàng nghẹn ngào và lăm lăm cầm cái bút dầm mạnh vào lọ mực đến gãy ngòi. Lọ mực đổ xuống.

Ông Nghị ngẩng lên hỏi :

— Gì thế ?

Vĩnh vội đáp :

— Không ạ.

Rồi chàng cắn môi tức bực.

Một lúc sau, vì không chịu được với những tư tưởng nặng nề, chàng liền len lét ra ngoài vườn hoa.

Đây là một cái *villa*—*villa Bạch Hường*. Đầy vườn, hoa hồng trắng ngà như màu lụa. Và đầy hoa lá. Vĩnh say sưa như được đắm quện trong vườn hương. Hương hồng ngan ngát bốc lên một mùi thơm thanh cao. Chàng lững thững bước và dăm dăm nghĩ như một thư sinh trong chuyện cổ đương tìm từ thơ trong vườn Thượng Uyển.

Ngang trời, mây biến đâu hết. Thỉnh thoảng chỉ loáng thoáng mấy sợi lướt qua, hay có mấy khối trông nhẹ và trắng như những hòn bông nổi, rủ rủ nhau lang thang bay về nơi vô biên.

Vĩnh thấy lòng nao nao khó tả. Chàng nhìn chiếc áo màu hoàng yến vẫn phất phới trước gió và chàng phát tưởng ra bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ. Mà hình ảnh

đôi mắt Huế dịu dàng thì không bao giờ phai nhòa trong óc chàng được. Đôi mắt ngày thơ làm sao và trong trẻo làm sao.

Vĩnh lững thững lại đứng tựa gốc cau, gần chiếc áo lụa của Lan phơi. Chiếc áo bị gió lộng nên dần dần trôi gần lại Vĩnh. Một tà áo đưa vào mặt và gáy chàng. Chàng bỗng rung mình và có cảm giác dè mề như được ve vuốt bằng một bàn tay mịn và mát. Chàng cứ dè yên cho lụa đưa vào mặt thế và đứng gần lại cho cả thân áo choàng ấp vào mặt. Mùi hương ngan ngát của vườn hồng thoảng bay lên, chàng có cảm tưởng đó là mùi hương phấn vương trên ngực áo của thiếu phụ. Da chàng gai lên. Những cái rung mình khoái trá làm rung thớ thịt khiến chàng rạo rức.

Gió lộng đều lên. Đầy vườn ngập gió. Và hoa, và lá nghiêng xuống nhau như cùng Vĩnh say sưa triền miên trong nắng tươi vàng dịu. Hương nồng bốc lên như muốn nâng lòng người đi chơi vui. Hàng thông cao trồng ở góc vườn ngán lên những tiếng vo vo xa xôi như những dư âm của một bản nhạc tiêu tỵ thời xưa còn vọng lại. Vĩnh thấy lòng hoang mang và nao nao...

Nhưng trong lúc chàng đang dè mề ấy, thì tiếng mắng dầy tờ của bà Nghị làm chàng giật mình. Chàng lắng tai nghe và rất lấy làm khó chịu khi thấy mẹ tủy mắng dầy tờ nhưng vẫn cố ý nói những lời xói móc, châm chích Lan.

Chàng nghĩ : « sao mẹ ta lại có thể ác với nàng được ». Rồi chàng lấy làm đau khổ rằng chàng không có kế nào nói cho mẹ bớt cay nghiệt với Lan được. Tất cả những vui buồn hay uất ức mà chàng nhận được trong gia đình, chàng không được nói với ai hết.

Vĩnh vừa dăm dăm nghĩ vừa lững thững vào nhà. Qua nhà ngang, chàng thấy Lan đương cúi húi làm gì, và vừa chột ngàng lên thì gặp mặt chàng. Đôi gò má Lan bỗng háy đỏ lên. Vĩnh hấp tấp đi vào và hỏi hớp nghĩ rằng : « có lẽ từ nãy Lan vẫn nhìn mình đùa với chiếc áo lụa màu hoàng vện »... ++

một tay thiện xạ sau trở thành tàn tật chỉ vì đã ranh mãnh thiến một con beo, rồi bị nó trả thù. Anh ta yêu Ên, từ ngày xấu xí tàn tật, phải trốn Ên nhưng vẫn sống bằng nghề canh xác chết. Anh ta dọa giết Ên nếu nàng làm vợ ai. Cũng không ai dám lấy nàng vì sợ Phù giết. Khi tôi theo dõi nàng trở về, một mũi tên bí mật xuyên thủng mũ tôi : Phù cảnh cáo tôi.

Tôi buồn quá, nằm bẹp ở nhà bạn. Mấy ngày sau, được tin sét đánh : Ên ra cái vũng từng nằm cùng tôi tự tử bằng cách uống thứ nước cực độc ép từ một loại lá gọi là lá ngón. Tôi buồn quá, bỏ Suối Đàn mà đi. Làm sao tôi có thể ở lại một nơi tối ngày vắng vắng điệu nhạc oan khuất náo nùng như lời thở than của người thiếu nữ rừng xanh...

Thấy tôi vào, Ên có một cử chỉ ngạc nhiên và kinh hãi, tỏ ra nàng không hề đợi chờ tôi đến thăm nàng.

— Chào cô Ên. Tôi đến thăm cô, cô có bằng lòng không ?

Nàng lúng túng :

— Chào thầy... Ô, có chứ !

— Cô chỉ không ngờ một tý thôi chứ gì ?

— Không ngờ sao kia ?

— Không ngờ tôi lại đến đây hôm nay.

Nàng nhìn tôi bằng cái nhìn ngây thơ nhưng sắc mặt nàng cũng bừng đỏ :

— Ừ, thầy khéo đoán quá ! Ông giáo đâu ?

— Bạn tôi không có nhà.

— Ông giáo chăm lắm đấy, chẳng lúc nào chịu ngồi yên.

— Những người như thế chắc được đàn bà con gái yêu hơn là những anh lười như tôi chẳng hạn.

— Mỗi đảng một khác chứ ! Thương hại ông giáo tốt như thế mà lại góa vợ.

Tôi hơi ghen tức :

— Cô chỉ thương anh ấy, sao tôi có không thương !

— Ông ấy à ?

— Phải...

LAN KHAI

Họ Nguyễn. Sinh năm 1901 (hoặc 1902, theo trí nhớ của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn), nguyên quán ở Tuyên quang (miền Thượng du Bắc Việt). Ở tỉnh, vừa dạy học vừa viết bài cho Ngọ Báo. Khi đã nổi tiếng, ông về ở hẳn tại Hà Nội, làm báo Loa, cộng tác với Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tao Đàn Tạp Chí, Đông Tây...

Ông là một tiểu thuyết gia viết rất nhiều loại tiểu thuyết, nhưng được đọc nhiều hơn cả là loại tiểu thuyết lãng mạn, truyện đường rừng.

Khoảng cuối năm 1945, đầu năm 1946, Lan Khai bị một đảng cách mạng cực hữu kết án và xử tử tại quê nhà.

TÁC PHẨM :

- Nước Hồ Gươm, Nhà in Nguyễn Kinh, Hà Nội 1928.
- Lăn Sự Đời, tập truyện, Lê Quang Thiệp, 1934.
- Cô Dung, truyện, Tân Dân, Hà Nội 1936.
- Lăn Than, tiểu thuyết xã hội, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, 1938.
- Dấu Ngựa Trên Sương, truyện Hương Sơn, 1940.
- Lê Văn Trương, Mỏ Tài Liệu Cho Văn Sử Việt Nam, phê bình, Minh Phương, Hà Nội 1940.
- Vũ Trọng Phụng, Mỏ Tài Liệu Cho Văn Sử Việt Nam, phê bình, Minh Phương, Hà Nội 1941.
- Truyện Đường Rừng, truyện, Tân Dân 1940.
- Bức Thư Của Người Không Quen, dịch Stefan Zweig, Editio Choisis, Hà Nội 1940.
- Tội Và Thương, truyện, Hương Sơn, Hà Nội 1941.
- Chiếc Nỏ Cánh Dâu, truyện, Duy Tân Thư xã, Hà Nội 1941.
- Mực Mài Nước Mắt, truyện, Đời Mới, Hà Nội 1941.
- Người Thủ Cửa Mặt Trời (Thành Cát Tư Hãn), tiểu thuyết lịch sử, Hương Sơn, 1941.
- Suối Đàn, truyện, Cộng Lực, Hà Nội 1941.
- Nàng, truyện Hương Sơn, 1942.
- Tình Và Máu, truyện, Hương Sơn, 1942.
- Tội Nhân Hay Nạn Nhân, truyện, Kiến Thiết, 1942.
- Trong Cơn Bình Lửa (Hay là những truyện của ông tôi về Cờ Đen), Kiến Thiết, 1942.

— Mặc kệ ông chứ !

Mặc kệ ... Tử tế nhỉ ?

Vừa nói, nàng vừa nhóm lửa bếp.

Ánh sáng bùng lên, rồi chan chứa toàn thân nàng. Tôi, tôi ngấm nghĩa nàng rất kỹ, làm như lần đầu tôi được thấy nàng vậy.

— Cô Ên đẹp quá !

Tôi không thể không khen nàng bằng câu ấy. Là bởi, càng nhìn, tôi càng thấy vẻ đẹp của nàng quyến rũ tôi không sao cưỡng nổi.

— Thôi đi ông. Tôi giao hẹn đừng nói thế nữa...

Chính tôi, tôi cũng nhận thấy rằng đừng nên nói như thế nữa. Là bởi nàng có một tâm hồn rất lạ.

Nàng như một chút khói thơm, ta cứ ngồi yên khói sẽ mon men bay lại. Nhưng nếu ta cử động, khói lập tức bay đi ngay. Tôi phải thận trọng lắm mới được.

Cái dự định của tôi sau này thành hay hỏng đều do lúc đầu tôi khéo hay vụng mà thôi.

Câu chuyện giữa nàng và tôi cứ kéo dài, bình tĩnh và thân mật.

Bỗng, nàng hỏi :

— Thầy nói rằng, thầy muốn lấy vợ và làm nhà ở đây mãi mãi, điều ấy có thực hay dối ?

Tôi hấp tấp :

— Thật đấy ! Sao cô Ên cứ ngờ tôi có thể nói dối được ?

— Là tôi hỏi vậy.

— Cô hỏi làm gì ?

— Hỏi cho biết.

— Thế cô cũng cho tôi hỏi nhé ?

— Thầy cứ hỏi.

— Bao giờ cô lấy chồng ?

— Tôi ấy à ?

— Phải.

Thiếu nữ nhìn vào ngọn lửa :

— Tôi không biết... Tôi không lấy chồng !

— Lấy chồng rồi có con, tốt lắm chứ.

— Tốt ! Nhưng mà tôi không lấy.

— Cô lạ quá !

— Chính thế !

— Sao ?

— Là chứ sao... À này, có có yêu tôi không ?

— Không !

Câu đáp gọn thon lỏn đánh vào óc tôi như một nhát búa :

— « Không ! »

— Phải.

— Thế sao hôm qua...

Nàng rất tự nhiên :

— Hôm qua à ?... Hôm qua, ông bảo ông muốn yêu tôi thì tôi mặc kệ cho ông yêu. Như thế không phải là tôi đã yêu ông.

Tôi bị chưng hửng như người rơi từ cung trăng xuống :

— Thế à ? Tôi tưởng cô có yêu tôi kia đấy. Và tôi định rằng nếu như thế tôi sẽ nhờ anh Sáu hỏi cô làm vợ.

Câu nói của tôi có cái hiệu lực của sự tiếp xúc với một con rắn. Ên đứng phắt dậy, nhìn tôi bằng hai mắt độc địa như mắt kẻ sát nhân.

Tôi hiểu rằng nói nữa cũng vô ích, nên thôi không gặng nữa.

Sự có mặt của tôi trong nhà này hình như đã nên chấm hết.

Tôi sầm sừ đứng dậy ra về.

Cô Ên vội lấy quả bầu rót một cốc rượu — cái cốc bằng thủy tinh dày nguyên trước là cái bình đựng nước bán ở các hiệu tây — đưa mời tôi.

— Cảm ơn cô, tôi không uống. Rượu làm tôi say không ngủ được.

Tôi vừa nói vừa đầy cốc rượu do thiếu nữ đưa mời.

Ên hình như mịch lòng về sự từ chối ấy. Nhưng liền ngay sau, nàng vụt có một ý định. Nàng đứng dậy, chạy vào buồng trong đem ra một cái lọ sành bịt kín.

— Đây là thứ rượu cao-ban-long tốt lắm. Thầy xơi một cốc vậy.

Nàng đổ rượu trắng vào bầu, rót ở cái lọ sành ra

cốc một chất lỏng màu hồ phách sánh như mật.

— Thầy uống đi. Uống cái này bồ lấm mà lại không say như rượu trắng.

— Vâng, tôi xin uống.

Cốc rượu nâng ngang mắt, tôi nhìn gương mặt lên qua chất lỏng màu nâu hồng. Tôi mỉm cười, uống một hơi cạn cốc. Nhưng uống xong, tôi ngồi ỳ ra đấy, quên hẳn sự ra về. Chẳng những thế, tôi còn tự mình rót cho mình hết cốc này sang cốc khác, và mỗi lần nâng cốc lên ngang mắt, tôi lại một lần mỉm cười nhìn thiếu nữ.

Tôi thấy rằng càng nhìn hai cái bàn tay trắng nõn kia chừng nào, tôi càng muốn cầm ngay lấy mà đặt lên má tôi, mà nắm chặt lấy nó, giữ mãi mãi cho đến khi nào cái chết đến làm cho cứng lạnh tất cả, không gỡ ra được nữa.

Nhưng tôi vẫn không dám có một cử động nhỏ. Là vì, luôn luôn tôi thấy rằng thiếu nữ có thể bay vụt đi mất như một con chim, hoặc tan mất như một ảo ảnh.

Mà, đối với tôi, nàng rất không nên bay đi hoặc tan mất. Tôi phải làm cách nào để giữ nàng lại. Nàng đã là tất cả vũ trụ cho tôi. Nàng chỉ một mình cũng đủ lấp đầy cả dĩ vãng, hiện tại, và tương lai cho tôi. Tôi chỉ còn thấy có nàng. Không có nàng thì ngay mặt trời cũng không còn nữa. =

Quý Bạn đón đọc

CÁC GIÁO SƯ QUỐC VĂN TOÀN QUỐC NÓI VỀ QUỐC VĂN VÀ HỌC SINH

trên Thời Tập những ngày tới

Qua cuộc phỏng vấn mà những người
yêu Văn chương không thể bỏ qua

HOÀNG NGỌC PHÁCH

HOA OI, HOA NHỚ LẤY NGÀY HÔM NAY ()*

Nàng lui ra thì bà Ân cho đi gọi mu mỗi đến bảo cho lo cưới, định đến 12 tháng chạp thì làm lễ nghinh hôn, việc cho lo trong 3. 4 ngày.

Lúc đôi bên điều đình xong thì cho sắm áo, sắm màn, sắm hoa, kéo hột, thu xếp cửa hàng, trong nhà có vẻ rộn rịp, nửa cảnh buồn mà nửa cảnh vui.

Nhưng ai vui đâu chứ Tổ Tâm thì buồn cả. Nàng như người vô hồn vậy, làm gì hồng nẩy, nói xong lại quên, tiền cầm trong tay mà kêu mất, áo để bên cạnh mà đi tìm.

Nhưng cứ điềm nhiên không dám thổ lộ ra một ý gì cả, sợ phiền đến mẹ.

Nàng cũng không cho tôi biết một chuyện gì về việc cưới; nàng viết thư chỉ bảo tôi đợi nàng ở đường Ô Yên Phụ. Lúc tôi gặp nàng thì nàng cười, nhưng vẻ cười xem ra tê tái mà mặt nàng kém sắc. Tôi lấy làm nghi vì mọi lần mà gặp như vậy thì nàng hơn hờ vui cười như một cô bé sắp được đi xem hát. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện được một quãng, trên đường dề gió bụi lắm, nên chúng tôi phải rẽ xuống con đường Cổ Ngư một bên hồ Tây, một bên hồ Trúc Bạch. Nàng mở khăn tay đưa cho tôi một cái ghim vàng đầu có đoá hoa lan nhỏ nhỏ rất tinh tế nàng nói rằng:

— Tặng anh đoá hoa này gọi là một chút di vật của người yêu anh, còn mấy bức ảnh của em đưa ngày trước thì anh bỏ đi kéo về sau bạn gối chăn của anh nom thấy thì để phiền cho anh mà buồn cho bạn.

Tôi nói rằng:

— Cảm ơn lòng em, nhưng anh muốn em đừng cho anh mấy câu đề cái hoa này được thêm về.

Tôi nói vậy rồi đưa bút máy và giấy cho nàng.

(*) Những phần khác về cuốn *Tổ Tâm*, quý bạn hãy đọc bài viết của Huỳnh Phan Anh, cũng trong tập này.

HOÀNG NGỌC PHÁCH

Bút hiệu Song An. Sinh năm 1896 tại làng Đông thái, tỉnh Hà Tĩnh (Trung Việt), nổi tiếng từ 1925 là một tiểu thuyết gia diễm tình.

Hiện sống tại Hà nội, làm việc tại Viện Văn học; song đường như từ sau 1941, ông không có tác phẩm nào mới (?).

TÁC PHẨM:

- Tổ Tâm, tiểu thuyết, Nam Ký, Hà nội 1925.
- Thời Thế Với Văn Chương, tập diễn văn và văn vần, 1911.
- Đầu là Chân Lý, tập ký sự và tiểu luận, Cộng Lực, Hà nội 1941.

THAM CHIẾU:

- Vũ Ngọc Phan: Nhà Văn Hiện Đại, quyển Hai.
- (Trích « Tiểu Truyện Các Tác Gia Hiện Đại » của Trần Phong Giao, sắp in).

Nàng vừa đi vừa nghĩ rồi kê giấy vào gốc cây mà viết mấy câu rằng:

*Tặng ai một đóa hoa này.
Hoa ơi, hoa nhớ lấy ngày hôm nay.
Trên gòir phấp phới mây bay,
Bên người có nước Hồ Tây soi lòng.*

TỔ TÂM, kính tặng

Tôi rất vui lòng mà nhận lấy. Mấy câu nàng thốt nhiên mà viết ra thì lạ thật được tình tình, chứ không phải thứ văn nghĩ sẵn.

Nàng đưa mấy câu cho tôi, rồi giục tôi đi nhanh, gặp một cái xe sắt nàng gọi lại rồi bảo tôi rằng:

— Em có việc cần phải về ngay, anh cho phép em đi trước.

Tôi ngăn lại thì nàng nói:

— Thôi, anh để em đi.

Rồi nàng khóc òa lên mà nói rằng:

— Thôi, từ đây thì anh không thấy em đâu nữa!

Nàng gục đầu vào vai tôi như sắp ngã xuống, tôi phải

địa chầy xuống tận ống tay và vớt cả «ca vát» vì nàng lấy lau mặt. Tôi lấy khăn lau nước mắt cho nàng, rồi dìu nàng lên xe ngồi sợ nàng ngã. Nàng lên xe thì bảo thằng xe chạy thẳng.

Tôi đứng ngăn người ra muốn chạy theo xe nàng để gọi xe đưa đến nhà, nhưng chân không bước được nữa. Tôi ngồi xếp-xuống dầm cỏ bên vệ đường, vai áo và khăn tay vẫn dầm địa nước mắt Tố Tâm...

Lúc đó giờ đã gần tối, tôi trông phong cảnh Hồ Tây bấy giờ ừ dột lạ thương. Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi, chiều chiều tan học, mấy anh em ra đứng bờ Hồ ném thìa lia, thả thuyền giấy, cười đùa hồn hởi, **phong cảnh** xem như cũng bốn cợt với mình. Mà hôm nay, vẫn da giời kia, vẫn mặt nước ấy, núi Tam Đảo vẫn lơ mờ đàng xa, chiếc thuyền ván vẫn từ từ qua lại, thân thể năm xưa, mà sao trông phong cảnh rất ầu sầu bình như đương vì tôi mà thương người vừa đi đó.

Ồi ! xưa thì thế mà nay thì thế, quãng đường đời có đi mới biết, biết ái tình, biết tư tưởng càng thêm đề bặt tấm lòng, những nhớ lúc thơ ngây chỉ ăn cùng ngủ và yêu gia quyến mà thôi, chưa biết đời là gì, xã hội những ai...

Tình tình tôi thật khó tả, tôi chực lấy bút mà ghi lấy những chỗ éo le của lòng, nhưng bút Tố Tâm chưa giá, tôi ngồi mãi đến 7 giờ tối kể qua người lại ai cũng nhìn tôi mà tôi không muốn nhìn ai cả, hình như toàn là kẻ nghịch thù với tôi, vì không ai biết mà sẽ hộ một chút buồn.

Tôi ngồi quên cả cơm tối, về đến trường thì đã vắng tanh cả, anh em bạn ăn cơm xong ra chơi cả rồi ; tôi vào giường nằm không nghĩ gì đến ăn uống.

Đến sáng hôm sau tôi nhận được thư nàng gửi đến, tức là bức thư vĩnh biệt này :

Kính gửi anh Đạm Thủy.

«Năm năm, tháng tháng, ngày ngày,

«Lần lần, lứa lứa, rầy rầy, mai mai.

«Kiếp sau xin chờ làm người.

«Làm cây thông đứng giữa trời mà reo !»

«Anh ơi, hiểu tình, tương phản, em đã vâng lời mẹ em trong khi ngoại bệnh nguy cấp này, việc đã sẵn sàng

cả rồi, đến 12 này sẽ làm lễ nghênh hôn. Em xin chịu tội vô tình cùng anh vậy, nhưng trong lòng trượng phu, quân tử có xá chi cõi thân phận liễu bờ này. Tâm sự em bây giờ có hoa đèn kia biết mà chắc anh cũng thấu hết rồi, em không phải nói dài nữa, và em cũng không muốn nói với anh làm gì, nói ra chỉ thêm phiền cho anh mà làm cho em tổn nước mắt, em chỉ muốn để đau đớn ngấm ngùi một mình mà thôi.

«Từ nay là vĩnh biệt, ta chỉ thấy nhau trong giấc chiêm bao, tình xum họp cuộc truy hoan xin để chờ kiếp khác.

«Thôi, xin anh đừng tưởng nhớ đến em làm gì cho hao tổn tinh thần, anh nên cho là vận mệnh, mà người dần nhớ thương là phải, anh có nghĩ đến em thì nên nhớ nhời em khuyên anh về công danh sự nghiệp để khỏi phí một đời tài hoa và khỏi thiệt đến nhà thì dù em có xa lánh cõi trần cũng được yên lòng nơi chín suối.

«Bức thư này là thư từ biệt, nhời nói cuối cùng của em. Rồi đây, cánh hồng bay bổng, tin nhận vắng tanh là cuộc đời bất buộc, chứ em còn sống ở cõi trần này, còn tưởng nhớ đến anh, xin anh đừng nghĩ gì mà khổ tâm em lắm đó.

«Anh ơi, an vui đấu tranh hết phần ta cả, cảnh tình này mấy lúc mà già. Thôi, từ đây gần xa anh dù nghĩ đến, nhớ thương thì cũng mua vui bán sầu.

«Giấy ngắn tình dài khôn tả hết, gửi mấy nhời kính lại tình quân xin tình quân soi xét cho người bạc mệnh.

Kính lạy,

TỔ TÂM

«Tái Bút — Nhà đông người rộn rịp em phải thấp nền viết trong góc buồng, chữ lệch giấy nhàu, anh xem tạm mà thứ lỗi cho.»

Thư nàng viết khó xem thật, những chỗ nhoe tòi đoán là nước mắt nàng rỏ xuống ướt thư.

Tôi xem xong thư, cả ngày hôm ấy không dậy được. Có một thứ cảm giác lạ lùng nó đè tôi xuống. Tôi nghĩ đến nhời từ biệt của nàng thì tôi tưởng tượng ra như sau lưng tôi giờ dất sụt xuống mà thành ra một vũng tối thăm thẳm, như tôi đứng giữa bãi sa tràng. =

NGUYỄN NHẬT DUẬT

NẮNG ĐÀO: TỪ GIÓ ĐẾN BÃO

Cuốn *Nắng Đào* xuất hiện năm 1939. Nhưng tôi có cảm tưởng nó được xuất bản mới gần đây thôi. Nó là một cuốn tiên thuyết rất trẻ và tươi tắn như một cô gái xuân-dòn-dàng-lớn, chẳng bao giờ có thể già.

Nắng Đào, trước hết là một tiên thuyết vì tình lãng mạn. Đào một thanh niên 22 tuổi, học ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, lại có tài làm thơ, gặp Phi, cô em họ mới 17 tuổi — cháu cô cháu cậu với Đào —, sau nhiều tháng ngày chàng mong đợi mà chưa hề được gặp mặt nàng. Ngay trong những giờ phút đầu tiên nói chuyện trong xe lửa về Phủ Lý quê Đào, hai người đã thấy thích nhau. Rồi sau đó Đào và Phi càng lúc càng quấn quýt lấy nhau. Suốt cuốn *Nắng Đào*, tác giả tả đôi lứa thiếu niên ấy đuổi bắt nhau trong một tình yêu thấp thoáng ẩn hiện, tình yêu như một trò ú tim, đầy những giận hờn vu vơ, với những lúc làm lạnh bất chợt.

Đặc tính lãng mạn đầu tiên đáng kể của *Nắng Đào* là nó không có chuyện, không có những tình tiết éo le, biến hóa, làm ly. Tác giả không « kể » một « câu chuyện » có đầu đuôi gì hết. Tác giả chỉ « vẽ » nên một *tâm cảnh*: Đào và Phi yêu nhau lồng trong một *nhân cảnh*: vùng trại Tùng Châu ở Phủ Lý quê Đào, nơi Đào và Phi từ Hà Nội về tham trong dịp nghỉ hè.

Tình yêu trong *Nắng Đào* là một thứ tình cổ về những nhàn, cổ về mong manh, thoáng tha thiết thoáng ơ hờ, tình của đôi nam nữ mới lớn. Người đọc có tình thần lãng mạn tiên chiến sẽ thấy thích thú vì *Nắng Đào* mô tả tình yêu như một cuộc phiêu lưu nhẹ nhàng, tươi mát, đầy mơ mộng, thứ tình yêu kịch tính con người ta bằng những trở ngại nhỏ nhỏ, những bất trắc thi vị, những giận hờn vô cớ và làm lạnh hết sức tự nhiên. Chất lãng mạn của *Nắng Đào* là ở chỗ nó diễn tả tâm hồn bông bột của thanh thiếu niên trong những đam mê bất định, với những tâm trạng chơi vơi, mơ ảo, huyền hoặc, tha thiết đấy mà lại không tha thiết đấy. Đam mê như một bản nhạc sống động trong đó hai kẻ đam mê sống những âm điệu buồn bất, đều đặn, khi khoan khi nhặt, khi cao vút khi trầm lắng, biến hóa liên miên: tình yêu trong *Nắng Đào* là những biến điệu bất tận của đôi tâm hồn trau dồi nhựa sống, yêu nhau trong một tình yêu rất dỗi hờng quơ, thơ ngây một cách hết sức vô tội, như thứ tình yêu đầu đời vẫn được ngợi ca trong thơ Xuân Diệu (Xuân Diệu của Thơ Thơ, của Gửi Hương Cho Gió).

Nhưng chầm chú một chút khi đọc Nắng Đào sẽ thấy tác phẩm này sở dĩ có mãnh lực truyền cảm, sở dĩ lôi cuốn được bao nhiêu tâm hồn trẻ — nhất là những tâm hồn đang độ lớn — không những vì nó diễn tả những tâm hồn này theo lối lãng mạn sôi nổi và thi vị thời tiền chiến, mà nó còn vượt khỏi tầm mức của những tâm hồn ấy để vươn tới một ý thức trưởng thành và sâu sắc. Tôi muốn nói : Nắng Đào vừa thấm nhuần tinh thần lãng mạn tiền chiến, vừa vượt khỏi tinh thần ấy để đạt tới một thái độ nghệ thuật cao hơn, một viên quan thẩm mỹ vi diệu hơn. Chính vì thế, nó còn tiếp tục và sẽ còn mãi mãi hấp dẫn người đọc — cả những người đọc phi-tiền-chiến.

Tại sao ?

Trước hết vì Nắng Đào không có cái chất làm ly bì thiết của hầu hết những truyện tiền chiến, nó không siết nút đến độ sông nước mắt như những Tổ Tâm, những Tắt Lửa Lòng. Nắng Đào là một tiểu thuyết đầy sinh lực, tươi tắn, rực rỡ, chan hòa ánh nắng chứ không ư tối ; nó mô tả những kết hợp tâm hồn chứ không kê lại những chia lìa tan tác. Từ đầu đến cuối, những tiếng cười khanh khách, rộn rã, mở toang tâm hồn trẻ trung khỏe khoắn của Phi và Đào, nhất là của Phi nghịch ngợm, tinh quái ; mà Đào thì hào hoa và hoạt bát : « *Chàng nói thao thao bất tuyệt như một dòng suối chảy mau* », hoặc : « *Nàng ngồi thẩn thờ ra, nghe chuyện chàng như nghe một bản đàn vui* ». Quả thực « Nắng Đào » không làm cho hồn người chúng dần, mềm yếu đi, mà chỉ làm gia tăng sức khỏe tinh thần, khác hẳn với những tiểu thuyết lãng mạn đồng thời.

Những giận hờn giữa Đào và Phi là những biểu lộ trẻ trung của sức sống lúc nào cũng muốn bùng vỡ, đầy ứ đến tuôn trào thành cơn bức dọc nhất thời, thoáng qua ; đó là những cơn giận hờn duyên dáng, nồng đượm tình yêu, làm chất men kích thích đôi lứa thiếu niên, đem họ lại gần nhau hơn, chứ không phải là những ngộ nhận làm chết cả lòng người, những ngộ nhận định mệnh, khốc liệt, như trong những chuyện bí hiểm.

Nhưng điều sâu xa nhất mà tác giả Nắng Đào đã diễn tả qua tác phẩm vừa mỏng manh vừa phong phú này của ông ấy là : cảm thức tội lỗi của hai nhân vật. Bà nội của Đào và ông nội của Phi là hai chị em. Vì mồ côi mẹ sớm nên bà nội Đào đã săn sóc yêu chiều em trai như mẹ chăm lo cho con, bà yêu thương em trai trong một tình quyến luyến vô cùng. « *Bốn năm năm trời từ miếng ăn đến tấm áo cái gì bà cũng phải săn sóc cho em cả. Mỗi khi ngắm em chạy tung tăng dưới nắng, má đỏ hồng lên, thì bà lại sung sướng ôm em vào lòng và bảo :*

— *Em tôi ngoan quá. Chị không muốn rời em ra một tý nào !* » Và bà còn bảo Phi biết : « *Ông con hẹn với bà rằng hễ hưu trí rồi thì sẽ về trại ở với bà* ». Người chị và người em ấy, trong tâm thức bà cụ cũ

NGUYỄN XUÂN HUY

Sinh ngày 15 tháng 7 năm 1915 tại làng Dũng quyết, huyện Ý Yên, tỉnh Nam định (Bắc Việt).

Học ở Nam định, dạy học ở Hà Nội. Thời tiền chiến, cộng tác với các báo: Thông Tây, Phụ Nữ Thời Đàm, Nhật Tân, Tân Thiển Niên, Hà Nội Báo v.v..

Tác phẩm cuối cùng được xuất bản năm 1944. Sau đó, không rõ ông còn sống hay đã mất vì có bao tác phẩm nào khác hay không (?)

TÁC PHẨM:

- Chên : tiểu thuyết, Lê Cường, Hà Nội 1940.
- Thêm Núi Cũ, tập truyện, Tân Dân, Hà Nội 1941.
- Duyên Sạch Cũ, truyện, Duy Tân, Hà Nội 1943.
- Nắng Đào...
- Viết Về Sống (Tâm nghĩa Lưu Văn), Bình luận văn học, Đại học Thư 13, Hà Nội 1944.

Truyện Nhị Công, do Đời Mới xuất bản, Hà Nội 1943 :
Sám Hối, Con Gái Ma Vương, Liều Thân Cứu Chết, Ma Xó, Sư Tử Bà...

THAM GIỚI:

- Hoàn Thành và Hoàn Chấn : Thi Nhân Việt Nam, (Trích « Tuyển Truyện Các Tác Gia Hiện Đại » của Trần Phong Giao, tập 12.)

(bà mới Đào) sẽ không thể chết xa nhau được. Từ thời thơ ấu đến khi hương tuổi già (hai thời điểm đầy ý nghĩa của đời người : bắt đầu và chấm dứt), hai chị em không rời xa nhau. Có phải vì hương đi sản tinh cùm đó của ông bà mà Đào và Phi quyền tuyến nhau không? Từ lúc mới gặp mặt nhau trên xe lửa đến khi nói với nhau với tiếng ngáo ngỗng, đến tăng thân ái nhất, ở trang cuối cuốn sách, Đào và Phi quyền quit lấy nhau, không muốn rời xa nhau. Hai anh em chân cô cháu cậu, họ có những lúc giận nhau — đến đến, hận như mỗi ngày — vì họ yêu nhau quá, và khi chưa tỏ tình với nhau, ngay ở những phút đầu tiên họ gặp mặt trong trại Tùng Châu, họ đã nói với nhau những lời mê say nhất, đã nhìn nhau bằng những cái nhìn say đắm nhất. Bà cụ cử lại như vụn vào cho cuộc tình hai cháu thêm tha thiết, bằng những lời lẽ như kết hợp hai cháu với nhau, so tuổi hai cháu, khuyên hai cháu dắt nhau đi chơi đồi thông...

Đào và Phi yêu nhau trong một tình yêu thật hồn nhiên,

tươi tắn, rực rỡ. Họ quần lấy nhau trong ánh nắng đào tươi thắm. Họ băng khuâng mơ ước. Những đoạn văn đẹp nhất trong Nắng Đào là những đoạn tả tâm hồn Đào và Phi mơ mộng trong cảnh vật êm đềm, băng khuâng trong nắng vàng rực rỡ loang loáng hay trong nắng đào đỏ thắm tươi vui. Những đoạn văn ấy đúng là những câu thơ như muốn vờn lấy tình yêu đôi lứa thiếu niên, «*Những lá cây xanh non rung rinh một cách êm đềm trong nắng đậm. Trời trưa yên tĩnh như một thời sống cô sơ. Đào bỗng thấy như tất cả trong dinh cơ ấy có một cái gì thân mật. Những tường đã mốc rêu, những sân gạch đỏ, những vườn cây đã gần cỗi, cái gì cũng đầy một vẻ quen thuộc mến yêu. Đào tưởng tượng đến một đời sống ở giữa những người thân, trong một vùng quê, xa cách hẳn thành thị như trại Tùng Châu. Trong trại ấy một gốc cây, một con vật, một hòn đá đều có quan hệ mật thiết với mình, đều nhắc nhở cho mình bao nhiêu ý niệm buồn vui, đều cũng như có một cái linh hồn thân thiết và yêu dấu.*

Bất giác, Đào nhìn trộm Phi và thấy Phi có một cái đẹp ngoan ngoãn, dịu dàng, phúc hậu quá».

Đào và Phi sống bên nhau thật tha thiết, thật âu yếm; nhưng họ tuyệt nhiên không ngổ lời thủ nhận với nhau bằng một tiếng «yêu». Hình như Đào và Phi tránh nghĩ đến tiếng ấy. Suốt hai tháng trời sống với nhau, dắt tay nhau, hôn nhau, cắn vào da thịt nhau, mà không thủ thực tình yêu với nhau. Lúc Đào say đắm, nắm chặt lấy tay Phi, sắp tỏ tình, mới nói được ba tiếng: «*Minh ơi! Tôi...*», thì Phi rầy ra, vùng chạy mất. Sau đó hai người cùng buồn, trong một nỗi buồn cảm lặng, hai người cùng bỏ cơm, nằm trong buồng riêng, không dám nhìn mặt nhau. Cảm thức tội lỗi? Cảm thức này khá rõ rệt khi hai người cùng sống tâm trạng băng khuâng, một tình cảm băng khuâng êm đềm, dịu nhẹ, thần tiên, thủ tình cảm của những người đắm chìm trong một thứ «*delectatio morosa*», cái cảm thức buồn mênh mang, xa vắng, xao xuyến vu vơ, vô cớ, với một tâm hồn vừa thích thú vừa hoang mang phiếm định. Đó là cảm thức của một «*felix culpa*» (tội lỗi thích thú). Trong Nắng Đào, hai phẩm từ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhất là «*băng khuâng*» và «*êm đềm*». Hai người như cùng nhau đắm vào một cơn mê luyến tuyệt vời và đầy thần cảm, mà không hề muốn ý thức cho rõ bản chất của niềm mê luyến thần diệu ấy. Họ muốn trốn tránh cái chân lý ghê gớm về tình yêu của họ: anh em xa. Nhưng tác giả cho ta thoáng thấy cảm thức xao xuyến, hoang mang, lo sợ của họ qua một lời nói của Phi: «*Không anh à, làm sao em vẫn thấy buồn!*» (Đề ý Cái vui ở em, hình như nó không được hoàn toàn trong trẻo!) (Đề ý phẩm từ «*trong trẻo*»), và lời của Đào: «*Anh cũng vậy! Làm sao giữa những lúc vui nhất, mình cũng thấy buồn lo, tựa như có một cái tai họa gì chờ cho mình...*» Thực là một mặc khải khủng khiếp cho ta, cho mình... Thực là một mặc khải khủng khiếp cho ta, cho mình... Thực là một mặc khải khủng khiếp cho ta, cho mình...

thức sáng suốt nghiêm trọng ấy, họ muốn quên đi cơn bàng hoàng của một lần chợt tỉnh thoảng qua trong suốt cơn mê luyến kéo dài. Thế nên, khi Phi trở nên nghiêm trọng, sợ hãi hơn: «Mà làm sao ấy, anh ạ, sáng hôm nay rên dậy ra cửa tự nhiên một cơn nhện to và đen nháy rơi ngay trước mặt em...», thì Đào khôi hài liền cho nhẹ bớt đi phần nghiêm trọng: «Thế thì chắc là đêm hôm nay trời không nắng thì mưa». Sóng tâm hồn phụ nữ vốn nhạy cảm, nên khi Phi nghe một giọng hát từ dưới cánh đồng đưa lên đồi thông (nàng đang ở đây với Đào), «bỗng nhiên Phi thở dài, bước bẻ. Có lẽ hai câu hát cuối cùng, mô tả một tâm tình tha thiết mà vô vọng đã làm cho Phi lại lo lắng, vẩn vơ...» Khách quan mà xét, không có yếu tố ngoại tại nào là chương ngại của cuộc tình. Vậy lo lắng là do cảm thức tội lỗi của Phi mà có, cảm thức ấy phát sinh bởi cả hai là anh em họ.

Nắng Đào là một tiểu thuyết đặc biệt đã đi trước thời đại về điểm diễn tả cảm thức tội lỗi sâu xa ấy. Cảm thức đó sâu xa vì hai nhân vật như sống lại một trạng huống của tổ tiên, bởi tình yêu của Đào và Phi diễn ra trong một khung cảnh mà cả hai đều cảm thấy là «thần tiên», là «cổ sơ». Ở đây, có thể nói đến một thứ «Vô thức tập thể» theo quan niệm của JUNG chăng? Trong viễn tượng ấy, Nắng Đào gợi cho độc giả rất nhiều ý nghĩ, miên man bất tận...

Mà yếu tố gợi thích thú và gây mơ mộng cho độc giả, ở đây, chính là Nắng Đào đã được viết bằng một bút pháp trong sáng truyền cảm, phong phú hình ảnh. Đặc biệt, tác giả đã dùng phép tỷ lệ (so sánh, đối chiếu). Trạng từ «như» diễn tả mọi so sánh đầy rẫy trong Nắng Đào: hình ảnh liên kết với hình ảnh, trạng thái phối kết với trạng thái, tiếng «như» là tiếng đưa đẩy, phối hợp, theo cái lối ví von cổ truyền của ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, cái lối ví von duyên dáng, tế nhị, thi vị và phong phú «Trời cao thăm thẳm và xanh ngắt; ánh sáng lóng lánh trong vườn cam, trên mái ngói, trên lũy tre. Chỗ nào cũng đều những tiếng chim: đàn sẻ luôn luôn chom chom còm còm, như những mũi gió làm đàn chim chuyển hướng như một bầy cá nhỏ, đàn chim như đàn sâu đến như đen theo từ những khu rừng, khu ruộng... đến một đầu như mọi sự, từ đó... Là cái rai rai trong gió mát. Buổi từ đầu đến cuối cuốn sách, hai yếu tố thiên nhiên được gọi ra nhiều nhất là nắng và gió, tức là ánh sáng chan hòa rực rỡ và

năng lực sinh động trong vũ trụ. Gió trong Nắng Đào mơn man, quấn quít, gây nên mọi rung động. Gió ở đây chính là ái tình. Ái tình đến với lứa đôi thiếu niên Đào và Phi, tự nhiên nhẹ nhàng, mát mẻ, như cơn gió. Đào và Phi yêu nhau, hồn nhiên như gió. Gió thổi ào qua toa xe lửa, gió lồng lộng trên đồi cao, gió bay lượn tung tăng trên cánh đồng lúa chín, gió mơn man lướt nhẹ trên làn nước sông : ở đâu và lúc nào gió cũng hòa nhập với tâm hồn hai kẻ yêu nhau. Mà lúc Phi bỏ về Hà Nội, tình yêu của Đào mới trở dậy thật là sôi nổi mãnh liệt, gió lúc ấy nổi lên thành bão. Đào ngơ ngẩn như người mất trí, tâm hồn mê loạn rung lên những tiếng kêu thương, lúc ấy : *« Ngồi lầy tre, gió heo thồi qua những lá tre nhỏ ào ào. Đao như bị tiếng gió gọi, thở thẩn ra bờ ao, đứng tựa gốc roi nhìn vợ vẫn.*

Tiếng gió như thấm sâu vào tâm hồn Đào và đời cái buồn băng khuâng ra một cảm giác tê tái ». Rồi, cuối cùng, khi Phi trở lại với Đào, tình yêu lại lắng bồi hồi, thì : *« Gió chiều dạt dào lên trên những ngọn tre. Lá tre và lá sấu xanh rờn một màu êm mát ».* Quả thực, với Nắng Đào gió là tượng trưng cho tình yêu. Tình của Đào dành cho Phi và tình của Phi dành cho Đào như hai luồng gió quấn quít nhau, xô đẩy nhau, hòa nhập vào nhau và chia rời nhau theo thời tiết, theo ngày giờ, biến hóa vô lường, như những cơn hồn giận và làm lành giữa hai người. Toàn thể Nắng Đào diễn tả hai tâm hồn yêu nhau trong đắm đuối và trong xao xuyến, mà đồng thời cũng diễn tả sự hội nhập và chia rời, sự chạy đuổi, giữa hai luồng gió. Bởi vậy Nắng Đào là một tâm cảnh mà cũng là một nhiên cảnh. Năng lực của con người thể hiện trong tình yêu tương ứng với năng lực của vũ trụ thể hiện nơi cơn gió.

Thế nên Nắng Đào có cái dáng vẻ của một tản truyện, dựng nên một khi hậu, một hoàn cảnh, hơn là dáng vẻ của một tiểu thuyết hiện như một truyện có tình tiết, lớp lang, biến hóa, có « câu chuyện » để kể. Bởi vì Nắng Đào không kể lại gì, nó chỉ ném ra một cơn gió, phả vào hồn người đọc và cơn gió ấy có một sức cuốn hút lạ thường, có sức mê hoặc của tình yêu bằng khuâng, xao xuyến, gây những dao động băng hoàng, ngây ngất, như tình yêu của Đào và Phi vậy. #

HOÀNG TRÚC LY

TIÊU THUYẾT THI VỊ HÓA

Tôi nhớ từ ngày xưa, có một người làm thơ không lấy gì xuất sắc, nhưng cuộc đời của người, lý tưởng người phụng sự cho đời, thực sự đã sáng danh thi sĩ. Người ấy là Andersen. Từ lâu, tôi vẫn có ý định viết về cuộc đời Andersen, một người nhìn rõ được bóng tối, nếu chẳng phải là ông hoàng của xứ sở Hamlet!

Vàng, Andersen không lấy gì đẹp trai, bao nhiêu người đẹp lướt qua, lững lờ, lạnh lùng như lướt qua một... cột đèn vàng, đầu ngả tư. Cũng may! Máu tác chàng rối loạn, dựng lên như sóng gợn, lãng mạn một cách kỳ thú. Và luôn luôn, đôi mắt như biết cười. Và luôn luôn, lòng chàng chưa yên ai.

Tuy nhiên, thi sĩ vốn là một nhà tiên tri. Biết được tương lai, nhà rõ bóng tối. Chàng ý thức rõ về sức mạnh, thấy rõ về quyền lực của mình đối với mọi trái tim. Chàng thích thú về đêm. Ở đó, chàng tìm thấy « ngôi sao xanh » trong chuyển viên hành. Ở đó, chàng là người bao hiệp, dâng hiến cho người đời những « hoa thơ » thật nồng nàn, quyến luyến.

Bất đầu một đêm trăng, chàng đến thăm một bé thơ, thô thê với bé về chuyện mấy chú lùn, bạn thân của công chúa riêng làng bé mọn què, còn ẩn dưới gốc thông già cạnh chân đồi làng bé. Hiền nhiên đêm ấy, bé ngủ với rất nhiều giấc mơ. Trước khi trời hừng sáng, bé tìm đến nơi hò hẹn với món quà bất ngờ. Một tu sĩ vào thời đại Andersen sẽ cho đó là dối gạt, là tội ác. Tuy nhiên, chàng sẽ có đủ tâm thành, đủ tha thiết đề gào lên: nghìn lần không phải, tôi đã quyết trái tim đưa trẻ kia còn trẻ mãi, còn lâu già cõi, gặp nghìn lần những trẻ con không biết tin và yêu truyện thần tiên.

Ôi! Vị hoàng tử của xứ sở Hamlet, dường như chỉ sống bằng... không khí và thở bằng những lời hẹn hò diễm ảo. Vậy mà một chiều, Andersen đã gặp, trên chuyến xe thô mộc cộc cạch về ngoại ô, một ngọc nhân có đôi mắt lưu luyến như nàng Béatrice của thi sĩ Dante bên nhịp cầu mê ảo. Chàng đã yêu. Tình yêu đột ngột, vang lừng như tiếng sét. Chàng cũng được đáp lại, dịu dàng và ấm áp xiết bao.

Tạm biệt. Rồi hôm sau, khởi sự hoàng hôn, Andersen đến gõ cửa tìm người ngọc. Nàng gái lệ kiêu, ta nghệ sĩ, lòng ai khoảnh khắc mà lãng quên mọi hệ lụy cõi đời. Cùng người ngọc sánh vai giữa vườn hoa, chàng yêu đắm đuối, yêu từng hạt bụi

vương trên là áo mỏng manh. Xiết bao hoa hồng và gai nhọn. Bỗng dưng gã tình nhân bằng hoàng, chỉ ái ngại mỗi tình làm tiêu tan những xôn xao lộng lẫy trong cuộc đời nghệ sĩ, như đàn ong vàng bị xua đuổi khỏi vườn hồng. Chẳng nói như than thở với chính mình:

— Chỉ trong tưởng tượng, tình yêu mới còn mãi thọ và mọng...

Người ngọc chột hiệu, nghẹn ngào nắm tay Andersen:

— Thôi, anh hãy ra đi. Ngày nào đó, về già, đau ốm, bệnh tật, anh hãy gởi mấy chữ, em nguyện bằng rừng vượt suối đến thăm.

Andersen quì xuống, hôn lên bàn chân của nàng, trân trọng, nâng niu. Nàng nhắm mắt lại, tận hưởng nụ hôn đầu tiên và cuối cùng. Rồi khóc:

— Thôi, anh hãy lên đường. Nàng Thơ sẽ che chở cho anh! Như vậy đó. Một truyện tình ngàn ngàn trang gió bụi, phần đầu chỉ có Andersen và thơ, phần giữa chỉ có Andersen và mộng, và thơ. Hình ảnh người đàn bà thật lãng đãng. Như sương. Như khói. Đúng là gã tình nhân thi sĩ. Đúng như lời Rimbaud: *toi si qu'il est le kermès*. Tất cả lửa thiêng. (Donc le poète est vraiment voleur de feu). Tất cả hình thái yêu dấu, khô đau, điên loạn, người thơ tự chọn, tự dốc cạn mọi chất độc ở chính mình, chỉ ấp ủ phần tinh túy. Một cực hình khó nói, đòi hỏi xiết bao niềm tin, bao sức mạnh dị thường, cho người thơ hóa nên kẻ bệnh hoạn hơn cả, tội lỗi nhất, bị nguyên rủa nhất — và cũng là bậc uyên bác tốt cùng! Gã đi và đến đâu? Có phải đến một nơi lạ lùng nào ai biết? (Car il arrive à l'inconnu!).

J. P. Sartre có viết: « Cuộc khủng hoảng ngôn ngữ bùng nổ đầu thế kỷ này là một cuộc khủng hoảng về thơ » (La crise du langage qui éclata au début de ce siècle est une crise poétique). Lại theo Horace, một thi sĩ La Tinh thời trước, ta có thể là nhà thơ khi viết văn xuôi, và chỉ là diễn giả khi viết văn vần. Như thế, văn vần không hẳn là thơ, tuy nhiên, thơ hiện diện nơi nơi, tất cả những gì nên họa, nên nhạc, đều nên thơ cả. Văn như thế, ta có thể viết tiểu thuyết bằng thơ, nói rõ hơn, có một loại tiểu thuyết đáng gọi là tiểu thuyết thi vị hóa. Đúng ra, nhãn hiệu chỉ là nhãn hiệu, cái tên đủ rằng mới mẻ, tiểu thuyết thi vị hóa đã xuất hiện, không phải bây giờ mà từ bao giờ. Gia dĩ « tiểu thuyết », hoặc « truyện », hoặc « truyện thơ » hẳn còn nhiều đại đồng và tiểu dị. Trong bài tựa truyện Phan Trần, quây rồ-nê-ô tại Paris năm 1962, tài liệu do trường Viễn Đông Bác cổ, dịch giả Maurice... dịch chữ « truyện » thành « roman »

en vers », bởi theo ông, người Việt còn hiểu đó là một huyền thoại, một cổ tích, một phiêu lưu kỳ... Trên phương vị nào đó, ta không sợ sai lạc quá đáng, khi gọi « Truyện Kiều » của Nguyễn Du chẳng hạn, là một tiểu thuyết bằng thơ.

Dù sao, mục đích của tôi khi đề cập mấy dòng cảm nghĩ này, là hoan hô một hình thức « tiểu thuyết thi vị hóa ». Tại Việt Nam, từ Hồn Bướm Mơ Tiên của Khải Hưng đến Nàng Đào của Nguyễn Xuân Huy, Dưới Rặng Thông của Nguyễn Dân Giám, Suối Đàn của Lan Khai, Nàng Hạnh Vàng của Vũ Trọng Can, Lan Hữu của Nhượng Tống v.v... tất cả đều có xu hướng thi vị hóa.

Vào thời kỳ phục hưng của văn minh Hy Lạp, La Mã, nhất là thời kỳ kinh tế cao độ của Anh, Mỹ, Pháp, Đức... nhiều tác giả muốn đem không khí mới mẻ thơ vào tiểu thuyết, bằng cách ca ngợi tình yêu, hầu che đậy những đối lập không thỏa mãn của thân xác. Điều hình nhất là Tristan et Yseult và Paul et Virginie. Ngay đến Lamartine, anh chàng thi sĩ, làm thơ khá hay (dù còn kém Victor Hugo, Alfred de Musset) vẫn một thời nổi tiếng nhờ Garaziella. Sự thật, trong Tristan et Yseult, Paul et Virginie, Garaziella v.v... chưa bao giờ tác giả đề cập đến những thỏa mãn về tình dục, về thân xác. Chúng quí chỉ là khung cảnh ảo huyền, lời văn dịu dặt, khả dĩ tạo vẻ « thơ » cho tác phẩm.

Thực ra, đó không phải là quan niệm Tây Phương, mà ở Đông Phương quan niệm về tình yêu và tình dục cũng tương tự, nếu không hẳn dứt khoát hơn Chẳng hạn trong Le Docteur et l'Amour của Lê Tài Triền, có nhắc nhở một đặc ân dưới triều Tự Đức, nghiêm phạt người chồng chính thức có vợ phạm gian lữ trường đầy xa 3000 dặm, nếu biết vợ ngoại tình mà không đủ sức ngăn cản. Gã gian phu đó tội lỗi đã đầy, vẫn chỉ bị phạt 100 trường, 3 năm khổ sai, 1 nhà làm luật xử phạt người chồng vô tư cách, tuy nhiên, không dám nói rõ tư cách gì vì sao và như thế nào... Chẳng hạn người chồng bất lực, vợ không chịu nổi dồn ép sinh lý, phải ngoại tình, phần lỗi sẽ về ai?

Tóm lại, nhà làm luật phải hiểu rõ vấn đề, dù sao, đó là trường hợp cần che đậy, cần « thi vị hóa » cho bớt lộ liễu. Nói một cách khác cần cứ vào tập tục, lễ nghi thời ấy, dù phân trần minh bạch, vẫn chả nên tích sự, không đi đến đâu và không ra gì... Đọc lại Hồn Bướm Mơ Tiên của Khải Hưng chẳng hạn, đoạn hấp dẫn nhất có lẽ là lúc Ngọc bất ngờ khám phá ra bộ ngực nồn nà, hứa hẹn nhiều quyến rũ của chủ tiêu Lan. Tuy nhiên, Khải Hưng chỉ nhắc nhở qua loa, và tìm đủ mọi cách bao trùm lên khung cảnh mê ảo, mộng và thơ của chùa Long Giác.

Trong *Đối Bồng* (The Double) của Dostoievski xuất bản từ năm 1846, bậc chân tài đã ném ánh mắt vào lao đao tâm sự của kiếp người khắc khoải, vào nẻo sâu kín của tâm hồn nhân loại. Ôi ! Có một tâm hồn nào lại chẳng đáng mô xẻ, lại không bất thường, bệnh hoạn, ngẩn ngơ đây ? Do đó, nhân vật chính trong câu chuyện là Golyadkin, đã ngỡ ngàng đến hoảng hốt về con người thật của mình, đúng như một câu thơ của Tản Đà :

*«Mình với ta tuy hai mà một
Ta với mình tuy một mà hai».*

Tác giả trình bày cũng một lúc hai nhân vật Golyadkin, mỗi nhân vật là một mẫu... hệ lụy, hoàn toàn cách biệt. Nhân vật thứ nhất trong và sạch như con người một thuở hồng hoang, muốn hiểu về nguyên thủy. Nhân vật thứ hai là sản phẩm thời đại, tích lũy bao nhiêu dồn ép, uẩn, ba que xô la... vết của con người vẩn mình. Như vậy, chỉ có một Golyadkin sống giữa cõi đời, nhưng trong lòng chàng, quả có một cuộc xô xát trường kỳ giữa hai mẫu người không thể hòa hài, gần gũi. *«Lòng chàng bình đao cũng chiến trường»*. Và cuộc chiến trở nên bất phân thắng bại, nạn nhân vẫn chấp chôn giữa thực tại và ảo tưởng, chấp chôn như một giấc mê.

Không riêng gì Dostoievski, ngay cả nhân vật William Wilson của Poe, hoặc những nhân vật Jekyll và Hyde của Stevenson vẫn không thể dung hợp với «cái bồng» vừa có thực vừa huyền hoặc và triết lý của chính họ.

Năm 1973, có một tác phẩm ấn hành tại Hoa Kỳ, tạo được phép lạ, vì số ấn hành lên đến 60.000. Đó là một quyển sách tình khiết, đúng như lời phê bình của Time : « một trình nữ của ban nhạc nhà thơ vẫn có thể đọc suốt cuộc họp bạn ngày chúa nhật ». Đó là quyển « Jonathan Livingston Seagull » của Richard Bach. Bồ Đại Kỳ dịch là « Chàng Hải Âu Kỳ Diệu ».

Jonathan Livingston Seagull êm ái thuật chuyện một chú Hải Âu ôm khát vọng học bay đẹp hơn, nhanh hơn thực tại bình thường. Hải Âu chăm chỉ luyện tập, sau cùng, thành công với tốc độ kỳ diệu của loài chim tung cánh bay : 214 dặm mỗi giờ. Rất tiếc, bằng hữu chẳng màng đến triển vọng rực rỡ mà Hải Âu vừa mở phôi. Ngược lại, tất cả kết tội Hải Âu xúc phạm đến truyền thống, danh thơm đồng loại. Hải Âu nhiều hoài bão sau đó bị trục xuất, bởi cả đàn chim như ngủ quên trong lời ru lạc hậu, ngô nghê : «Cõi đời bao trùm bí ẩn, làm sao tìm hiểu, ngoại trừ cứ sinh ra đời, ăn và sống, cho đến một mai không còn sống được nữa».

Cũng may, công phu của Hải Âu dần dần có hồi âm. Hải Âu gặp đôi bạn cùng trang lứa, cùng biệt tài, rồi cả ba cùng bay cao, bay xa, vút đôi cánh giữa trời mây mà Hải Âu mơ mộng đó là thiên đường. Cũng ở đây, Hải Âu khám phá ra sự

Trong *Đôi Bóng* (The Double) của Dostoievski xuất bản từ năm 1846, bậc chân tài đã ném ánh mắt vào lao đao tâm sự của kiếp người khắc khoải, vào nỗi sầu kín của tâm hồn nhân loại. Ôi ! Có một tâm hồn nào lại chẳng đáng mỡ xẻ, lại không bất thường, bệnh hoạn, ngẩn ngơ đây ? Do đó, nhân vật chính trong câu chuyện là Golyadkin, đã ngỡ ngàng đến hoảng hốt về con người thật của mình, đúng như một câu thơ của Tản Đà :

«Mình với ta tuy hai mà một
Ta với mình tuy một mà hai».

Tác giả trình bày cùng một lúc hai nhân vật Golyadkin, mỗi nhân vật là một mẫu... hệ lụy, hoàn toàn cách biệt. Nhân vật thứ nhất trong và sạch như con người một thuở hồng hoang, muốn trở về nguyên thủy. Nhân vật thứ hai là sản phẩm thời đại, tích lũy bao nhiêu dồn ép, uẩn, ba que xô là... vật của con người văn minh. Như vậy, chỉ có một Golyadkin sống giữa cõi đời, nhưng trong lòng chàng, quả có một cuộc xô xát trường kỳ giữa hai mẫu người không thể hòa hài, gần gũi. *«Lòng chàng bình đao cũng chiến trường»*. Và cuộc chiến trở nên bất phân thắng bại, nạn nhân vẫn chấp chờn giữa thực tại và ảo tưởng, chấp chờn như một giấc mê.

Không riêng gì Dostoievski, ngay cả nhân vật William Wilson của Poe, hoặc những nhân vật Jekyll và Hyde của Stevenson vẫn không thể dung hợp với «cái bóng» vừa có thực vừa huyền hoặc và triết lý của chính họ.

Năm 1973, có một tác phẩm ấn hành tại Hoa Kỳ, tạo được phép lạ, vì số ấn hành lên đến 60.000. Đó là một quyển sách tinh khiết, đúng như lời phê bình của Time : « một trình nữ của ban nhạc nhà thơ vẫn có thể đọc suốt cuộc họp bạn ngày chúa nhật ». Đó là quyển « Jonathan Livingston Seagull » của Richard Bach. Bỏ Đại Kỷ dịch là « Chàng Hải Âu Kỳ Diệu ».

Jonathan Livingston Seagull êm ái thuật chuyện một chú Hải Âu ôm khát vọng học bay đẹp hơn, nhanh hơn thực tại bình thường. Hải Âu chăm chỉ luyện tập, sau cùng, thành công với tốc độ kỳ diệu của loài chim tung cánh bay : 214 dặm mỗi giờ. Rất tiếc, bằng hữu chẳng màng đến triển vọng rực rỡ mà Hải Âu vừa mở phôi. Ngược lại, tất cả kết tội Hải Âu xúc phạm đến truyền thống, danh thơm đồng loại. Hải Âu nhiều hoài bão sau đó bị trục xuất, bởi cả đàn chim như ngủ quên trong lời ru lạc hậu, ngộ nghê : «Cõi đời bao trùm bí ẩn, làm sao tìm hiểu, ngoại trừ cứ sinh ra đời, ăn và sống, cho đến một mai không còn sống được nữa».

Cũng may, công phu của Hải Âu dần dần có hồi âm. Hải Âu gặp đôi bạn cùng trang lứa, cùng biệt tài, rồi cả ba cùng bay cao, bay xa, vút đôi cánh giữa trời mây mà Hải Âu mơ

ỨC TIÊN

NHÂN ĐỌC LẠI DƯỚI RẰNG THÔNG MỐI TÌNH TRAI VIỆT GÁI PHÁP

Ngày cơ thế kỷ 19, khi cao trào lãng mạn đang ra ở châu Âu, thì việc tìm đúng ý nghĩa của danh từ này đã gặp nhiều khó khăn rồi. Ta có thể tạm ví ý thức lãng mạn lúc bấy giờ như một con cá lớn (lành, dữ chưa biết), chỉ thấy nó vẫy vùng quá mạnh, làm mạng lưới tư tưởng duy lý châu Âu cơ hồ tả tơi. Rồi kinh ngư cũng bị bắt, phân thây xé thịt. Trong đại tiệc ở hồ đó, không thiếu những «miếng ngon nhớ lâu» lẫn những sự lạm dụng, có thể nói rất nhiều sự lạm dụng, quá tròn đề sẵn ra những sách vở thiếu lành mạnh, cũng mang danh nghĩa văn chương lãng mạn. Chính vì mớ sản phẩm xấu này mà Dostoievski phải khẳng định: «Nói chung, nước Nga không bao giờ để ra những cái thứ ngu ngốc lãng mạn kiểu Đức và nhất là lãng mạn kiểu Pháp.» (En général, la Russie n'a jamais produit de ces stupides romantiques à l'allemand et surtout à la française). Goethe cũng phải tuyên bố: «Theo tôi, cô điên là cái gì lành mạnh, lãng mạn là cái gì bệnh hoạn» (J'appelle classique ce qui est sain, romantique ce qui est malade — Conversation avec Eckermann 2.4.1829) mặc dù Goethe chính là tác giả rất nhiều kịch, truyện lãng mạn, mà trong đó, Werther có thể kể là một tác phẩm tiền lãng mạn. Ở Nga, Pouchkine là một tác giả lớn của văn chương lãng mạn. Và ngay chính trong tiêu thuyết của Dostoievski — cuốn *Le Double* chẳng hạn, tính chất lãng mạn cũng rõ rệt lắm. Như vậy, các tác giả, nếu có bài xích trường phái lãng mạn, chính là họ bài xích cái quá tròn đề xuống, cái lạm dụng nghệ thuật. Một trong những thành tố chính của ý thức lãng mạn là tinh thần tự do tích cực. Tự do có thể là một lý tưởng. Nhưng tự do không mục đích để đưa tới sự quá độ. Lãng mạn, ở đây đồng nghĩa với phiêu lưu. Trong phạm vi triết học, thuyết lãng mạn chỉ là một phản ứng chống lại tinh thần duy lý của thế kỷ 18. Ở đây, nó không gây sóng gió nhiều. Dưới con mắt triết gia, thuyết lãng mạn chỉ là một thái độ tích cực bao gồm những vấn đề triết học cũ: Cá nhân chủ nghĩa, cái tôi tuyệt đối, tình cảm thuần túy, thẩm mỹ thiên nhiên, khát vọng giải thoát... Ở địa hạt nghệ thuật lại khác. Người ta không hệ thống hóa nó. Người ta sống nó. Cái chủ quan không nên có ở triết học lại là cái sở đắc của người nghệ sĩ. Một vấn đề rất cũ

... một tác phẩm nghệ thuật tinh

khôi. Phương chỉ mải mống lãng mạn mới nhan nhản trong các tác phẩm văn chương châu Âu thế kỷ 18 (1) (Nhưng J.J. Rousseau, Bernadin de Saint Pierre, R. Burns, Thomas Moore, G.A. Becquer, H. von Kleist Tieck, Novalis, E.T.A. Hoffmann...) Chúng ta đừng quên nhiều tác giả nối tiếp giữa hai thế kỷ, cuộc đời cũng như tác phẩm. Rồi mùa hoa lãng mạn rực rỡ của châu Âu thế kỷ 19 cũng tàn đi. Nhưng trái của nó thì cả thế giới vẫn còn hưởng. Đó là những tác phẩm văn chương của những tác giả kể trên (đĩ nhiên còn rất nhiều). Đó là những symphonies của Beethoven, R. Wagner, F. Schurbert... Đó là những họa phẩm của Géricault, Delacroix, Ingres...

Quảng một trăm năm sau, ảnh hưởng lãng mạn của văn chương châu Âu, đặc biệt là văn chương Pháp lan đến V.N. qua các tác phẩm của Bernadin de Saint Pierre (hầu hết học sinh V.N. hồi đó đều đọc Paul et Virginie), V. Hugo, A. de Musset, Lamartine, G. Sand, Stendhal, G. Nerval v.v...

(Tâm hồn mầu mực đông phương lần đầu tiên tiếp xúc với tinh cảm tự do châu Âu là một đề tài phong phú). Người ta học, người ta đọc, người ta rung cảm và tiểu thuyết lãng mạn V.N ra đời. Tôi ngần ngại không muốn dùng chữ văn chương vội có lẽ tôi hơi khó tính. Tôi vội mải cười ghim giữ chủ quan mình. Thôi, tạm nghe đại lời khuyên «Muốn định nghĩa trường lãng mạn cần phải bỏ cái tính nghiêm khắc đi trước đã.» (Il faudrait avoir perdu tout esprit de rigueur pour définir le romantisme — Paul Valéry). Vậy thì hỡi Elise, phút này đây tôi dứt mọi lo toan, lạc xa thời đại, bỏ ngoài tai những câu đối thoại «ông nói gà bà nói vịt» của những nhân vật kịch Ionesco, làm ngơ trước hình ảnh tên Molloy lồm lẹo của S. Beckett và thầy kẻ cái tương lai gần của năm 2000, cái tương lai mà Aldous Huxley tiên đoán mọi người sẽ mê dùng máy, không ai còn đọc sách văn chương nữa.

Tôi quên hết, chỉ còn nghe tiếng em gọi

«— Viens !» (2)

Tôi quên hết, chỉ còn nghe tiếng hát của em

« On ne lutte pas avec l'amour,

Nul à son appel ne reste sourd ». (3)

(1) Tính chất lãng mạn vẫn có trong văn chương Hy, La hay trong các tác phẩm của Dante, Shakespeare; Lope de Véga... Hoặc trong một số ca dao phẩm của V.N.; trong truyện Kiều; trong Tây Phương Ký của Trung Hoa chẳng hạn.

(2) (Dưới Rặng Thông — Nguyễn Dân Giám) Chữ này khi bản văn in trong tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy, số Tết 1941, Ng. Dân Giám chú thích là: «Tác giả không dịch được chữ này». Khi truyện xuất bản thành sách, tác giả dịch ở bên cạnh là: «Lại đây em hãy!»

(3), (4), (5) Nguyễn Dân Giám S.đ.d.

Và giữa đêm đi với một cô bé 16 tuổi tóc vàng ánh, da trắng hồng «đẹp lộng lẫy» (4) lại yêu trộm mình thì con đường dẫn đến thiên đường có lẽ cũng chỉ đến thế là cùng! Huống chi lại không phải chỉ có đi bộ suông. Vì «*Elise theo tôi như một người mê ngủ... nàng đi chân nam đá chân chiêu. Nàng muốn phó thác cho tôi mảnh thân ngọc ngà trong đêm khuya canh vắng... Thân hình Elise mảnh dẻ, uyển chuyển trong tay tôi mà sao lúc bấy giờ có sức nặng muốn đè nát hết cả tâm hồn tôi... Như một con hồ sực tỉnh, nàng vùng vằng ôm ghì lấy tôi... hai môi mồm mím như hai quả nho chín đang tìm môi tôi... Tôi quên hết mọi sự... Tôi đặt môi tôi vào môi nàng, để thưởng thức cái hôn mê man của gái tây phương tặng bạn.*» (5) Những cái chấm chấm sau mỗi câu ở đoạn trên đây không phải thay cho một cảnh quá đáng, chỉ giản dị là tiếp đó, còn một câu hay một đoạn văn nguyên tác nữa mà tôi thấy không cần phải trích. Cái quá đáng, có trong bản văn khi đăng ở Tiểu Thuyết Thứ Bảy, tác giả của nó đã biết cắt đi khi xuất bản thành sách, chỉ tiết này quan trọng vô cùng. Nó giữ mãi cho tâm sự táo bạo, nồng nàn của cô bé tóc vàng Elise cái đặc tính ngây thơ vô tội. Cái chết yêu tử của Elise càng khiến hình ảnh thơ mộng thơm tho của nàng linh động trong lòng người đọc.

Nhân vật chính của Dưới Rặng Thông là Yvonne. Cũng xinh đẹp như Elise (em gái nàng) nhưng nàng còn một cái đẹp nữa: đó là cái nét của nàng. Yêu đương nồng nhiệt nhưng vẫn chừng mực, đúng đắn. Là kẻ đến trước nhưng vẫn sẵn sàng hy sinh tình yêu của mình để bảo vệ hạnh phúc gia đình cho người yêu. Khi xa người yêu vẫn một lòng thủy chung cho đến chết. Nhưng chúng ta chú ý đến nàng không phải vì nàng là một cô gái toàn hảo. Tạo một nhân vật thập toàn như vậy thường vẫn là một điều nguy hiểm đối với tác giả của nó. Nhưng Ng. Dân Giám đã xuất sắc giữ cho nhân vật của ông không những «lộng» được mà còn rất linh động. Yvonne rất gần với vài nhân vật nữ của François Mauriac. Một đôi chỗ nàng nổi bật át hẳn anh chàng Khả Minh, người yêu của nàng.

Tiết thay, phần thứ ba của cuốn Dưới Rặng Thông, tác giả đã kéo dài tâm sự của Yvonne thái quá. Tác giả muốn bi thảm hóa thêm mối tình trai Việt gái Pháp này bằng cái chết của Yvonne, nhưng hiệu quả tâm lý lại trái lại. Nếu tác giả chấm dứt ở chương hai, tiểu thuyết sẽ toàn hảo hơn (!): Yvonne phải vĩnh biệt Khả Minh. Nàng sẽ sống cô đơn mãi mãi. Nàng làm ra vẻ cứng cỏi để chàng yên tâm về nước, nhưng khi chàng đã đi rồi nàng mới khóc một mình vì thực ra tâm hồn nàng mềm yếu, vì thực ra, nàng vẫn quá yêu chàng.

Người đọc xúc động và có thể còn thắc mắc mãi cho tâm sự của Yvonne. Nhưng nếu nhìn nàng buồn rầu, mê mẩn rã

đọc có chỗ thoát. Có lẽ có kẻ còn tự nhủ: «thời thế cũng xong!». Về kỹ thuật, tác giả còn đề lẫn vào những câu dịch của văn tây mà không cho vào ngoặc hoặc chung tên tác giả (Những câu như: «Người ta chỉ thực chết khi nào trên cõi thế người ta không còn sống trong một trái tim nào nữa»; «Chỉ mất một người yêu là cõi trần ai thành ra sa mạc mệnh mông!»...) Chưa hết, cuối truyện, tác giả còn cảm đề một bài thơ dài đại loại những câu:

*«Từ chia dánh bạn về sau,
Bóng cây vàng tía gì đâu, đen ngòm*

*...
«Tiếng chuông tan nát bóng hồng
Vang vang nàng chết! thôi không còn nàng».*

Tôi phải ngừng lại, nếu không sẽ rất tai hại cho một tác giả vắng mặt thuộc thể hệ trước, điều tôi không bao giờ muốn. Dù sao, Nguyễn Dân Giám là một nhà văn có đặc sắc: ông đã đưa nổi một cô đầm, loại đẹp nhất vào văn chương V.N. Độc giả, ai đã gặp nàng, không đến nỗi quên ngay. #

2 tác phẩm được nâng lên hàng Kinh điển:

(1) TÌNH EM VỖ CÁNH

(2) NGƯỜI NÔ LỆ

của ISAAC BASSHEVIS SINGER
(Nhà văn lưu lạc của Do Thái)

- * Một tiểu thuyết ngắn là một tác phẩm văn học quý giá, một tác phẩm chứa đựng nội dung sâu sắc đau thương.
- * Một vở kịch là một tác phẩm văn học quý giá, một tác phẩm chứa đựng nội dung sâu sắc đau thương.
- * Là những chứng tích sống động của mọi lớp người Do Thái trước ngày tìm lại quê hương sau 2000 năm lưu lạc.

KỶ-NGUYỄN MỚI tuyển chọn và phát hành
(Liên lạc 221 Phạm Ngũ Lão, Saigon — ĐT. 23501)

NƠI TÔI ĐANG SỐNG

NGUYỄN ĐỨC NHÂN
HỘI AN, NƠI RA ĐI ĐỂ NHỚ

Nếu ai đó dùng xe đạp liên tỉnh, từ những thành phố đáng trong đề ra Đà Nẵng hay Huế sẽ đi ngang Vĩnh điện. Vĩnh điện là khu phố nhỏ của quận lỵ Điện Bàn dọc theo quốc lộ I, khác nào con nai bằng đất bị gió mưa xoi mòn. Nơi đó, đã có Nguyễn Thọ Sa mạc, Nguyễn Thọ Nhuận lớn lên, làm thơ, rồi chết, mồ yên mả đẹp. Nơi đó, đã có Nguyễn Kim Phương lớn lên, làm thơ, dạy học, đi lính—hiện ở Qui Nhơn. Nơi đó, đã có Đinh Trầm Ca lớn lên, ở lì ở lại, chấp nhận một đời khổ hạnh, làm thơ, sáng tác nhạc và giỡn với lũ trẻ quanh xóm. Nơi đó, Vĩnh điện, chỉ là cửa ngõ khiêm nhường dẫn đến một thị xã im lìm, cổ tích mà tôi muốn đề cập tới: Hội an.

Hội an, Vĩnh điện nối liền bởi một con đường rải nhựa dài 10 cây số chạy băng qua ba cánh đồng: Thanh điền, Lai nghị, Cẩm hà. Lúa hai bên đường ủa vàng không hạn một mùa gặt tốt. Rải rác đây đó một xóm nhà.

Ở đây có mặt trời buổi sáng đứng trên mặt biển, tung chiếc xiêm bằng lụa hồng, nhẹ, mỏng; rồi buổi chiều, nằm nghỉ trên đỉnh núi Trường sơn, chiếc xiêm hồng buổi sáng thay bằng chiếc xiêm đỏ quạch, màu nặng, chiếu sáng trên thị xã cổ kính, tạo cho Hội an dáng vẻ huyền bí, thu hút. Ở đây, có những dãy phố của người Minh hương kiến trúc rất Trung hoa, số nhà cửa còn lại của dân thị dân hầu hết lợp ngói âm dương rêu phong xám xịt. Mỗi mái ngói như đang giữ gìn thứ dĩ vãng nước hồ âm ướt, chẳng lúc nào chịu bốc hơi. Ở đây, cũng có vài nhà bê tông cốt sắt, thẳng, mạnh, đứng xen lẫn vào hàng ngũ nhà cửa cổ kính dịu dàng kia, như cố tạo, cố tỏ hão một chút gì đổi mới, nhưng chỉ tạo nên một chút lệ điệu, ngang bướng.

Hội An, thị xã miệt biển, cách quốc lộ I 10 cây số, giống cuộc dây treo trên đầu gậy, ai đó đến đây, ngoài việc thăm viếng những chùa Tàu, lầu đời, chạm trổ tinh vi (1), viếng thăm chùa Cầu, Khổng miếu, nhà thờ giòng họ Nguyễn Trường—giòng họ của Nhất Linh—ai đó ra đi còn mang theo món quà đặc biệt: Im lặng và Ngậm ngùi.

Nếu ai đó vội vã ra đi thì khó bề hiểu được điều này: Bầu

(1) Đọc « Đi thăm thôn quê Nguyễn Du » của Nguyễn Văn Xuân — BK Tân

trời Hội an giống như một đại tu viện mà những người dân trong thị xã là những tu sĩ tục lụy, họ rất ngoan đạo một cách hết sức bình dân, họ thu mình lại, tiết giảm hành vi để làm người thăm lặng đau đớn.

Cái nguyên nhân nào tập nhiễm họ như vậy?

Không kể tính chất Đông phương trong huyết quản, mà phải nói họ bị động triển miên, họ rất sợ thứ luân lý vô hình đang núp sau những hoành phi câu đối, hay dưới lớp bụi bảm trên bàn thờ lư hương bát nước, hay trong xó xỉnh chùa ông; chùa bà, miếu ông cọp, Khổng miếu. Phải nói thứ luật lệ truyền khẩu, (ngầm đồng ý, nếu bảo phát biểu thành hệ thống rất khó) từ đời này sang đời khác giữ gìn họ từ lời ăn tiếng nói. Nếu ai đó lỡ tạo một scandale thì thôi coi như « Thối rồi nát nửa đời hoa! ».

Ở Hội an, nếu không làm, anh em làm văn nghệ ít miễn thị xã này lắm, ngoài công vụ, việc cần thiết, anh em phải đến đề mong ước ra đi. Ngay một số anh em sinh trưởng tại đây cũng tìm lý do ra đi: Thái Tú Hạp, Hoàng Lộc sống ở Đà Nẵng, Trần Hoài Da Vũ sống ở Huế..

Còn sinh hoạt văn nghệ ở đây thì sao?

Năm ngoải, 1973, vào tháng 2, anh Chu Ngym Vũ đã tổ chức một đêm THƠ và NHẠC tại đại đội CTCT (do đại đội này bảo trợ) quy tụ một số anh em văn nghệ sĩ Miền Trung đông đảo. Đây là đêm sinh hoạt văn nghệ đầu tiên, rất lạ, thành công. Tưởng từ đêm đó có thể cháy bùng trong đám trẻ thích văn nghệ, nhưng không, im lìm.

Sau đó, nhà văn Duy Lam có ghé Hội an khuyến khích tổ chức Tuần Lễ Văn Hóa, nghe đâu anh Phạm Phú Lợi, Đinh Trần Ca, Chu Ngym Vũ có mời những vị bấy lâu được xem như mẫu người văn hóa ở đây, mấy cuộc họp bàn tới bàn lui, những vị khoa bảng nói trật rờ hết trơn. Cũng năm ngoải, vào tháng chạp, anh Phạm Phú Lợi, giáo sư trường Trần Qui Cáp, và anh Chu Ngym Vũ lại tổ chức đêm THƠ và NHẠC khác tại thính đường trường Trần Qui Cáp (do trường bảo trợ) lại thành công, lại rất dễ thương, khán thính giả hoàn toàn chọn lọc.

Đầu năm nay, 1974, theo lời mời của ban giám đốc trường TQC, nhà văn Phan Du đến nói chuyện với đề tài: Quảng Nam qua các Thời đại. Số người nghe đều là giáo sư và học sinh.

Tháng 3 năm nay, tôi, anh Phạm Phú Lợi, anh Chu Ngym Vũ tổ chức đêm THƠ và NHẠC tại thính đường trường Bồ Đề (Đầu 3) (do ĐĐ Đặc ủy Văn hóa Giáo dục bảo trợ). Mọi việc đang diễn tiến tốt đẹp, ngày chót anh Phạm Phú Lợi nhận được điện tín, đi rước lão tiền bối (cụ Phạm Phú Hưu) ở Sài Gòn ra, Anh Chu Ngym Vũ đi Đà Nẵng đón anh em văn nghệ sĩ trước đó hai ngày. Chỉ còn mình tôi lo giấy mời, giấy vào cửa, lo từng cái bàn,

cái ghế, lọ hoa, bình trà. Thiếu nhân sự, tôi mệt lả, ợ mặt xanh. Số khán thính giả đi quá liệu định, độ 1500 người, mồ hôi nhễ nhại, một biển người chen lấn lên cầu thang, anh em văn nghệ sĩ phải mở đường máu mới lên được. Anh em không phân nan gì cả, lần lượt lên bục gỗ trút hồn thơ và nhạc xuống đám đông; đám đông xê dịch để được nhìn anh em ngâm thơ, hát nhạc. Rốt cuộc tôi phải chạy tiền trả nợ mới đủ vào sổ chi phí và mở tai nghe anh em chửi thề một cách thông cảm. Hết sảy!

Trong ba đêm THƠ và NHẠC nói trên, anh em văn nghệ sĩ sáng tác không ngoài, thơ: Đồng Trinh, Hoàng Lộc, Thái Tú Hạp, Vũ Hữu Định, Hạ Quốc Huy, Đoàn Huy Giao, Nguyễn Văn Ngọc, Trần Dạ Lý, Thiếu Khanh, Hoàng Tư Thiện, Nguyễn Hoàng Thọ...; nhạc: Vĩnh Điện, Trần Quang Lộc, Đinh Trầm Ca, Tôn Thất Lan, Huỳnh Văn Đức...; văn: Chu Ngym Vũ (khai tử và giới thiệu); đàn tranh: cô Bích Vân; đàn dương cầm: anh Lê Khuê.

Tôi vẫn mến Hội an vì, Hội an đã gửi vào vùng cay đắng trong thân thể tôi một đóa hoa thầm lặng, (Phải không B. ?) vì Hội an có cái chiều sâu cổ tích, nhưng tôi phải ra đi vào mùa hạ tới. Hội an, nơi ra đi để nhớ!

TRẦN DẠ LÝ TẶNG NHƠN, NƠI CÓ NHỮNG THỨ VỊ BẤT NGỜ

Điều mà chính tôi không ngờ là tôi lại rơi xuống đây — ngọn đồi Tặng Nhơn (tôi cắt bỏ chữ Phú) này để làm một cuộc lột xác kỳ lạ. Điều mà tôi cũng không ngờ nữa là 6 năm lính thú phiêu bồng bạt mạng lại trở về — ngày đầu tiên chào mừng Tặng Nhơn bằng những lần du học Liên binh chủng.

Tặng Nhơn, tôi cứ đều đặn ba lô súng đạn đứng đi theo nhịp rập ràng. Có lúc tôi thân nhớ đến những năm 67, 68 có Nguyễn Sa, Lê Bá Lăng, Hồ Minh Dũng, Hà Nguyên Thạch... Những năm 69, 70 có Cao Huy Khanh, Viêm Tịnh, Nguyễn Đông Thạch, Mường Mán, Hạ Quốc Huy... Đông đảo vào đây mừng chí người trai. Đông đảo viết lách, đông đảo hát ca. Đông đảo nói cười. Đông đảo góp mặt trên tờ nguyệt san Bộ Binh. Bây giờ tôi thật sự lẻ loi

sinh khí, không còn dáng dấp khoẻ khoắn. Lại rai vài tháng có bích báo. Không khí buồn tẻ quá. Văn nghệ cạn khô lí lối ở đây rồi chẳng...

Tăng Nhơn, tôi chỉ còn mỗi một thú riêng là ban đêm nhìn sao mờ mờ mà nhớ Huế, ĐN, nơi có những người bạn thiết tha sao.

Tăng Nhơn, cho đến một ngày không hẹn, rất đổi tình cờ, rất đổi ngạc nhiên tôi gặp Nguyễn Minh Nữu, Bửu Tân, Nguyễn Thanh, Nguyễn Thanh, Thu Pleiku... Ôi những tên đồng điệu còn có nơi này. Qua những lần trò chuyện, café chúng tôi đã cùng cảm nhận: Không thể thiếu sự hiện diện của nhau. Cứ thế chúng tôi gặp nhau đều đặn trên sân cỏ trước hội quán SVSQ (bên cạnh ĐĐ 43) làm bài hội bất chấp cả giờ giấc, hát bài ca con cá vàng đề lãng mạn gặp nhau nói chuyện văn nghệ, gõ nón sắt cảm khái hát nhạc, ngâm thơ cho nhau nghe.

Tăng Nhơn, từ đó bọn tôi say mê nhau vì cùng có môi trường và hâm nóng nhau về chuyện viết lách. Đêm ngồi viết ngày vào lớp học thì ngủ đứng, ngủ ngồi. Học bài sùng cổ mà cãi nhau vì một câu thơ của Nguyễn Đức Sơn đề cùn: huynh đệ chi binh là cái gì đó anh Hai.

Tăng Nhơn, khi tôi bắt được tạo được những thú vị bất ngờ, những xót xa kỳ thú, những thao thức tuyệt vời thì chính là lúc tôi sắp sửa hạ sơn. Sắp sửa chào Nữu sôi nổi, chào Nữu ngơ ngơ, Thanh lăm lăm còn tiếp tục một hai ba bốn vài tháng nữa, đề vào một nơi nào đó. Nghĩ đến ngày xa tự nhiên tôi buồn ngủi...(29-3-74, Thủ Đức).

HOÀNG VŨ XUÂN TÂM

PLEIKU: Ở ĐÂY, BÂY GIỜ, BUỒN LẮM

Pleiku, ở cái thời oanh liệt thuở nào, bọn bè văn nghệ trôi giạt về đây cũng nhiều, café Văn đạo đó là nơi sinh hoạt hằng tuần của anh em và sau này là quán Tay Trái do anh em đóng góp dựng lên. Bây giờ tàn mát mỗi nơi một người. Cao Thoại Châu mang theo tân Bản Thảo Mật Đềi về Long An gần...

về vườn Châu Đốc làm nghề Thủy lâm cấy hạt. Và lúc nhớ anh em chắc Dũng sẽ đọc lại hai câu thơ của bài Khi Qua Đồi Chu Pao của anh: Chu Pao ai oán hờn trong gió. Mỗi chiếc khăn tang một tắc đường. Hoàng Khởi Phong, Vũ Hồi nay kẻ Đalat người Saigon, hình như quên mất những ngày êm ấm ở Pleiku. Bác Hương Tử bắt chước LTTC sang ngang khiến người ở lại ngậm ngùi. Nhìn đi ngó lại Pleiku bây giờ dính dáng tới văn chương chữ nghĩa còn đâu vài ba anh em. Vài ba anh em đó chẳng biết đi đâu nên đành ở lại. Anh em xa gần có dịp ghé thăm, tuy chả có nem công chả phượng thù tiếp nhưng có được tấm lòng nồng nàn quẩn quít như nước café đen ở Dinh Điền ở quán Bàng, cuống quýt viên đường trong chiếc tách thủy tinh buổi sáng buổi chiều. Tuy chỉ còn vài mạng buồn hiu nhưng năm rồi Vũ Hoàng và Kim Tuấn cũng gồng mình đứng ra tổ chức Tuần Lễ Văn Hóa với sự giúp đỡ tận tình của văn phòng Sóng Thấn tại Pleiku, Sở Học Chánh và Hội Đồng tỉnh. Làm một cái gì cho đỡ buồn và nợ nần dư quá càng làm buồn hơn. Nhưng nghe đâu, hai vị này còn muốn làm một lần nữa vào mùa hè này rồi có chết cũng sướng. Đó vẫn là ước mơ chung của nhiều người ở đây.

Pleiku, cây cỏ cũng đang buồn hiu như người. Bóng tối xuống đó và hầy có que diêm. Phải làm một điều nhỏ nào cho thủ đô cao nguyên đỡ buồn.

NGUYỄN ĐÌNH LÝ RẠCH GIÁ, CHỐN VẮNG

Tôi vốn yêu những thành phố mà ở đó, sinh hoạt văn học nghệ thuật được nâng cao với những tâm hồn trẻ nhiều thiện chí và đam mê hoạt động. Tôi vốn yêu những người dù chẳng làm được gì nhưng vẫn làm. Dù thất bại nhưng ít ra cũng có một cố gắng. Vì thế, tôi tự nhủ khi nhận sự vụ lệnh đến dạy học chốn này rằng chắc rồi mình cũng sẽ bắt gặp một đôi nét đặc thù về sự cố gắng ở đây.

Nhưng đó là điều chỉ là một ý tưởng. Ở đây không có một

trông chừng như xa lắm. Có đến mới biết được cái không khí buồn tẻ của một thành phố không văn hóa. Tôi cố gắng tìm hiểu cố gắng tìm kiếm một sinh hoạt văn nghệ hoặc báo chí hay xa hơn nữa, cố gắng tìm hiểu tâm tình của người dân ở đây. Rong hết các phố may lắm mới gặp một vài quán sách, một vài sạp báo chỉ bán sách giáo khoa hay tiểu thuyết rẻ tiền. Ghé một vài trường trung học, dường như chẳng có một nhóm văn nghệ. Không khí tẻ nhạt đến độ thăm thương.

Những người từ xa đến lỡ mang một nhiệt tình văn nghệ có lẽ rồi cũng đành đề mất đi. Không có một không khí, không có một hoàn cảnh, không có một môi trường... tôi vẫn không hiểu tại sao quê hương của một Kiên Giang, một Đông Hồ lại nghèo sinh hoạt văn học nghệ thuật đến như thế này.

Viết về sinh hoạt văn học nghệ thuật của một thành phố không có sinh hoạt văn học nghệ thuật là một điều vô ích, nhưng tôi cũng cố gắng viết. Nơi tôi đang sống, thực sự chỉ có thế. Dù sao đây cũng là một nét đặc thù ở nơi đây như Saigon với những bon chen giành giật.

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH MONG MÃI LÀ CỘNG CỎ

Dầu sao, phần nửa trong người tôi cũng là máu Huế. Dù mãi, tôi vẫn chưa nói được tiếng Huế và cứ bị ngao hoài về cái tiếng Nam đèo nhẹu của mình. Ở một chỗ quá nhiều người ca tụng như thế này có rất nhiều điều đáng nói và cũng rất nhiều điều không nên nói. Gần một năm qua ngoài gia đình không một bạn bè cũ nào biết tôi đang tập về đâu. Ở một nơi chung quanh đều là những mắt lạ, đôi lúc, thật dễ chịu. Thành phố này nghe nói có nhiều văn-thí-nhạc-họa sĩ ẩn. Tôi chưa hân hạnh được diện kiến một ai. Những cái tôi được đối diện kỹ nhất là những cơn bão lụt mưa gió và nắng. Tôi mê cái hình ảnh những chiếc thuyền nan ra giữa dòng vớt cỏ trong mưa mờ và nước dâng đầu gió hú đó cũng đang muốn đẩy tôi giật từ thành cầu bên

này sang bên kia. Hình ảnh đó khiến tôi liên tưởng đến câu thơ « chiếc bách giữa dòng » của Nguyễn Du. Nhưng chiếc bách rơi xuống giữa dòng là do « gió cây trút lá ». Còn tôi, rõ ràng đây là một sự tự chọn. Mọi thân van đều vô nghĩa, tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những quyết định và hành động của tôi. Tuy thế, tôi cũng quá phiền lòng khi có những người lạ nhận mặt và nhắc cái quá khứ mà tôi không mong nhớ chút nào hết. Ở đây, đời sống thật hoàn toàn hạnh phúc nếu không ai chú ý đến mình. Tôi mong có những buổi đọc thơ, mình được chiếm một chỗ thầm bên dưới đề ngồi nghe. Thỉnh thoảng, tôi cũng được chen chúc giữa những người lạ ngồi hay đứng trong một buổi trình diễn văn nghệ nào đó. Những buổi cứu trợ của sinh viên Huế nhìn vào một mặt nào đó, rất là dễ thương dầu đôi khi nó gây cho một số người thái độ nguy tín.

Một năm qua tôi đã sống như thế. Một mình, không tình yêu (nghĩa là không tha thiết hẳn với một cái gì). Rong chơi (học, đôi lúc cũng là một thứ rong chơi trá hình phải không những các kè, sán lải). Vờ vặt (hay vờ vịt) như một cộng cỏ, không hơn không kém. Một bạn cũ tình cờ gặp kêu sao bây giờ mầy khác thế. Tôi không muốn bắt chước cái giọng nguy biến của Ân Anh bảo cây quất ngọt ở Giang Nam, chua ở Giang Bắc vì thổ nghi hai xứ khác nhau. Nhưng tôi có cái lạc quan của cộng cỏ rằng vài tháng nữa thôi, nắng sẽ nhuộm tôi xanh ngấn ngắt. Trong những vòng xe đạp quanh các lăng tẩm, những dịp về làng xóm hẻo lánh bị đói lụt tôi thấy đất nước — nhất là miền Trung — hình thức có khác nhau nhưng trong sâu thẳm tình người, hồn cỏ cây như là vẫn vậy. Nghĩ thế mà bót ra đứng đôi cao ngóng về quê mẹ.

Trên ngự viên Thiên An, những cây thông nứt búp chĩa nhánh lên trời tôi đã hết thấy đó là những bàn tay vươn lên như những cầu cứu thăm thăm tuyệt vọng mà đã trông ra hình ảnh những ngọn đuốc thấp mờ một tin yêu mỏng mảnh. Còn sáu tuần nữa tôi về. Anh tôi bảo :

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH

TAN NHƯ TRẮNG LẠNH

tan như màu trắng lạnh
quê cũ mờ thức mây
thông ngàn ngàn nứt nẻ
không ấm được nỗi hàn
đất người, tro mắt ngó
đối bóng cười với gương

tháng năm như cơn mộng
mở mắt lạc người thân
như muốn đời vẫn đứng
non nước hốt xoay đời
núi cao chôn chỗ chôn
chưa già sức đã suy
những thương yêu cách trở
ta như cành củi tro
nhánh cành bị chặt trụi
lây lắt sống quê người
tiếp hơi bằng mộng cũ
sống chờ ngọn lửa thôi

HOÀI ĐIỂM TỪ

VIỄN TÂY

Khi về chiều cũng theo xe
Co co bến vắng vàng hoe tuổi trời
Một tay đã mỏi đưa người
Một tay đã nặng những mời gọi xưa
Cảm ơn mấy chỗ tình hò
Này đây hành lý xác xơ mộng đầu
Đường dài bóng aiếc chân cao

ĐẶNG TẤN TỚI

QUÊ NHÀ

Đất cũ ta lại về
Đừng đi nơi chẳng động
Sao còn sót lệ khuya
Nhớ nhau một trời trống

HƯƠNG LỬA

Tình ơi tan quá mộng !
Mười năm lệ vắng khộng
Mới hay tro tàn lạnh
Mà lửa hương thơm nồng

KHÔNG LỘ

Trần gian không một chỗ
Nhưng bao nhiêu là lỗ
Khai mở suốt đêm ngày
Trời ơi ! sao chẳng lộ

THƠ RỜI

Những ông bạn ta ơi !
Thơ ca đã lắm lời
Hãy cùng nhau vô núi
Leo cỏi đá xanh chơi

CHƠI LÁ CỎ

Em về chơi lá cỏ
Hát mấy ngổ thanh xuân
Ta vào trong hội mừng
Quên hết màu sinh diệt



Mong bạn đọc tạm thời giới hạn mỗi thư một câu hỏi và chỉ hỏi trong phạm vi Văn học Tổng quát mà thôi.

THƯ TRUNG

● *Lê-thị Thanh-Lan, SVVK Sài-gòn, hỏi:*

Tôi tra cứu nhiều sách nhưng không tìm ra tiểu sử Bà Huyện Thanh-quan. Nếu có thể, mong ông giải đáp giúp?

— *Trả lời:*

Mới đây, có nhà nghiên cứu đã tìm ra được quán chữ của Bà Huyện Thanh-quan, nhưng còn niên canh thì vẫn chưa được rõ. Xin mượn tài liệu trong cuốn «Introduction à la Littérature Vietnamiennne» của Maurice M. Durand và Nguyễn Trần Huân (G.P. Maisonneuve et Larose, Paris 1969) để trả lời cô:

Bà Huyện Thanh-Quan tên thật là Nguyễn thị HINH, quán làng Nghi-tàm, huyện Hàm-long, tỉnh Hà-nội (Bắc Việt). Bà là con gái ông Nguyễn Lý (1755-1837) Đốc Học tỉnh Sơn-tây và Hải-dương.

Bà kết hôn với ông Lưu Nghi đậu cử nhân năm 1924 và làm Tri huyện Thanh quan «sau trở thành phủ Thái-ninh, tỉnh Thái-bình».

Nổi tiếng văn hay chữ tốt, Bà được vời vào cung dạy học cho các công chúa. Bà chịu ảnh hưởng của phụ thân và của Phạm Qui Thịch vốn là thầy của cha bà. Cũng vì thế mà trong thơ Bà thường bày tỏ một niềm uất ức sâu xa về sự suy vong của Lê triều. (Sđd, tr. 181).

● *Một độc giả ở Ban-mé-thuật, hỏi:*

Trong bài thơ Chuỗi Ngọc của Đông Hồ có câu: «Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về». Xin ông vui lòng cho biết ý nghĩa và điển tích «Châu về Hợp Phố»?

— *Trả lời:*

Châu về Hiệp-phố (hoặc Hợp-phố) là một cổ tích Việt-nam: Đời Hậu Hán, đất Hiệp-phố, quận Giao-chỉ (sau này là nước ta) có nhiều châu (ngọc). Người Trung hoa lúc bấy giờ đồ hộ xứ ta, bắt dân ta tìm châu. Bị hà khắc, dân chịu không nổi, xúm nhau bỏ đi chỗ khác, thì châu mất. Sau, Mạnh Thường làm Thái thú sửa bỏ lệ cũ; người trong xứ trở về làm châu như cũ; thì châu cũng trở về mà lại còn nhiều hơn trước nữa.

Câu thơ bạn dẫn là thơ của Nguyễn Du. Có lẽ sau này, trong bài Chuỗi Ngọc Đông-Hồ tiên sinh đã dẫn lại thơ cổ (?).



Mong bạn đọc tạm thời giới hạn mỗi thư một câu hỏi và chỉ hỏi trong phạm vi Văn học lông quýt mà thôi.

THƯ TRUNG

● **Lê-thị Thanh-Lan, SVVK Sài-gòn, hỏi:**

Tôi tra cứu nhiều sách nhưng không tìm ra tiểu sử Bà Huyện Thanh-quan. Nếu có thể, mong ông giải đáp giúp?

— **Trả lời:**

Mới đây, có nhà nghiên cứu đã tìm ra được quán chử của Bà Huyện Thanh-quan, nhưng còn niên canh thì vẫn chưa được rõ. Xin mượn tài liệu trong cuốn «Introduction à la Littérature Vietnamienne» của Maurice M. Durand và Nguyễn Trần Hoàn (G.P. Maisonneuve et Larose, Paris 1969) để trả lời cô:

Bà Huyện Thanh-Quan tên thật là Nguyễn thị HINH, quán tang Nghi-tâm, huyện Nam-dong, tỉnh Hà-nội (Bắc Việt). Bà là con gái ông Nguyễn Lý (1755-1837) Đốc Học tỉnh Sơn-tây và Hải-dương.

Bà kết hôn với ông Lưu Nghi đậu cử nhân năm 1924 và làm Tri huyện Thanh quan «sau trở thành phủ Thái-ninh, tỉnh Thái-bình».

Nổi tiếng văn hay chữ tốt, Bà được vời vào cung dạy học cho các công chúa. Bà chịu ảnh hưởng của phụ thân và của Phạm Quý Thích vốn là thầy của cha bà. Cũng vì thế mà trong thơ Bà thường bày tỏ một niềm luyến tiếc sâu xa về sự suy vong của Lê triều. (Sđd, tr. 181).

● **Một độc giả ở Ban-mê-thuột, hỏi:**

Trong bài thơ Chuỗi Ngọc của Đông Hồ có câu: «Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về». Xin ông vui lòng cho biết ý nghĩa và điển tích «Châu về Hợp Phố»?

— **Trả lời:**

Châu về Hiệp-phố (hoặc Hợp-phố) là một cổ tích Việt-nam: Đời Hậu Hán, đất Hiệp-phố, quận Giao-chỉ (sau này là nước ta) có nhiều châu (ngọc). Người Trung hoa lúc bấy giờ dò hộ xứ ta, bắt dân ta tìm châu. Bị hà khắc, dân chịu không nổi, xúm nhau bỏ đi chỗ khác, thì châu mất. Sau, Mỵch. Thường làm Thái thú sửa bỏ lệ cũ; người trong xứ trở về làm châu như cũ; thì châu cũng trở về mà lại còn nhiều hơn trước nữa.

Câu thơ bạn dẫn là thơ của Nguyễn Du. Có lẽ sau này, trong bài Chuỗi Ngọc Đông-Hồ tiên sinh đã dẫn lại thơ cổ (?).

● **Đào Gia Thư Các, Gia-định, hỏi :**

Tam đại có nghĩa là gì ? Một nghĩa hay nhiều nghĩa ? Tam đại phát minh là những gì ?

— **Trả lời :**

Tam đại có nghĩa là ba đời : cha, ông và cổ. Trong cổ tích Trung-hoa, tam đại chỉ ba triều đại là Hạ, Thương và Châu.

Tam đại phát minh là ba phát minh của người châu Á, từ thời Trung Cổ : thuốc nổ, thuật ẩn loát và kim chỉ nam.

● **Nguyễn Văn Đình, Biên hòa, hỏi :**

Tôi xem truyện Tàu, có mấy điều thắc mắc, nhờ ông giải thích giúp :

- Nhơn bất thông cô kim, ngư mã nhi khâm cư ?
- Nhơn chỉ tương tử, kỳ minh giả ai ?
- Bát Bộ Kim Cương là một thế võ ?
- Bạo hồ bằng hà chỉ cái gì ?

— **Trả lời :**

a) Người mà không thông việc xưa nay thì cũng như trâu ngựa được mặc áo quần.

b) Người gần chết lời nói ra hiền lành ; còn chim gần chết, tiếng kêu nghe ra bi thương.

c) Phật giáo, chỉ tám vị bồ tát.

d) Có nghĩa : tay không, cầm được cộp ; không thuyền, qua được sông. Chỉ người có sức mạnh (mà không có trí).

● **Trần Chí Thành, Ba-xuyên, hỏi :**

Xin ông cho biết tiểu sử của Nguyễn Mộng Giác ?

— **Trả lời :**

Nguyễn Mộng Giác, tên thật, sinh ngày 1 tháng 1 năm 1940 tại Xuân-hòa, Bình-định (Trung Việt). Tốt nghiệp Đại học Sư phạm, ban Việt văn, ra dạy học. Hiện làm Chánh Sở Học chánh Qui-nhon. Bắt đầu viết từ khi còn là sinh viên, đã cộng tác với nhiều tạp chí xuất bản ở Sài-gòn. Tác phẩm gồm có :

— Nỗi Băn Khoăn Của Kim Dung, tiểu luận, Văn Mới, Sài-gòn, 1972.

— Bão Rớt, tập truyện, Trí Đăng, Sài-gòn, 1973.

— Tiếng Chim Vườn Cũ, truyện, Trí Đăng, Sài-gòn, 1973.

Theo nhận xét của nhiều nhà phê bình, Nguyễn Mộng Giác là một trong số ít những nhà văn trẻ có chân tài, chắc chắn sẽ còn đi xa trong tương lai.

● Cô Xuân Mai, Sài Gòn, hỏi :

Thời tiền chiến, có Nam Đồng Thư Xã. Xin ông cho biết hoạt động và mục đích của thư xã đó?

— Trả lời :

Đọc tiểu sử NHƯỢNG-TỔNG trong Thời Tập số này, cô đã rõ Nam Đồng Thư Xã là do Nhượng Tống sáng lập.

Rõ hơn, Nhượng Tống đã cùng một đồng chí là Phan Tuấn Tài lập Nam Đồng Thư Xã vào năm 1927 để xuất bản các sách thuộc loại tư tưởng mới, có mục tiêu cứu quốc. Nam Đồng Thư Xã cũng là cơ sở mầm mống của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

● Hoàng Trung Dũng, Đà-lạt, hỏi :

Xin cho biết sơ lược tiểu sử nhà văn Selma Lagerlof?

— Trả lời :

Selma Lagerlof sinh năm 1858 tại Morbacka, Thụy-điển. Học tại Thụy-điển xong, bà dạy học tại Landskrona. Lúc đó, tạp chí *Lån* mở một cuộc thi văn nghệ. Bà gửi tác phẩm *La Saga de Gosta Berling* dự thi và đoạt được giải thưởng (1890-91). Từ đó, bà sáng tác không ngừng. Năm 1895, được một học bổng của Hoàng gia bà bỏ nghề dạy học, du lịch sang Ý đại lợi và miền duyên hải Levant. Năm 1909, bà được trao tặng Giải Nobel về Văn chương. Năm 1914, bà được tuyển dụng làm nhân viên Hàn-lâm-viện Thụy-điển và trở thành một trong những tên tuổi lớn của nền văn chương Thụy-điển. Bà mất năm 1910 tại Morbacka.

Tác phẩm của bà có rất nhiều, nhưng ta có thể kể những tác phẩm chính: *Les Liens Invisibles*, *Les Miracles de l'Ante-christ*, *Jérusalem*, *Les Reines de Kungahalla*, *l'Anneau du Pêcheur*, *Les Écus de Messire Arne*, *Le Merveilleux Voyage de Nils Holgersson*, *Morbacka v.v...*

● Cô Tân Hoài, SV Vạn Hạnh, hỏi :

Ouvrage en trois tomes và Ouvrage en trois volumes. Tome và Volume khác nhau thế nào, xin ông giải thích giùm?

— Trả lời :

Theo chỗ chúng tôi hiểu thì không có gì khác nhau. Tome hoặc Volume đều có nghĩa là quyển (hoặc cuốn) sách. Ouvrage en trois tomes (hoặc trois volumes) cũng có nghĩa là: bộ sách gồm ba quyển (hoặc cuốn).

Chúng tôi đã hỏi thăm một anh bạn có rất nhiều liên hệ với Quán Tre mà anh bạn đó cũng không nhớ. Đành phụ lòng bạn vậy.

— Một độc giả ở Gò-công.

Chúng tôi tra cứu không thấy có văn liệu nào về bà Tôn Đoan Di cả. Người thiếu phụ trong Chính Phụ Ngâm là một thiếu phụ vô danh. Sau này, nếu tìm được tài liệu mới nào khác, chúng tôi sẽ xin trả lời đề bạn được tường. Mong bạn cảm phiền.

— Bà Trần Thị Thi, Bình-định.

Chúng tôi đã có thư riêng gửi bà. Mong là bà đã nhận được thư đó.

— Bạn Đăng, Sài-gòn.

Cho tới nay, chúng tôi chưa truy cứu ra xuất xứ bài thơ chép trong cuốn sổ tay của thân phụ bạn. Sau này, nếu tìm ra, chúng tôi sẽ tin bạn dạng rõ. #

THIU TRUNG

RAO VẶT:

Cần mua lại với giá gấp đôi các tờ báo Khởi Hành mang số 78-81-93-97-98-124-126-128-139-145-148. Liên lạc : Trần Thanh Liêm, KBC : 3331/TQT.

CÁO LỖI:

Trong Thời Tập kỷ tưởng niệm Đào Trinh Nhất, phần tiểu sử Đào Trinh Nhất đã in : *nhằm ngày 18 tháng giêng Tân Mão* (giờng 1: tính từ trên xuống) nay xin đổi là : *ngày 25 tháng 10 Tân Mão*.

Trong số Mùa Xuân, nơi trang 51, bài của Thanh Tâm Tuyền đã in : **Thành Thái thứ 6 (1874)** xin đọc là : **Thành Thái thứ 6 (1894)**

Trong số tưởng niệm Phan Khôi, nơi trang bìa, in phát hành ngày 15-4-1974, xin đọc là 15.3.1974. Cũng cùng số này truyện ngắn của Trần Hoài Thư : **Ta Còn Một Bát Tráng Vàng** đã in ngoài bìa, vì một lý do ngoài ý muốn của tòa soạn đã không thể dùng. Thời Tập chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc về các lỗi kể trên.



LÊ KIM THĂNG (BD) : Anh em Thời Tập: cảm ơn lá thư của ông. Hẳn ông đã kiểm được các số 1,2,3? Hy vọng của chúng tôi là khiến Th.T. trở thành nơi gặp gỡ, tiếp xúc của sinh hoạt văn học, nhất là của những người cầm bút và đọc sách trẻ tuổi ở khắp mọi nơi. Về bài vở, ông cứ gửi tiếp cho.

TRẦN HUYỀN THOẠI (P.R.) : Trước hết trả lời đề nghị của anh: 1) việc ghi dấu số ở mặt sau, đồng ý. 2) Anh em cầm bút các nơi trường thuật sinh hoạt gửi về, sẽ đăng. 3) mục đọc sách đã bắt đầu. Mong anh cứ thỉnh thoảng cho ý kiến như trong lá thư dài của anh kỳ này. Cảm tạ.

LÝ THIÊN NGỘ (Vạn Hạnh) : Từ tập Khái Hưng anh mới biết là có Th.T. ra đời, kể thì quá buồn cho một tập san không có vốn quảng cáo. Xem ở gáy, anh sẽ biết tập mấy, qua số các dấu chấm. Các kỳ cũ, anh đến chúng tôi, hay nhà sách Thế Sự, 54 Lê Văn Duyệt hoặc quán báo Cô Nga, góc Lê Lợi — Nguyễn Trung Trực có đủ. Đã có nhiều cây bút trẻ xuất hiện rồi đó. Đâu phải Th.T. chỉ đăng bài anh em trong bộ biên tập như anh nói?

NGUYỄN HẢ (Pleiku) : Sao anh lại phải mua tờ 230đ trong khi giá đề có 180đ? Người bán báo đã lời 36đ khi bán đúng giá 1 tờ Th.T. Như thế họ lời 86đ một số. Không phải trả thêm cước phí nào hết, vì nhà báo lành đủ rồi. Tốt hơn là... mua dài hạn! Nếu Pleiku có một nhà sách chịu làm đại lý cho Th.T. riêng thì độc giả vừa mua được đúng giá, vừa đủ các số thiếu (số cũ). Đã nhận bài mới của anh.

TA MỸ (Kontum) : Nhiều GS đã tham dự cuộc phỏng vấn. E rằng có nổ lớn với cuộc phỏng vấn này. Thân ái.

TRẦN ĐẮC THẮNG (Cần Thơ) : Thơ Tình à? Thơ tình là nhất rồi. Đọc Th.T. kỳ này anh sẽ hình dung ra các kỳ trong tương lai. Tôi đi Cần Thơ sau Tết chớ? Gửi cho cái đã nói đề xem.

NGUYỄN TRI (CT) : Rất thích bài Dòng Trôi. Sẽ đăng. Có gì cứ gửi về.

THANH HOÀI MINH (AG) : Theo tôi, làm thơ khó nhất trong các thứ sáng tác. Cần làm kỹ, tháng một bài thôi, sẽ thành công. Tưởng tượng như vẽ 1 tấm tranh, sửa hoai đường nét, màu sắc, có phải cứ vẽ là được ngay 1 tấm tranh đâu? Anh nghĩ phải không?

LÊ HOÀNG NHỊ (KT) : Anh đã thấy ngay tập này rồi: chữ nhỏ, nhiều bài hơn. Bây giờ mới làm được điều đó dù biết từ lúc đầu. Bài viết tay dĩ nhiên chỉ viết 1 bản được rồi. Thân ái.

LÊ PHÁT THẮNG (Ph.D) : Khuyên hướng chọn bài: chọn cái hay, cái đẹp, còn người viết muốn viết gì thì viết, miễn là

viết hay, viết đẹp, và nói đến cái đẹp. (Không có dẫn thân viêm mớ hiện thực gì cả, phiền lắm mà cũ mèm như anh thấy. Báo cũ, anh xem ở mục dưới.

TRẦN ĐỨC OANH (ĐL): Rất vui lòng, tuy không biết đề cái đó ở đâu? Anh đã nhìn đúng việc làm của Thời Tập. Hôm qua (19-4) một giáo sư người Pháp — đang làm luận án Tiến sĩ về ngôn ngữ và văn học V.N hiện đại — được chỉ dẫn đến Thời Tập hỏi về sinh hoạt Văn Học V.N 20 năm qua, hỏi tôi một câu khiến tôi khó trả lời. Câu đó có thể được trả lời bằng lá thư của anh, cũng như của anh Lê Kim Thăng và anh Trần Huyền Thoại. Ông ta hỏi: tại sao tôi làm tờ Thời Tập? Câu trả lời là: Tôi làm báo văn nghệ vì tôi muốn ở trong sinh hoạt văn nghệ hoài.

Ông ta nói nhiều bạn người V.N mách đến Thời Tập thế mà đối với đương sự, thì các tác giả cộng tác ở Thời Tập từ 1 đến 5, toàn là «tác giả vô danh». Nghe thật ớn. Nhưng nhận ra một thiếu sót đau khổ của miền Nam: cho tới nay, chúng ta chưa có một bộ văn học sử từ 1945-1973. Ông ta đã đặc biệt nghiên cứu Cao Huy Khanh, nhờ tôi dẫn đến Cao, tiếc rằng nhà biên khảo này lại ở Nha Trang. Tôi và Điền có viết ra một danh sách 7 người đề ông ta đi hỏi thêm. Kỳ sau nếu tiện tôi sẽ viết lại cuộc nói chuyện 2 buổi sáng này. Khi từ biệt, ông ta nói về Pháp (2 tháng nữa) sẽ mua dài hạn Thời Tập và bảo các bạn ông ta (học về Việt ngữ) mua luôn; và hứa kiếm cho tôi cuốn sách ở Pháp trích dẫn các bài ở Khởi Hành (họ dịch là Le Départ). Bài trích dẫn nghe nói của Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Nhật Duật và Thanh Tâm Tuyền. Cuốn sách ra vào tháng 2-1974. Những điều trên đề anh thấy rằng một tạp chí nằm trong lòng sinh hoạt trẻ là điều Thời Tập sẽ theo đuổi, như K.H. trước kia.

LÊ NGUYỄN TRẦM CA (BD): Tôi giải ngũ mới trong tháng 4. Cảm ơn anh. Anh đọc câu trả lời của tôi cho các anh Oanh, Thăng, Thoại, sẽ biết rõ chủ trương của Thời Tập. Những điều khác trong thư, tôi sẽ làm. Anh có quán cà phê, để làm nơi anh em ở B.D gặp gỡ chứ? Việc anh L. tôi xin chịu.

QUÁN THƯ: Đã chuyển ý kiến anh cho anh TT T và Nguyễn Tôn Nhan. Anh Nhan hoan hỉ sẽ kiếm các chi tiết đó cho anh.

TRẦN ĐẮC KHÁNG (PR): Vậy sẽ đi bài đó và sẽ sửa chỗ anh nói. Tôi sẵn sàng đi Phan Rang khi các anh tổ chức. Hôm 7 vừa rồi tôi đi Vĩnh Long, nói chuyện với các HS ở hội trường Tổng Phước Hiệp. Gặp anh em văn nghệ vui nhiều, tuy rằng nói chuyện với các HS rất hữu ích.

TRẦN KIÊN THẢO (CT): Hôm xuống Cần Thơ, có hỏi anh mà không biết anh ở đâu. Rảnh lên Sg nhớ ghé Th.T.

TRẦN VĂN NGHĨA (Blao): Đúng như anh viết: liên hệ văn... không biết thôi. Nhớ chứ.

TRÂM CHÂU (MT): Tập Truyện Tình hoàn toàn là sáng tác. Tập Thơ vừa sáng tác vừa biên khảo: Lược Sử Thi Ca VN, và có Tay Đới giữa 2 nhà thơ.

CHỜ ĐIỀN (GD): Anh cứ gửi bài lên, được sẽ đăng ngay. Anh miễn cho việc đưa nhận bài riêng về 1 bài thơ nào, vì khó mà xét 1 bài thơ, mà phải như toàn thể. Thân ái.

TRẦN NGỌC KIM (BMT): Anh thăm hộ tôi cái hồ Nhà Đèn rồi? Dù sao tôi sẽ phải đi thăm lại nó, và thả chơi trong cánh rừng gần đấy. Khi lên Pleiku — nếu anh Vũ Hoàng muốn — sẽ ghé thăm anh. Nhất định. Và lúc đó sẽ nói chuyện về Thơ chơi.

NGUYỄN XUÂN (Kiến Hòa): Anh nhớ dữ. Hồi đăng thơ trên tờ báo đó, chúng tôi đều vừa 20 tuổi. Đề trả lời câu hỏi của anh, anh nên tìm đọc cuốn Thư Cho 1 Thi Sĩ Trẻ Tuổi của Rilke, Phạm Công Thiện dịch, đang bán solde. Cuốn sách hay lắm, có thể khiến anh hết thắc mắc. Anh cứ gửi cho kha khá, để quyết định.

HỒ TÀ DÔN (PT): Theo chỗ tôi biết — cũng như anh — thì phải viết là: «Ấy là lúc ông... bình thơ ông Bình Vội». Tác giả bài thơ là Lê Đạt chứ không phải là Phan Khôi.

PHAN VĂN NHƠN (Qnh) Cảm ơn ý kiến của ông. Rất đúng. Phan Khôi chỉ là số tưởng niệm — nhân ngày từ trần của ông — Với số này — đặc biệt về Tiểu Tuyết Lăng Mạn, hẳn ông thấy đỡ hơn.

TRƯƠNG THẢO NGUYỄN (Kontum): Đi những 3 tháng? Cầu ơn anh đã cho biết tình hình Th.T. trên đó.

PHẠM CAO HOÀNG (Đalat): Mong tin anh. Anh ở cùng địa chỉ ông QS?

VÕ DUY CHUNG (BMT): Không nhận được gì qua ông bạn mà Chung nhờ chuyển. Cảm ơn việc làm tốt cho Thời Tập.

ĐOÀN MINH HẢI (CTh): Lẽ ra nên ghé gặp ở quán Thăng Cuội hôm đó. Thời Tập sẵn sàng lắm. Nên viết ngắn thôi.

HÀN DÃ THẢO (PI): Nản lòng à? Anh có đọc Tập San Văn Chương không? Số mới nhất tập san đó có in bài của «một nhà văn 67 tuổi». Anh còn trẻ mà. Nói thế thôi, hẳn anh cũng thấy thứ gì gọi là tác phẩm, thứ đó cần rất nhiều thời gian, công trình.

MINH NGỌC (Huế): Lại né cả Thời Tập nữa? Ngó bộ có khó lắm. Huế à? Tôi sắp ra thăm mấy ông thi văn nhạc họa sĩ ăn của cô đấy. Sắp đi. Hy vọng gặp ở ngoài đó.

TRƯỜNG THI (ĐN): Cứ việc gửi chữ. Anh không nói, thành ra không nhớ ông ấy là ai. Nhưng chắc chắn cần phải không?

VŨ NGỌC: Hy vọng sớm gần ngày. Thật ra những kỷ trước chưa gọi là chủ đề, chỉ là một số bài đặc biệt thôi. Như kỷ này hẳn anh cũng tạm hài lòng? Những điểm khác đề coi. Số trang co dãn như kỷ này (thêm 12 trang) anh cũng đã thấy? (mà giá

thi y nguyên). Rất cảm ơn lá thư.

LÊ NGHIÊM VŨ (ĐN): Cảm ơn anh. Anh gửi tiếp cho.

TRỊNH BỬU HOÀI KBC (7018): Chờ NTĐS của anh về vùng đó. Tập thơ của anh đang in tại nhà in tôi, ghé về coi?

NG. MIỀN THƯỢNG (H.A): Rất tiếc tôi không còn giữ được tờ Diễn đàn số 19 có bài giới thiệu anh. Trúng 2 giải thơ đó là đỡ lắm.

BÀI NHẬN ĐƯỢC:

Hoài Phong Trần — Đoàn Minh Hải — Quán Thư — Đáng Ngọc — Đoàn Viết Chữ — Đinh Khánh Vân — Thanh Hải Sơn Thanh — Huy Hoàng — Võ Duy Chung — Nguyễn Đức Bạt Ngân — Trần Thoại Nguyên — Nhạc Thốc — Trần Thanh Liêm — Quan San — Phạm Mạc Thoại — Nguyễn Xuân — Trần Ngọc Kiên — Tần Hoa — Lê Duy Hùng — Chữ Điền — Sơn Sinh — Nguyễn Lương Vy — Dương Linh — Hồ Tà Đôn — Vũ Lệ Ái — Trần Châu — Hàng Quang Nhưỡng — Nguyễn Thanh Trịnh — NDV — Tường Hoài — Nguyễn Man Nhiên — Nguyễn Thừa Thoại — Tạ Mỹ — Tiêu Hồng Thái — Đông Giang — HDT — Ngô Cang — Nguyệt Lăng — Trần Đức Oanh — Trần Hữu Nghiễm — Hoàng Trần — Nguyễn Xuân Sơn — Nguyễn Viên Chân — Phạm Văn Thành — Lương Trọng Minh — Phú Khương — Lê Hoàng Nhị — Quan San — Nguyễn Tri — Phạm Ánh Hồng — Thanh Hoài Minh — Trần Đắc — Trần Văn Nghĩa — Trần Chí Thành — Chu Ngạn Thư — Nguyễn Minh Nữ — SaLy — Lê Hoàng Sau — TKT — PCH — Nguyễn Hữu Hạnh — Huy Sinh — Hàn Dã Thảo — Tô Hưng Ba — Nhất Viết Thiên — Ngô Thủy Kha — Băng Tường — DT — MN — Tống Nhã Anh — Quách Nhựt Mai — Nguyễn Miền Thượng — Kim Thạch — Vũ Tinh — Nguyễn Dũng — Trương Thảo Nguyễn — Định Quân.

Anh VŨ HOÀNG (Pleiku): Sẵn lòng đi Pleiku.



Tôi đang muốn thăm lại BMT. Giải ngũ rồi, đi đâu cũng đi. Có thể ở đó và BMT 3 ngày. Nói chuyện gì cũng vui. Thân.

M (Kiến Hòa): Bây giờ ở đâu? Ở đâu?

Anh DÃ THUY (H. An): Nhận được bài sau. Sẽ đăng vào Tập Thi Ca. Chúc anh dễ chịu mọi thứ.

Ô. NHÃ ANH (kho chứa kinh sách chùa Giác Lâm): Rất cảm tạ lá thư của ông nói về bài của Ô. Nguyễn Tôn Nhan trên Thời Tập tháng 4-74. Hoàn toàn coi tác phẩm của Sư Không Lộ là một bài kệ, thi quan điểm của người sống dưới mái chùa như qui tạng là đúng lắm, Ng Tôn Nhan đã viết trong bài là «có chút lòng bận rộn vì thơ» và coi như Không Lộ là «một thi sĩ thiền

... .. (Cần 2 Nhan có đăng

nguyên văn cả của Sư Không Lộ lẫn bản dịch của Ngô Tất Tố. **Đã tỉnh/Tỉnh quê — chung nhật/cả buổi — lạc vô dư/những mảng vui, mà vẫn phóng ra là « Vi vu thân thế tuyệt đời ông »** thì còn gì đề mà bàn ?) Có lẽ quý tăng chỉ muốn bàn về thái độ của ô. **Nhan thời.** Dù sao cũng cảm ơn quý tăng đã có lòng góp ý kiến về bài ấy, và nếu có thể, mời quý tăng ghé Thời Tập đàm đạo chơi.

Anh Đ.C (Huế) : Đã nhận tin anh và T.C.S.

CUỘC PHÒNG VẤN

Đã nhận được bài trả lời của :

— GS Trần Trung Ngôn — GS Cao Huy Vinh — GS Nguyễn Hữu Hạnh — GS Minh — GS Đình Thư.

Bài của quý vị sẽ đăng ngay đợt đầu, trong kỳ gần nhất. Đa tạ.

TRẢ LỜI CÁC BẠN MUA CÁC TẬP CŨ

Đề bạn đọc khỏi mất một lần viết thư hỏi giá (như nhiều bạn đã làm), Th. T. trả lời chung quý bạn như sau :

- Tập 1. giá 150 đ.
- Tập 2. (Xuân) giá 250 đ.
- Tập 3. giá 180 đ.

Và từ tập 3 trở đi, giá đồng nhất sẽ giữ là 180đ, dù tăng trang như kỳ này.

Vậy khi muốn mua tập nào, các bạn đã biết số tiền phải gửi. Quý bạn cũng khỏi gửi thêm cước phí, vì chúng tôi coi như giai đoạn này là giai đoạn cần phổ biến rộng Th. T., cước phí nhà báo chịu.

Lưu ý : Nếu mua nhiều tập trả tiền bằng bưu phiếu. Nếu mua một, hai tập trả tiền bằng tem cũng được. Gửi bưu phiếu, bạn phải tới bưu điện ; trả bằng tem, bạn chỉ cần mua số tem trị giá bằng giá báo là được.

Nói lại : Kỳ trước, cũng như lỡ đăng lại trên kỳ này, việc gửi các số cũ đến tiệm sách quý bạn chỉ định. Nay việc đó phải bỏ, vậy bạn nào muốn mua các số cũ, 1, 2, 3, xin liên lạc thẳng với Th. T. Mong quý bạn thứ lỗi.

MỘT ĐỘC GIẢ (qua địa chỉ ông Nhuận, V.L) : Ông chỉ cần gửi cho 430đ, chúng tôi sẽ gửi báo đảm tới ông. Cảm ơn lá thư khích lệ của ông.

TRẦN HUYỀN THOẠI (PR) : Phải hủy bỏ việc gửi qua nhà sách, gửi một số họ không hăng hái chút nào. Sẽ gửi ngay khi nhận được địa chỉ của anh.

LÊ PHẤT THẮNG (P.D) : Th.T. 2 tức là Xuân. Đã gửi 1,2,3 cho anh.

NHAN ANH HỒNG (NT): Đã gửi cho cô 1 và 2, cô thanh toán với Th.T. vì phải bỏ việc nhà phát hành.

PHÚ KHƯƠNG (QNh): Anh xem giá mỗi số ở trên, và gửi bưu phiếu (đền bưu điện xin gửi bưu phiếu) hay trị giá tiền bằng tem cũng được, sau đó anh sẽ nhận được báo. Hiện tôi không biết Phan Cung Nghiệp ở đâu.

TRẦN CHÍ THÀNH (BX): Đã gửi 1 và 2 tới anh (bảo đảm). Cảm ơn là thư của anh. Nhà văn cũng là người thương thời, có gì đâu.

TRẦN ĐỨC KHÁNH (PR): Gửi báo dài hạn cho anh kỹ này.

LÊ HOÀNG SAU (KBC 6510): Anh xem trả lời chung ở trên sẽ biết giá 4 kỳ T.T. đó. Ở Sg cũng có người chỉ biết đến Th.T. từ tập 5 như anh mà. Sẽ gửi báo đảm cho anh khi nhận được bưu phiếu.

PHAN VĂN NHƠN (QNh): Ông cho địa chỉ, bưu phiếu, chúng tôi sẽ gửi 1,2,3 tới ông. (580 đủ rồi, cước phí Th.T. chịu, đủ bảo đảm).

ĐẶNG QUỐC PHONG (Ch.T): Đã nhận được BP của ông, để gửi báo từ lần này. Những lời ông nói trong thư, rất cảm tạ.

— Thiếu Ủy **TRẦN ANH CHÂU**. KBC 6904 — **TU DƯ** (Blaô)

TRẦN HỮU VẠN LỘC (Hộp thư 851 Sg) — **VŨ LÊ ÁI** (Gò Công)

Một độc giả (Ba Xuyên): Xin gửi trị giá bằng tem, và địa chỉ rõ ràng, quý bạn sẽ có báo gửi tới nhà.

VIỆC ĐÓNG BỘ THỜI TẬP

Trước đây, và ngay tập này, chúng tôi có loan báo sẽ đóng bộ Thời Tập từ 1 đến 5 và giá « dự định » 600đ với « khoảng » 200đ cước phí bưu điện. Một vài bạn hỏi đến việc này, chúng tôi thấy cần phải nói lại như sau:

— Giá dự định trên đây chỉ dành cho các bạn đặt trước mà thôi. Những bộ đóng xong (300 bộ) khi đem bày bán tại một vài tiệm sách, sẽ bán với giá 900.000 tại Saigon; và 1.000đ một bộ tại các nơi khác.

— Đặt trước tại Thời Tập, và chỉ mua thẳng ở Thời Tập, mới có giá 600đ (nếu trực tiếp) và thêm 200đ (nếu qua bưu điện) một bộ.

Sở dĩ có khác biệt đó là vì đặt trước hoặc mua thẳng ở Thời Tập, quý bạn khỏi mất 30% qua nhà phát hành, do đó về đi được vài trăm đồng. Điều giải thích trên xin coi như lời trả lời chung cho các bạn đã hay sẽ hỏi mua Th.T đóng bộ.

CÁC TIỆM SÁCH BÁN ĐỦ THỜI TẬP CŨ

Th.T từ 1 trở đi có bán tại:

Nhà sách **Thế Sự**, 54 Lê Văn Duyệt, Saigon

— Quán Sách **Thống Nhất** (Cố Nga) — góc **Lê Lợi** — **Nguyễn Trung Trực** Saigon (ngang nhà hàng **Kim Sơn**) #